

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~4781~~/BTC-CLCS

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2026

V/v hoàn thiện hồ sơ Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế nhà nước

Kính gửi: Bộ Tư pháp

HOẢ-TỔC →

Thực hiện ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 139/BCTĐ-BTP ngày 09/4/2026 về Dự án Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế nhà nước (KTNN) và ý kiến các Bộ, cơ quan, doanh nghiệp tại cuộc họp thẩm định ngày 07/4/2026 tại Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính báo cáo và làm rõ một số nội dung chủ yếu sau đây:

1. Về cơ sở lựa chọn áp dụng trình tự, thủ tục ban hành; bảo đảm đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15.

Bộ Tài chính giải trình cụ thể như sau:

Dự kiến dự thảo Nghị quyết quy định các chính sách khác phạm vi điều chỉnh của khuôn khổ pháp luật hiện hành và thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội. Cụ thể như sau:

a) *Đối với thành tố doanh nghiệp nhà nước:*

Tại Luật Doanh nghiệp 2020 và Luật số 68/2025/QH15 chưa có các quy định về tỷ lệ được trích lại trên phần lợi nhuận vượt kế hoạch từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hàng năm của doanh nghiệp nhà nước để hình thành quỹ thưởng.

Trong bối cảnh nền kinh tế phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng hai con số và phát triển bền vững, đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô và an sinh xã hội, yêu cầu phát huy vai trò của doanh nghiệp nhà nước càng trở nên cấp bách. Nếu không có cơ chế đặc thù đủ mạnh thì khu vực doanh nghiệp nhà nước khó có thể tạo ra động lực tăng trưởng mới và có thể hạn chế việc phát huy vai trò dẫn dắt, mức độ lan tỏa của khu vực doanh nghiệp nhà nước đối với sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân.

Như vậy, rất cần thiết phải hoàn thiện hệ thống pháp luật cũng như ban hành một số cơ chế, chính sách đặc biệt liên quan tới KTNN (cụ thể là thành tố doanh nghiệp nhà nước) nhằm giải phóng nguồn lực, phân bổ, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của KTNN; từ đó hiện thực hóa các mục tiêu về phát triển đất nước.

b) *Đối với thành tố dự trữ quốc gia:*

Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế đề ra mức dự trữ quốc gia: đến năm 2025 đạt 0,8% - 1,0% GDP; đến năm 2035 đạt 1,5% GDP; đến năm 2045 đạt 2% GDP.

- Kết luận số 115-KL/TW ngày 16/01/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW quy định: *“Mở rộng phạm vi và tăng cường năng lực, nâng cao vai trò của dự trữ quốc gia, không chỉ phục vụ mục tiêu cứu trợ trong tình huống khẩn cấp mà thực sự trở thành dự trữ chiến lược, là công cụ phục vụ điều tiết thị trường để bảo đảm nền kinh tế vận hành ổn định, hiệu quả theo quy luật của thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa.”*

- Thông báo số 342-TB/VPTW ngày 18/9/2025 của Văn phòng trung ương Đảng về Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với các cơ quan về dự trữ quốc gia và dự trữ ngoại hối, trong đó đã yêu cầu: *“Trước bối cảnh tình hình thế giới và khu vực dự báo tiếp tục có những biến động phức tạp, đặt ra yêu cầu cấp bách phải tăng cường dự trữ quốc gia, dự trữ ngoại hối như một trụ cột quan trọng của an ninh quốc gia, an ninh kinh tế và phát triển bền vững”*

Thực hiện Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại Thông báo số 342-TB/VPTW ngày 18/9/2025 của VPTW về dự trữ quốc gia và Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019, kết luận số 115-KL/TW ngày 16/01/2025 của Bộ Chính trị, trên cơ sở đề xuất của Bộ Tài chính, Chính phủ trong năm 2025 Quốc hội thông qua Luật DTQG 2025 (ngày 15/12/2025), theo đó đã thể chế hóa đầy đủ, toàn diện chỉ đạo, kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, của Bộ Chính trị để quy định bổ sung mục tiêu dự trữ quốc gia theo hướng hình thành dự trữ chiến lược nhằm thực hiện tự chủ chiến lược quốc gia và là công cụ điều tiết thị trường để bảo đảm nền kinh tế vận hành ổn định, hiệu quả theo quy luật thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước đề ra mục tiêu: Phân đấu mức dự trữ quốc gia đạt tối thiểu 1% GDP vào năm 2030; phân đấu đến năm 2045, mức dự trữ quốc gia đạt 2% GDP.

Trong khi đó mức dự trữ quốc gia tính đến hết năm 2025 mới chỉ đạt khoảng 0,12% GDP; do vậy, để đạt được mục tiêu đề ra tại các Nghị quyết của Bộ Chính trị thì cần thiết Quốc hội ban hành Nghị quyết về cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển dự trữ quốc gia làm cơ sở để tổ chức thực hiện bảo đảm tính hiệu lực, hiệu quả, cụ thể:

- Nghị quyết số 79-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước ban hành ngày 06/01/2026 (sau thời điểm ban hành Luật Dự trữ quốc gia năm 2025 ngày 15/12/2025) đã định lượng cụ thể mức dự trữ quốc gia đến năm 2030 đạt tối thiểu 1% GDP, năm 2045 đạt 2% GDP. Do vậy để đảm bảo triển khai được mục tiêu của Nghị quyết số 79-NQ/TW, Nhà nước hình thành, quản

lý, sử dụng DTQG không chỉ đáp ứng mục tiêu xuất cấp hàng DTQG trong tình huống đột xuất, cấp bách mà còn thực hiện dự trữ chiến lược, là trụ đỡ quan trọng trong nền kinh tế, nhất là trong bối cảnh phải đạt mục tiêu chiến lược tăng trưởng hai con số, bảo đảm an ninh, quốc phòng, an ninh kinh tế, an ninh tài chính, an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an sinh xã hội. Do đó, bên cạnh việc kết hợp mô hình dự trữ chiến lược của Nhà nước, doanh nghiệp và kết hợp Nhà nước với doanh nghiệp thì cần phải ưu tiên ngân sách bố trí cho dự trữ quốc gia trong việc mua tăng hàng dự trữ quốc gia, dự trữ chiến lược và đầu tư xây dựng kho dự trữ quốc gia, bao gồm cả việc xây dựng các kho dự trữ chiến lược về xăng, dầu, dầu thô theo quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia và hệ thống kho dự trữ quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Các doanh nghiệp nhà nước là các doanh nghiệp giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm ổn định vĩ mô, định hướng chiến lược phát triển, giữ vững quốc phòng, an ninh; là lực lượng nòng cốt có tác động lớn đến an ninh kinh tế; nguồn lực quan trọng để Nhà nước chi phối, can thiệp kịp thời đáp ứng các yêu cầu đột xuất, cấp bách phát sinh.

Chiến lược dự trữ quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đang xây dựng hệ thống dự trữ chiến lược quốc gia theo mô hình nhiều tầng, trong đó dự trữ quốc gia do Nhà nước quản lý giữ vai trò nòng cốt; kết hợp với dự trữ lưu thông của doanh nghiệp và năng lực sản xuất của nền kinh tế. Nguồn lực dự phòng từ khu vực doanh nghiệp (đặc biệt là doanh nghiệp Nhà nước) và xã hội tham gia hệ thống dự trữ chiến lược quốc gia cũng là một trong những nguồn lực quan trọng.

Hiện nay pháp luật chưa có quy định cụ thể về cơ chế, nguồn vốn để các doanh nghiệp nhà nước tham gia thực hiện dự trữ chiến lược để thực hiện tự chủ chiến lược, phát triển ổn định nền kinh tế. Do đó, Bộ Tài chính nhận thấy cần có quy định, cơ chế để các doanh nghiệp nhà nước sử dụng phần lợi nhuận sau thuế được để lại tham gia dự trữ chiến lược theo phân công của Chính phủ.

- Việc dự trữ các mặt hàng chiến lược về công nghệ cao, đặc thù là cần thiết để phòng trường hợp biến động của thế giới, đặc biệt trong bối cảnh thế giới bất ổn như hiện nay. Tuy nhiên, việc dự trữ các mặt hàng này cũng tiềm ẩn rủi ro do sự thay đổi nhanh chóng của khoa học, công nghệ thế giới nên sau một thời gian dự trữ không đáp ứng yêu cầu về dự trữ chiến lược trong khi các chủ thể thực hiện dự trữ đã thực hiện đầy đủ các quy trình, đúng quy định của pháp luật. Cơ chế miễn trừ này cũng chưa được quy định tại Luật Dự trữ quốc gia.

Các quyết định điều tiết thị trường đều căn cứ dựa trên bối cảnh, tình hình thực tế, mang tính dự báo nên có thể có xác suất nhất định. Vì vậy, cần thiết phải có cơ chế bảo vệ nguồn cán bộ trong hoạt động dự trữ quốc gia nhưng cơ chế này chưa được thể chế hóa tại Luật Dự trữ quốc gia. Do vậy, cần thiết bổ

sung vào Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ sẽ có hướng dẫn chi tiết, cụ thể sau khi Quốc hội thông qua Nghị quyết.

Đây là những vấn đề cấp bách, phát sinh từ thực tiễn cần thiết phải trình Quốc hội xem xét, thông qua. Do đó, việc xây dựng Nghị quyết này bảo đảm đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15.

2. Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các Bộ, cơ quan, địa phương, Bộ Tài chính đã xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế nhà nước gửi Bộ Tư pháp thẩm định, trong đó, dự kiến cơ chế, chính sách đối với 6 thành tố của KTNN gồm: tài sản kết cấu hạ tầng, ngân sách nhà nước, dự trữ quốc gia, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức tín dụng nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; nhưng không quy định nội dung đối với 03 thành tố gồm: đất đai và tài nguyên thiên nhiên, quỹ tài chính Nhà nước ngoài ngân sách, phần vốn do Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ trở xuống. Theo đó, tại Báo cáo thẩm định, Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan soạn thảo lý giải nội dung thành tố KTNN được đưa vào dự thảo Nghị quyết để bảo đảm thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội.

Trên cơ sở ý kiến thẩm định, Bộ Tài chính đã nghiên cứu, rà soát văn bản pháp luật liên quan tới các thành tố KTNN. Theo đó, Bộ Tài chính xác định phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết như sau:

a) *Đối với thành tố đất đai, tài nguyên*: Kết luận số 18-KL/TW Hội nghị Trung ương 2 khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030 (Kết luận số 18-KL/TW) xác định: “Tập trung rà soát, sửa đổi và hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến phát triển nền kinh tế số, đầu tư kinh doanh, đặc biệt trong lĩnh vực đất đai, quy hoạch, thương mại, khoáng sản, xây dựng... góp phần tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh”. Do đó, việc bổ sung các chính sách đặc biệt đối với thành tố đất đai, tài nguyên sẽ được xem xét khi rà soát, sửa đổi, bổ sung pháp luật về đất đai theo Kết luận số 18-KL/TW. Theo đó, thống nhất không đưa nội dung liên quan thành tố đất đai tại Dự thảo Nghị quyết.

b) *Đối với các thành tố khác của KTNN* (gồm: tài sản kết cấu hạ tầng, NSNN, quỹ tài chính Nhà nước ngoài ngân sách, tổ chức tín dụng Nhà nước, phần vốn do Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ trở xuống và đơn vị sự nghiệp công lập): việc triển khai xây dựng các chính sách mới dự kiến thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ. Theo đó, thống nhất không đưa nội dung liên quan các thành tố này tại Dự thảo Nghị quyết.

c) Do vậy, Nghị quyết này quy định một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển KTNN, dự kiến áp dụng đối với các thành tố dự trữ quốc gia và doanh nghiệp nhà nước. Dự thảo Nghị quyết cụ thể hóa 04 chính sách đặc biệt, dự kiến gồm:

- Quy định cho phép doanh nghiệp nhà nước được trích tối đa 10% trên phần lợi nhuận vượt kế hoạch từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hàng năm của doanh nghiệp để hình thành quỹ thưởng.

- Ưu tiên bố trí ngân sách Nhà nước hàng năm để mua tăng hàng dự trữ quốc gia, hàng dự trữ chiến lược đối với các mặt hàng quan trọng, các mặt hàng phục vụ quốc phòng, an ninh, quốc kế dân sinh như lương thực, xăng, dầu, dầu thô, công nghệ cao... đảm bảo mức dự trữ quốc gia đã đề ra tại Nghị quyết số 79-NQ/TW; ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước và đầu tư xây dựng kho dự trữ quốc gia, trong đó tập trung xây dựng các kho dự trữ quốc gia chiến lược về xăng, dầu, dầu thô theo quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia và hệ thống kho dự trữ quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Doanh nghiệp nhà nước có vị trí ngành nghề quan trọng, tác động đến nền kinh tế - xã hội của đất nước dành tối thiểu 10% lợi nhuận để lại sau thuế theo quy định để tham gia thực hiện dự trữ quốc gia theo phân công của Chính phủ.

- Miễn trừ trách nhiệm đối với rủi ro mang tính khách quan khi thực hiện dự trữ quốc gia các mặt hàng chiến lược về công nghệ cao, đặc thù mà sau thời gian dự trữ nhưng không đáp ứng yêu cầu về dự trữ chiến lược cần thực hiện xuất bán, xuất cấp hàng dự trữ chiến lược trong khi đã thực hiện đầy đủ quy trình ra quyết định, quản trị rủi ro, công khai, minh bạch và không có hành vi vi phạm pháp luật hoặc miễn trừ trách nhiệm khi thực hiện điều tiết thị trường theo quyết định của các cấp có thẩm quyền.

(Giải trình chi tiết ý kiến thẩm định được gửi kèm theo).

3. Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, ý kiến đại diện các Bộ, cơ quan, doanh nghiệp tại cuộc họp thẩm định ngày 07/4/2026 (thành viên Hội đồng thẩm định); đồng thời, trên cơ sở tiếp tục nghiên cứu, rà soát hệ thống văn bản pháp luật liên quan, Bộ Tài chính đã hoàn thiện hồ sơ dự án Nghị quyết. Bộ Tài chính xin gửi Bộ Tư pháp và đề nghị Quý Bộ thực hiện thẩm định hồ sơ dự án Nghị quyết để có cơ sở báo cáo Chính phủ đề nghị đăng ký dự án Nghị quyết này trình Quốc hội tại Kỳ họp tháng 4 năm 2026 theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Hồ sơ dự án Nghị quyết gồm các tài liệu sau:

(1) Dự thảo Tờ trình Nghị quyết;

(2) Dự thảo Nghị quyết;

(3) Bản so sánh, thuyết minh dự thảo Nghị quyết với văn bản quy phạm pháp luật hiện hành;

(4) Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị quyết.

(5) Bản tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định tại Báo cáo thẩm định số 139/BCTĐ-BTP ngày 09/04/2026 của Bộ Tư pháp.

(6) Bản tiếp thu, giải trình ý kiến của một số Tập đoàn, Tổng Công ty.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Bộ././

Thông tin chi tiết liên hệ đồng chí Nguyễn Thị Chinh (Điện thoại: 0904.925.089; email: nguyenthichinh@mof.gov.vn).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ PC;
- Lưu VT; CLCS (.5 bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Cao Anh Tuấn

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 277/BC-BTC

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO

Về rà soát chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế nhà nước

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã tiến hành rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế nhà nước (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị quyết). Kết quả rà soát như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN RÀ SOÁT

1. Mục đích, yêu cầu rà soát

1.1. Mục đích

- Nhằm thực hiện, thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế nhà nước;
- Nhằm tháo gỡ các điểm nghẽn pháp lý làm hạn chế khơi thông nguồn lực nhà nước, ảnh hưởng tới hiệu quả của khu vực này;
- Nhằm tương thích với các điều ước Quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

1.2. Yêu cầu

- Bám sát quan điểm chỉ đạo, chủ trương của Bộ Chính trị tại Nghị quyết 79-NQ/TW ngày 6/01/2026 về phát triển kinh tế nhà nước;
- Tập hợp các văn bản cần rà soát; tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản quy định chi tiết trong việc rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị quyết.

2. Phạm vi, nội dung, đối tượng rà soát

- Các chủ trương, đường lối của Đảng có nội dung liên quan đến dự thảo Nghị quyết;
- Các văn bản quy phạm pháp luật có nội dung liên quan đến dự thảo Nghị quyết;
- Các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có nội dung liên quan đến dự thảo Nghị quyết.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến dự thảo Nghị quyết

Tổng số văn bản về chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến dự thảo Nghị quyết được rà soát là **09 văn bản** gồm: (1) Hiến pháp; (2) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII tại đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; (3) Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước; (4) Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; (5) Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế; (6) Kết luận số 115-KL/TW ngày 16/01/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị khoá XII về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế; (7) Nghị quyết 12-NQ/TW năm 2017 ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước; (8) Thông báo số 342-TB/VPTW ngày 18/9/2025 của Văn phòng trung ương Đảng về Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với các cơ quan về dự trữ quốc gia và dự trữ ngoại hối; và (9) Kết luận 14-KL/TW ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung.

Qua rà soát, dự thảo Nghị quyết đã kịp thời thể chế hoá chủ trương, chính sách của Đảng tại Nghị quyết số 79-NQ/TW; đồng thời phù hợp, nhất quán với chủ trương, đường lối của Đảng tại Văn kiện Đại hội Đảng XIV và tại các Nghị quyết, Kết luận liên quan đến nội dung dự thảo.

2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị quyết

Tổng số văn bản quy phạm pháp luật được rà soát là **2 văn bản**, trong đó: 02 Luật và 02 Nghị định. Các quy định của dự thảo Nghị quyết về cơ bản đảm bảo hợp hiến, hợp pháp, phù hợp với thẩm quyền ban hành của Quốc hội.

3. Điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật

- Qua rà soát đã xác định được có **03 điều ước quốc tế** liên quan đến dự thảo Nghị quyết, gồm: (1) Hiệp định về trợ cấp và các biện pháp đối kháng; (2) Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA); và (3) Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP).

- Đánh giá chung về tính tương thích của quy định tại dự thảo Nghị quyết với điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên: Qua rà soát, nội dung dự thảo Nghị quyết không trái với nội dung trong các điều ước quốc tế nêu trên.

4. Phụ lục

Báo cáo gồm 03 mục kèm theo phụ lục, bao gồm:

- (1) Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến dự thảo Nghị quyết.
- (2) Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị quyết.
- (3) Điều ước quốc tế liên quan đến dự thảo Nghị quyết.

(Phụ lục kết quả rà soát kèm theo Báo cáo).

Trên đây là Báo cáo về rà soát chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế nhà nước, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, CLCS (5 bản). ✓

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Cao Anh Tuấn

Phụ lục

RÀ SOÁT CÁC CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG, VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT, ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI VỀ MỘT SỐ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC BIỆT PHÁT TRIỂN KINH TẾ NHÀ NƯỚC



(Kèm theo Báo cáo số 27.7/BC-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến dự thảo Nghị quyết

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ <i>(đã thể chế hóa đầy đủ hoặc một phần)</i>	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</p> <p>1. Nghị quyết này quy định một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế nhà nước, áp dụng đối với các thành tố dự trữ quốc gia và doanh nghiệp nhà nước.</p> <p>2. Nghị quyết này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan.</p>	<p>1. Khoản 1 Điều 51 Hiến pháp năm 2013 khẳng định: “<i>Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế; kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.</i>”.</p> <p>2. Mục IV Báo cáo Chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng (Văn kiện Đại hội Đảng XIV) nêu rõ: “<i>Đổi mới kinh tế nhà nước, trọng tâm là doanh nghiệp nhà nước theo các chuẩn mực quốc tế, tăng cường hiệu quả và vai trò dẫn dắt của doanh nghiệp nhà nước.</i>”</p>	<p>Thể chế hoá chủ trương, chính sách của Đảng tại Nghị quyết số 79-NQ/TW; đồng thời phù hợp, nhất quán với quy định của Hiến pháp và chủ trương, đường lối của Đảng tại Văn kiện Đại hội Đảng XIV và tại các Nghị quyết của Trung ương, của Bộ Chính trị có liên quan.</p>	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (đã thể chế hóa đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<p>3. Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước (khoản 1 mục IV) giao: “<i>Đảng uỷ Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, bổ sung Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh, ưu tiên các dự án luật trực tiếp phục vụ triển khai thực hiện Nghị quyết</i>”.</p> <p>4. Tại Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số xác định giải pháp: “<i>Khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật... để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng các nguồn lực</i>” (điểm 2 mục III) và “<i>Có cơ chế hợp tác công tư..., trong đó nguồn lực nhà nước là chủ yếu</i>” (điểm 3 mục III).</p> <p>5. Tại tiểu mục 1.3, điểm 1, mục III của Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế đã xác định: “<i>...định vị vai trò chủ đạo của</i></p>		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (đã thể chế hóa đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>kinh tế nhà nước tập trung vào định hướng, dẫn dắt và thực hiện những dịch vụ công, đầu tư các dự án trọng điểm quốc gia mà các thành phần kinh tế khác không đủ năng lực hoặc không có nhu cầu đầu tư.”.</i>		
<p>Điều 2. Cơ chế, chính sách phát triển dự trữ quốc gia</p> <p>1. Ưu tiên bố trí ngân sách Nhà nước hàng năm để mua tăng hàng dự trữ quốc gia, hàng dự trữ chiến lược đối với các mặt hàng quan trọng, các mặt hàng phục vụ quốc phòng, an ninh, quốc kế dân sinh như lương thực, xăng, dầu, dầu thô, công nghệ cao... đảm bảo mức dự trữ quốc gia đã đề ra tại Nghị quyết số 79-NQ/TW; ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước và đầu tư xây dựng kho dự trữ quốc gia, trong đó tập trung xây dựng các kho dự trữ quốc gia chiến lược về xăng, dầu, dầu thô theo quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia và hệ thống kho</p>	<p>a) Về nguồn lực dự trữ quốc gia</p> <p>- Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế đã đặt mục tiêu đối với mức dự trữ quốc gia, trong đó “Đến năm 2025 mức dự trữ quốc gia đạt 0,8% - 1,0% GDP; đến năm 2035, đạt 1,5% GDP; đến năm 2045, đạt 2% GDP.” Đồng thời tại Nghị quyết cũng yêu cầu rõ “Rà soát, hoàn thiện và thực hiện các giải pháp đồng bộ, thiết thực, hiệu quả để tăng dự trữ quốc gia.”</p> <p>- Kết luận số 115-KL/TW ngày 16/01/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị khoá XII về</p>	<p>Thể chế hoá chủ trương, chính sách của Đảng tại Nghị quyết số 79-NQ/TW; đồng thời phù hợp, nhất quán với quy định của Hiến pháp và chủ trương, đường lối của Đảng tại các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương, của Bộ Chính trị có liên quan.</p>	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ <i>(đã thể chế hóa đầy đủ hoặc một phần)</i>	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
<p>dự trữ quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>2. Doanh nghiệp nhà nước có vị trí ngành nghề quan trọng, tác động đến nền kinh tế - xã hội của đất nước dành tối thiểu 10% lợi nhuận để lại sau thuế theo quy định để tham gia thực hiện dự trữ quốc gia theo phân công của Chính phủ.</p> <p>3. Miễn trừ trách nhiệm đối với rủi ro mang tính khách quan khi thực hiện dự trữ quốc gia các mặt hàng chiến lược về công nghệ cao, đặc thù mà sau thời gian dự trữ nhưng không đáp ứng yêu cầu về dự trữ chiến lược cần thực hiện xuất bán, xuất cấp hàng dự trữ chiến lược trong khi đã thực hiện đầy đủ quy trình ra quyết định, quản trị rủi ro, công khai, minh bạch và không có hành vi vi phạm pháp luật hoặc miễn trừ trách nhiệm khi thực hiện điều tiết thị trường theo quyết định của các cấp có thẩm quyền.</p>	<p>nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế, Bộ Chính trị yêu cầu “mở rộng phạm vi và tăng cường năng lực, nâng cao vai trò của dự trữ quốc gia, không chỉ phục vụ mục tiêu cứu trợ trong tình huống khẩn cấp mà thực sự trở thành dự trữ chiến lược, là công cụ phục vụ điều tiết thị trường để bảo đảm nền kinh tế vận hành ổn định, hiệu quả theo quy luật của thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa”.</p> <p>- Thông báo số 342-TB/VPTW ngày 18/9/2025 của Văn phòng trung ương Đảng về Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với các cơ quan về dự trữ quốc gia và dự trữ ngoại hối, trong đó đã yêu cầu: “Trước bối cảnh tình hình thế giới và khu vực dự báo tiếp tục có những biến động phức tạp, đặt ra yêu cầu cấp bách phải tăng cường dự trữ quốc gia, dự trữ ngoại hối như một trụ cột quan trọng của an ninh quốc gia, an ninh kinh tế và phát triển bền vững”.</p>		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (đã thể chế hóa đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<p>- Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước quy định: Phần đầu mức dự trữ quốc gia đạt tối thiểu 1% GDP vào năm 2030; phần đầu đến năm 2045, mức dự trữ quốc gia đạt 2% GDP.</p> <p>Để hiện thực hóa mục tiêu của Bộ Chính trị tại các Nghị quyết, Quốc hội cần thiết ban hành chính sách ưu tiên ngân sách nhà nước cho dự trữ quốc gia.</p> <p>b) Về bảo vệ cán bộ</p> <p>Kết luận 14-KL/TW ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung</p> <p>Để phù hợp với Kết luận số 14-KL/TW, Quốc hội cần thiết ban hành chính sách miễn trừ trách nhiệm trong lĩnh vực dự trữ quốc gia.</p>		
Điều 3. Cơ chế chính sách phát triển doanh nghiệp nhà nước	1. Điểm a và c, tiểu mục 2.4, mục III của Nghị quyết số 79-NQ/TW xác định: “ <i>Xây dựng cơ chế thường tại doanh</i>	Thẻ chế hoá chủ trương, chính sách của Đảng tại Nghị quyết số 79-	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (đã thể chế hóa đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
<p>Doanh nghiệp nhà nước được trích tối đa 10% trên phần lợi nhuận vượt kế hoạch từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hàng năm của doanh nghiệp để hình thành quỹ thưởng.</p>	<p><i>nghiệp theo tỉ lệ đối với phần lợi nhuận vượt kế hoạch, gắn với nâng cao chất lượng công tác lập và giao kế hoạch của doanh nghiệp, bảo đảm chặt chẽ, sát thực tiễn. Có cơ chế để doanh nghiệp cổ phần được chủ động hình thành quỹ cổ phiếu thưởng nhằm thu hút, giữ chân người lao động có trình độ cao về chuyên môn, quản lý, có đóng góp lớn cho sự phát triển của doanh nghiệp trên nguyên tắc bảo đảm minh bạch, khách quan, không ảnh hưởng tới quyền kiểm soát của cổ đông nhà nước”.</i></p> <p>2. Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 03/06/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước đã khẳng định tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách để doanh nghiệp nhà nước thật sự vận hành theo cơ chế thị trường:</p> <p>- <i>Doanh nghiệp nhà nước tham gia thực hiện nhiệm vụ chính trị, xã hội do Nhà nước giao thực hiện theo cơ chế Nhà nước</i></p>	<p>NQ/TW; đồng thời phù hợp, nhất quán với quy định của Hiến pháp và chủ trương, đường lối của Đảng tại Văn kiện Đại hội Đảng XIV và tại các Nghị quyết của Trung ương, của Bộ Chính trị có liên quan.</p>	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ <i>(đã thể chế hóa đầy đủ hoặc một phần)</i>	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<p><i>đặt hàng, lựa chọn cạnh tranh, công khai và xác định rõ giá thành, chi phí thực hiện, trách nhiệm và quyền lợi của Nhà nước, doanh nghiệp nhà nước để bảo đảm không làm giảm hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước.</i></p> <p><i>- Phát huy vai trò mở đường, dẫn dắt của doanh nghiệp nhà nước trong việc hình thành và mở rộng các chuỗi sản xuất, cung ứng và chuỗi giá trị trong nước, khu vực và thế giới. Hạn chế tình trạng sản xuất, kinh doanh khép kín, cục bộ, không minh bạch trong doanh nghiệp nhà nước, đặc biệt là trong các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước.</i></p>		

2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị quyết

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ <i>(Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)</i>	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</p> <p>1. Nghị quyết này quy định một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế nhà nước, áp dụng đối với các thành tố dự trữ quốc gia và doanh nghiệp nhà nước.</p> <p>2. Nghị quyết này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan.</p>		<p>Quy định này bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp.</p>	
<p>Điều 2. Cơ chế, chính sách phát triển dự trữ quốc gia</p> <p>1. Ưu tiên bố trí ngân sách Nhà nước hàng năm để mua tăng hàng dự trữ quốc gia, hàng dự trữ chiến lược đối với các mặt hàng quan trọng, các mặt hàng phục vụ quốc phòng, an ninh, quốc kế dân sinh như lương thực, xăng, dầu, dầu thô, công nghệ cao... đảm bảo mức dự trữ quốc gia đã đề ra tại Nghị quyết số 79-NQ/TW; ưu tiên</p>	<p>Tổng số văn bản quy phạm pháp luật được rà soát liên quan đến nội dung dự thảo: Qua rà soát đã xác định các văn bản liên quan đến nội dung dự trữ quốc gia quy định tại dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế nhà nước gồm (1) Hiến pháp năm 2013 của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; (2) Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15; (3) Luật Dự trữ quốc gia</p>	<p>Nội dung liên quan đến nội dung dự trữ quốc gia quy định tại dự thảo đã thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành; được xây dựng bảo đảm tính thống nhất pháp lý theo trình tự hiệu lực của đạo luật gốc là Hiến pháp, sau</p>	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ <i>(Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)</i>	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
<p>bổ trí ngân sách nhà nước và đầu tư xây dựng kho dự trữ quốc gia, trong đó tập trung xây dựng các kho dự trữ quốc gia chiến lược về xăng, dầu, dầu thô theo quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia và hệ thống kho dự trữ quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>2. Doanh nghiệp nhà nước có vị trí ngành nghề quan trọng, tác động đến nền kinh tế - xã hội của đất nước dành tối thiểu 10% lợi nhuận để lại sau thuế theo quy định để tham gia thực hiện dự trữ quốc gia theo phân công của Chính phủ.</p> <p>3. Miễn trừ trách nhiệm đối với rủi ro mang tính khách quan khi thực hiện dự trữ quốc gia các mặt hàng chiến lược về công nghệ cao, đặc thù mà sau thời gian dự trữ nhưng không đáp ứng yêu cầu về dự trữ chiến lược cần thực hiện xuất bán, xuất cấp hàng dự trữ chiến lược trong khi đã thực hiện</p>	<p>số 145/2025/QH 15 ngày 15/12/2025. Trong đó một số điều khoản liên quan đến dự trữ quốc gia, cụ thể:</p> <p>- Khoản 1 Điều 55 Hiến pháp năm 2013 quy định: “1. Ngân sách nhà nước, dự trữ quốc gia, quỹ tài chính nhà nước và các nguồn tài chính công khác do Nhà nước thống nhất quản lý và phải được sử dụng hiệu quả, công bằng, công khai, minh bạch, đúng pháp luật”.</p> <p>- Khoản 2 Điều 25 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 quy định lợi nhuận sau thuế sau khi trừ đi các chi phí, được chia lãi cho các thành viên, trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi, trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật liên quan được phân phối theo nguyên tắc: “d) Doanh nghiệp nộp phần lợi nhuận còn lại vào ngân sách nhà nước, trừ trường hợp sử dụng để bổ sung vốn điều lệ, đầu tư dự án theo quy định của Chính phủ”.</p>	<p>đó là các luật có liên quan.</p>	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ <i>(Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)</i>	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
<p>đầy đủ quy trình ra quyết định, quản trị rủi ro, công khai, minh bạch và không có hành vi vi phạm pháp luật hoặc miễn trừ trách nhiệm khi thực hiện điều tiết thị trường theo quyết định của các cấp có thẩm quyền.</p>	<p>- Khoản 2 Điều 2 Luật Dự trữ quốc gia số 145/2025/QH15 quy định mục tiêu dự trữ quốc gia: “Nhà nước hình thành, quản lý, sử dụng dự trữ quốc gia để thực hiện các mục tiêu sau: ...2. Huy động, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của nền kinh tế để thực hiện tự chủ chiến lược quốc gia; là công cụ điều tiết thị trường để bảo đảm nền kinh tế vận hành ổn định, hiệu quả theo quy luật thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa”; khoản 1 Điều 6 quy định về nguồn hình thành dự trữ quốc gia: “1. Dự trữ quốc gia được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước và nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật”. Đồng thời, tại điểm b khoản 1 Điều 32 quy định “b) Mua, bán hàng dự trữ chiến lược có sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước và nguồn ngoài ngân sách nhà nước thực hiện theo cơ chế thỏa thuận, tự nguyện, hợp đồng theo quy định của Chính phủ và quy định của pháp luật khác có liên quan”.</p>		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ <i>(Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)</i>	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
<p>Điều 3. Cơ chế chính sách phát triển doanh nghiệp nhà nước</p> <p>Doanh nghiệp nhà nước được trích tối đa 10% trên phần lợi nhuận vượt kế hoạch từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hàng năm của doanh nghiệp để hình thành quỹ thưởng.</p>	<p>Luật Quản lý và Đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 và văn bản hướng dẫn thi hành (gồm Nghị định 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Nghị định số 57/2026/NĐ-CP về cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp và định hướng về phát triển DNNN) chưa quy định về tỷ lệ lợi nhuận vượt kế hoạch được sử dụng để hình thành quỹ thưởng.</p>	<p>Bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp.</p>	<p>Quy định này nhằm kịp thời thể chế hoá chủ trương, chính sách của Đảng tại Nghị quyết số 79-NQ/TW.</p>

3. Điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị quyết

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ <i>(Tính tương thích)</i>	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
<p>Điều 2. Cơ chế, chính sách phát triển dự trữ quốc gia</p> <p>1. Ưu tiên bố trí ngân sách Nhà nước hàng năm để mua tăng hàng dự trữ quốc gia, hàng dự trữ chiến lược đối</p>	<p>Không có điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên liên quan đến nội dung dự trữ quốc gia quy định tại dự thảo Nghị quyết.</p>		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ <i>(Tình tương thích)</i>	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
<p>với các mặt hàng quan trọng, các mặt hàng phục vụ quốc phòng, an ninh, quốc kế dân sinh như lương thực, xăng, dầu, dầu thô, công nghệ cao... đảm bảo mức dự trữ quốc gia đã đề ra tại Nghị quyết số 79-NQ/TW; ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước và đầu tư xây dựng kho dự trữ quốc gia, trong đó tập trung xây dựng các kho dự trữ quốc gia chiến lược về xăng, dầu, dầu thô theo quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia và hệ thống kho dự trữ quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>2. Doanh nghiệp nhà nước có vị trí ngành nghề quan trọng, tác động đến nền kinh tế - xã hội của đất nước dành tối thiểu 10% lợi nhuận để lại sau thuế theo quy định để tham gia thực hiện dự trữ quốc gia theo phân công của Chính phủ.</p> <p>3. Miễn trừ trách nhiệm đối với rủi ro mang tính khách quan khi thực hiện dự trữ quốc gia các mặt hàng chiến</p>			

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ <i>(Tính tương thích)</i>	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
<p>lược về công nghệ cao, đặc thù mà sau thời gian dự trữ nhưng không đáp ứng yêu cầu về dự trữ chiến lược cần thực hiện xuất bán, xuất cấp hàng dự trữ chiến lược trong khi đã thực hiện đầy đủ quy trình ra quyết định, quản trị rủi ro, công khai, minh bạch và không có hành vi vi phạm pháp luật hoặc miễn trừ trách nhiệm khi thực hiện điều tiết thị trường theo quyết định của các cấp có thẩm quyền.</p>			
<p>Điều 3. Cơ chế chính sách phát triển doanh nghiệp nhà nước</p> <p>Doanh nghiệp nhà nước được trích tối đa 10% trên phần lợi nhuận vượt kế hoạch từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hàng năm của doanh nghiệp để hình thành quỹ thưởng.</p>	<p>Hiệp định về trợ cấp và các biện pháp đối kháng:</p> <p><i>Điều 1. Định nghĩa trợ cấp</i></p> <p>1.1 Theo Hiệp định này, trợ cấp được coi là tồn tại nếu:</p> <p>(a) (1) có sự đóng góp về tài chính của chính phủ hoặc một cơ quan công cộng trên lãnh thổ của một Thành viên (theo Hiệp định này sau đây gọi chung là “Chính phủ”) khi:</p>	<p>Nội dung dự thảo Nghị quyết đảm bảo phù hợp với văn bản là điều ước quốc tế Việt Nam tham gia.</p> <p>Các hỗ trợ quy định tại dự thảo Nghị quyết thuộc nhóm trợ cấp không thể đối kháng (trợ cấp hộp xanh) quy định tại Hiệp định về trợ cấp và các biện pháp đối kháng.</p>	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ <i>(Tính tương thích)</i>	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<p>(i) Chính phủ thực tế có chuyển trực tiếp các khoản vốn (ví dụ như cấp phát, cho vay, hay góp cổ phần), có khả năng chuyển hoặc nhận nợ trực tiếp (như bảo lãnh tiền vay);</p> <p>(ii) các khoản thu phải nộp cho Chính phủ đã được bỏ qua hay không thu (ví dụ: ưu đãi tài chính như miễn thuế);</p> <p>(iii) Chính phủ cung cấp hàng hoá hay dịch vụ không phải là hạ tầng cơ sở chung, hoặc mua hàng;</p> <p>(iv) Chính phủ góp tiền vào một cơ chế tài trợ, hay giao hoặc lệnh cho một tổ chức tư nhân thực thi một hay nhiều chức năng đã nêu từ điểm (i) đến (iii) trên đây, là những chức năng thông thường được trao cho chính phủ và công việc của tổ chức tư nhân này trong thực tế không khác với những hoạt động thông thường của chính phủ.</p> <p>hoặc</p>	<p>Đồng thời, các chính sách hỗ trợ này cũng bảo đảm tính tương thích với Hiệp định EVFTA, CPTPP và với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên, không trái với các cam kết quốc tế do các quy định này áp dụng chung.</p>	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ <i>(Tinh tương thích)</i>	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<p>(a) (2) có bất kỳ một hình thức hỗ trợ thu nhập hoặc trợ giá nào theo nội dung Điều XVI của Hiệp định GATT 1994;</p> <p>và</p> <p>(b) một lợi ích được cấp bởi điều đó.</p> <p><i>Điều 8. Xác định những trợ cấp không thể đối kháng</i></p> <p>8.1 Những trợ cấp dưới đây được coi là không thể đối kháng:</p> <p>(a) trợ cấp không mang tính chất riêng biệt nêu tại Điều 2;</p> <p>(b) trợ cấp mang tính chất riêng biệt như nêu tại Điều 2 nhưng đáp ứng mọi điều kiện nêu tại các điểm 2(a), 2(b) hoặc 2(c) dưới đây.</p> <p>Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA)</p> <p>ĐIỀU 10.4.</p>		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ <i>(Tính tương thích)</i>	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<p>1. Các Bên đồng ý rằng một Bên có thể cung cấp các khoản trợ cấp khi cần thiết nhằm đạt được một mục tiêu chính sách công. Các Bên thừa nhận rằng, một số loại trợ cấp nhất định có khả năng làm sai lệch sự vận hành đúng đắn của thị trường và làm suy giảm các lợi ích của tự do hóa thương mại. Về nguyên tắc, một Bên không nên trợ cấp cho các doanh nghiệp cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ trong trường hợp các khoản trợ cấp này có tác động tiêu cực, hoặc có khả năng gây tác động tiêu cực đến cạnh tranh và thương mại.</p> <p>2. Dưới đây là một danh mục mang tính chất minh họa các mục tiêu chính sách công mà một Bên có thể trợ cấp theo các điều kiện quy định trong Mục này:</p> <p>(a) khắc phục thiệt hại do thiên tai hay các sự kiện bất thường gây ra;</p> <p>(b) thúc đẩy sự phát triển kinh tế của các khu vực có tiêu chuẩn sống thấp bất</p>		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ <i>(Tính tương thích)</i>	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<p>thường hoặc nơi có tình trạng thiếu việc làm nghiêm trọng;</p> <p>(c) khắc phục sự xáo trộn nghiêm trọng trong nền kinh tế của một trong các Bên;</p> <p>(d) tạo thuận lợi cho sự phát triển của các hoạt động kinh tế hoặc các khu vực kinh tế nhất định, bao gồm nhưng không giới hạn ở các khoản trợ cấp dành cho các mục đích nghiên cứu, phát triển và sáng tạo được xác định rõ ràng, trợ cấp cho đào tạo hoặc tạo công ăn việc làm, trợ cấp vì mục đích môi trường, trợ cấp ưu đãi cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định pháp luật tương ứng của các Bên; và</p> <p>(e) thúc đẩy bảo tồn văn hóa và di sản.</p> <p>3. Mỗi Bên phải đảm bảo rằng các doanh nghiệp chỉ sử dụng trợ cấp riêng do một Bên cung cấp theo mục tiêu chính sách của khoản trợ cấp riêng đó.</p> <p>Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)</p>		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ <i>(Tính tương thích)</i>	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<p>Các nghĩa vụ chính theo Hiệp định bao gồm: Các DNNN phải hoạt động theo cơ chế thị trường; Các DNNN không được có hành vi phản cạnh tranh khi có vị trí độc quyền, gây ảnh hưởng đến thương mại và đầu tư; Minh bạch hóa một số thông tin như tỷ lệ sở hữu của Nhà nước, báo cáo tài chính đã được kiểm toán và được phép công bố; và Nhà nước không trợ cấp quá mức, gây ảnh hưởng lớn đến lợi ích của nước khác.</p> <p>Đối với Việt Nam, các nghĩa vụ của Hiệp định chỉ áp dụng với các DNNN vượt ngưỡng doanh thu nhất định. Theo đó, các DNNN có doanh thu hàng năm dưới 16.000 tỷ VNĐ (vào thời điểm khi Hiệp định bắt đầu có hiệu lực) và dưới 6.500 tỷ VNĐ (khi Hiệp định có hiệu lực được 5 năm) sẽ không phải thực thi phần lớn các nghĩa vụ của Hiệp định.</p> <p>Việt Nam bảo lưu loại trừ khỏi việc thực thi các quy định về DNNN của Hiệp định đối với tất cả các doanh nghiệp công ích, các hoạt động thực hiện các chương trình</p>		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ <i>(Tính tương thích)</i>	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<p>có ý nghĩa quan trọng chiến lược và các doanh nghiệp có hoạt động liên quan tới quốc phòng - an ninh. Riêng một vài doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an tham gia kinh doanh thông thường trên thị trường và có cạnh tranh với doanh nghiệp thông thường của các nước CPTPP thì vẫn phải tuân thủ cam kết.</p>		



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH
Dự án Nghị quyết về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển
kinh tế nhà nước

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025, Luật số 87/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước (KTNN), Bộ Tài chính kính trình Chính phủ hồ sơ dự án Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển KTNN (sau đây gọi tắt là Nghị quyết) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

1.1. Cơ sở chính trị

a) Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển KTNN đã quán triệt các cơ quan, tổ chức liên quan triển khai hiệu quả Nghị quyết; trong đó, Nghị quyết xác định:

- “Đảng uỷ Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, bổ sung Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh, ưu tiên các dự án luật trực tiếp phục vụ triển khai thực hiện Nghị quyết... nhằm nâng cao hiệu quả của kinh tế nhà nước”;

- “Đảng uỷ Chính phủ: Thành lập Ban Chỉ đạo quốc gia triển khai thực hiện Nghị quyết;... phối hợp với Đảng uỷ Quốc hội kịp thời thể chế hoá đầy đủ các chủ trương, chính sách nêu tại Nghị quyết này và bố trí đủ nguồn lực để triển khai thực hiện...”.

b) Tại Công văn số 405/VPCP-KTTH ngày 13/01/2026 của Văn phòng Chính phủ về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW, Thủ tướng Chính phủ giao “Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan... dự thảo Nghị quyết của Quốc hội và các văn bản liên quan để có cơ chế, chính sách thực hiện Nghị quyết”.

c) Tại Thông báo số 73/TB-VPCP ngày 09/02/2026 của Văn phòng Chính phủ thông báo Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại Phiên họp lần thứ nhất Ban Chỉ đạo quốc gia về triển khai thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo), Bộ Tài chính được giao: “*nghiên cứu, tiếp thu ý kiến xác đáng của các đại biểu tại Phiên họp và bằng văn bản đề khẩn trương hoàn thiện dự thảo Nghị quyết của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 79- NQ/TW và dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế nhà nước*”.

d) Tại Công văn số 1807/VPCP-KTTH ngày 03/3/2026 của Văn phòng Chính phủ về hoàn thiện dự thảo Nghị quyết của Quốc hội triển khai thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW, Phó Thủ tướng Nguyễn Chí Dũng, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Chỉ đạo quốc gia về triển khai thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo) có ý kiến như sau: “*Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương và các Tập đoàn, Tổng Công ty nhà nước khẩn trương hoàn thiện dự thảo Nghị quyết về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế nhà nước theo đúng chỉ đạo tại Thông báo số 73/TB-VPCP ngày 09/02/2026*”.

đ) Tại Công văn số 2546/VPCP-KTTH ngày 24/3/2026 của Văn phòng Chính phủ về việc hoàn thiện dự thảo Nghị quyết của Quốc hội triển khai thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW, Phó Thủ tướng Nguyễn Chí Dũng chỉ đạo như sau:

“1. *Đồng ý xây dựng dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế nhà nước (dự thảo Nghị quyết) theo đề nghị của Bộ Tài chính tại Tờ trình số 164/TTr-BTC ngày 19/3/2026.*

2. *Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp khẩn trương rà soát kỹ các quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật về việc xây dựng dự thảo Nghị quyết theo trình tự, thủ tục rút gọn và căn cứ các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 29/NQ-CP ngày 24 /02/2026 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước để báo cáo đề xuất cấp có thẩm quyền theo quy định trước ngày 26/3/2026, bảo đảm kịp thời thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Bộ Chính trị; chịu trách nhiệm về các nội dung báo cáo, đề xuất. Việc xây dựng dự thảo Nghị quyết thực hiện theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật”.*

Theo đó, cần thiết phải hoàn thiện hệ thống pháp luật và thiết lập một số cơ chế, chính sách đặc biệt để thúc đẩy phát triển KTNN nhằm đạt được các mục tiêu Bộ Chính trị đã đề ra. Những chính sách này được ban hành kịp thời sẽ tạo động lực tăng trưởng mới, góp phần hiện thực hoá mục tiêu tăng trưởng cao và bền

vững. Việc thiết kế chính sách đặc biệt cho doanh nghiệp nhà nước (DNNN) sẽ góp phần khơi thông đầu tư không chỉ từ khu vực KTNN mà còn từ khu vực tư nhân và giải phóng các nguồn lực xã hội khác. Đồng thời, trong bối cảnh công nghệ thay đổi nhanh chóng, việc cho phép DNNN áp dụng cơ chế vượt khung để tạo động lực bứt phá, tận dụng được cơ hội và thời điểm.

Việc ban hành Nghị quyết tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khoá XVI để kịp thời thể chế hoá chủ trương, chính sách tại Nghị quyết số 79-NQ/TW; góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng hai con số theo Kết luận số 18-KL/TW Hội nghị lần thứ 2 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030. Đồng thời, việc ban hành Nghị quyết này cũng nhằm thể chế hoá định hướng của Trung ương về chuyển đổi mô hình tăng trưởng, phát triển các khu vực doanh nghiệp tại Kết luận số 18-KL/TW, cụ thể là: *“Tạo đột phá phát triển các thành phần kinh tế gắn với triển khai hiệu quả các nghị quyết của Bộ Chính trị. Đổi mới kinh tế nhà nước, trọng tâm là quản trị DNNN theo các chuẩn mực quốc tế, tăng cường hiệu quả và vai trò dẫn dắt của DNNN trong một số lĩnh vực quan trọng...”*.

1.2. Cơ sở pháp lý

- Hiến pháp năm 2013 là văn bản chính trị - pháp lý đặc biệt quan trọng là đạo luật gốc, đạo luật cơ bản có hiệu lực pháp lý cao nhất, có giá trị nền tảng để từ đó xây dựng, phát triển, hoàn thiện các đạo luật của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân, Luật Kiểm toán Nhà nước... về thẩm quyền của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc đề xuất, kiến nghị, trình ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền VBQPPL;

- Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17/5/2026 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

- Theo điểm b khoản 2 Điều 10 Luật Ban hành VBQPPL: Quốc hội ban hành Nghị quyết để quy định việc *“Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội khác với quy định của luật hiện hành”*. Nghị quyết này nhằm quy định một số chính sách mới, khác quy định của pháp luật hiện hành để nâng cao hiệu quả dự trữ quốc gia thúc đẩy phát triển khu vực DNNN.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Đối với dự trữ quốc gia

Dự trữ quốc gia (DTQG) tính đến hết năm 2025 mới chỉ đạt khoảng 0,12% GDP; do vậy, để đạt được mục tiêu đề ra tại các Nghị quyết của Bộ Chính trị thì cần thiết Quốc hội ban hành Nghị quyết về cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển dự trữ quốc gia làm cơ sở để tổ chức thực hiện bảo đảm tính hiệu lực, hiệu quả, cụ thể:

(i) Nghị quyết số 79-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước ban hành ngày 06/01/2026 (sau thời điểm ban hành Luật Dự trữ quốc gia năm 2025 ngày 15/12/2025) đã định lượng cụ thể mức dự trữ quốc gia đến năm 2030 đạt tối thiểu 1% GDP, năm 2045 đạt 2% GDP. Do vậy để đảm bảo triển khai được mục tiêu của Nghị quyết số 79-NQ/TW, Nhà nước hình thành, quản lý, sử dụng DTQG không chỉ đáp ứng mục tiêu xuất cấp hàng DTQG trong tình huống đột xuất, cấp bách mà còn thực hiện dự trữ chiến lược, là trụ đỡ quan trọng trong nền kinh tế, nhất là trong bối cảnh phải đạt mục tiêu chiến lược tăng trưởng hai con số, bảo đảm an ninh, quốc phòng, an ninh kinh tế, an ninh tài chính, an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an sinh xã hội. Do đó, bên cạnh việc kết hợp mô hình dự trữ chiến lược của Nhà nước, doanh nghiệp và kết hợp Nhà nước với doanh nghiệp thì cần phải ưu tiên ngân sách bố trí cho dự trữ quốc gia trong việc mua tăng hàng dự trữ quốc gia, dự trữ chiến lược và đầu tư xây dựng kho dự trữ quốc gia, bao gồm cả việc xây dựng các kho dự trữ chiến lược về xăng, dầu, dầu thô theo quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia và hệ thống kho dự trữ quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(ii) Các DNNN là các doanh nghiệp giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm ổn định vĩ mô, định hướng chiến lược phát triển, giữ vững quốc phòng, an ninh; là lực lượng nòng cốt có tác động lớn đến an ninh kinh tế; nguồn lực quan trọng để Nhà nước chi phối, can thiệp kịp thời đáp ứng các yêu cầu đột xuất, cấp bách phát sinh.

Chiến lược dự trữ quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đang xây dựng hệ thống dự trữ chiến lược quốc gia theo mô hình nhiều tầng, trong đó dự trữ quốc gia do Nhà nước quản lý giữ vai trò nòng cốt; kết hợp với dự trữ lưu thông của doanh nghiệp và năng lực sản xuất của nền kinh tế. Nguồn lực dự phòng từ khu vực doanh nghiệp (đặc biệt là DNNN) và xã hội tham gia hệ thống dự trữ chiến lược quốc gia cũng là một trong những nguồn lực quan trọng.

Hiện nay pháp luật chưa có quy định cụ thể về cơ chế, nguồn vốn để các DNNN tham gia thực hiện dự trữ chiến lược để thực hiện tự chủ chiến lược, phát triển ổn định nền kinh tế. Do đó, Bộ Tài chính nhận thấy cần có quy định, cơ chế

để các DNNN sử dụng phần lợi nhuận sau thuế được để lại tham gia dự trữ chiến lược theo phân công của Chính phủ.

(iii) Việc dự trữ các mặt hàng chiến lược về công nghệ cao, đặc thù là cần thiết để phòng trường hợp biến động của thế giới, đặc biệt trong bối cảnh thế giới bất ổn như hiện nay. Tuy nhiên, việc dự trữ các mặt hàng này cũng tiềm ẩn rủi ro do sự thay đổi nhanh chóng của khoa học, công nghệ thế giới nên sau một thời gian dự trữ không đáp ứng yêu cầu về dự trữ chiến lược trong khi các chủ thể thực hiện dự trữ đã thực hiện đầy đủ các quy trình, đúng quy định của pháp luật. Cơ chế miễn trừ này cũng chưa được quy định tại Luật Dự trữ quốc gia.

Các quyết định điều tiết thị trường đều căn cứ dựa trên bối cảnh, tình hình thực tế, mang tính dự báo nên có thể có xác suất nhất định. Vì vậy, cần thiết phải có cơ chế bảo vệ nguồn cán bộ trong hoạt động dự trữ quốc gia nhưng cơ chế này chưa được thể chế hóa tại Luật Dự trữ quốc gia. Do vậy, cần thiết bổ sung vào Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ sẽ có hướng dẫn chi tiết, cụ thể sau khi Quốc hội thông qua Nghị quyết.

b) Đối với DNNN

Dự thảo Nghị quyết quy định các chính sách khác phạm vi điều chỉnh của khuôn khổ pháp luật hiện hành và thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội. Cụ thể, tại Luật Doanh nghiệp 2020 và Luật số 68/2025/QH15 chưa có các quy định về tỷ lệ được trích lại trên phần lợi nhuận vượt kế hoạch từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hàng năm của DNNN để hình thành quỹ thưởng.

Trong bối cảnh nền kinh tế phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng hai con số và phát triển bền vững, đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô và an sinh xã hội, yêu cầu phát huy vai trò của DNNN càng trở nên cấp bách. Nếu không có cơ chế đặc thù đủ mạnh thì khu vực DNNN khó có thể tạo ra động lực tăng trưởng mới và có thể hạn chế việc phát huy vai trò dẫn dắt, mức độ lan tỏa của khu vực DNNN đối với sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân.

Như vậy, rất cần thiết phải hoàn thiện hệ thống pháp luật cũng như ban hành một số cơ chế, chính sách đặc biệt liên quan tới KTNN (cụ thể là các thành tố dự trữ quốc gia và DNNN) nhằm giải phóng nguồn lực, phân bổ, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của kinh tế nhà nước; từ đó hiện thực hóa các mục tiêu về phát triển đất nước. Đây là những vấn đề cấp bách, phát sinh từ thực tiễn cần thiết phải trình Quốc hội xem xét, thông qua.

Xuất phát từ cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn nêu trên, việc ban hành Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển KTNN tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khoá XVI là rất cần thiết, cấp bách. Do đó, việc xây dựng Nghị quyết này bảo đảm đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 26

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành Nghị quyết

Thể chế hoá chủ trương, chính sách Bộ Chính trị đề ra tại Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 về phát triển kinh tế nhà nước. Trong đó, tập trung hoàn thiện khuôn khổ pháp lý nhằm tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế; đồng thời, bổ sung một số cơ chế, chính sách đặc biệt liên quan tới KTNN (cụ thể là thành tố DNNN) nhằm giải phóng, phân bổ, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; từ đó hiện thực hóa các mục tiêu về tăng trưởng cao và bền vững của đất nước.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

Một là, bảo đảm sự lãnh đạo sát sao của Đảng đối với công tác xây dựng pháp luật; thể chế hóa kịp thời, đúng, đầy đủ các chủ trương của Đảng, đặc biệt là ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Công văn số 12918-CV/VPTW ngày 06/01/2025 về đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật bảo đảm chuyên nghiệp, khoa học, kịp thời, khả thi, hiệu quả.

Hai là, bám sát, thể hiện đầy đủ quy định và tinh thần của Hiến pháp năm 2013, nhất là về cơ chế kiểm soát, phân công, phối hợp thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp; bảo vệ quyền con người, quyền công dân; bảo đảm tính pháp quyền trong xây dựng, thi hành pháp luật; về thẩm quyền lập pháp của Quốc hội, lập quy của Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, thẩm quyền ban hành văn bản của chính quyền địa phương trong phạm vi phân cấp; về phát huy dân chủ, tăng cường vai trò phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc trong xây dựng, thi hành pháp luật.

Ba là, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, nhất là quy định của các luật về tổ chức như Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương...

Bốn là, phát huy tính năng động, sáng tạo, tích cực gắn với vai trò, trách nhiệm của các chủ thể, nâng cao năng lực phản ứng chính sách, xử lý các vấn đề cấp bách phát sinh từ thực tiễn.

Năm là, bảo đảm tính minh bạch, công khai trong quá trình xây dựng pháp luật; phát huy, bảo đảm dân chủ trên cơ sở tăng cường thu hút sự tham gia rộng rãi của các đối tượng liên quan.

Sáu là, bảo đảm tôn trọng pháp luật quốc tế; tính tương thích, nội luật hóa đầy đủ, kịp thời các cam kết tại các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; kịp thời thích ứng với những biến chuyển nhanh trong hội nhập quốc tế; bảo đảm vừa phù hợp và phát huy lợi thế, thế mạnh trong nước vừa hài hòa, tương thích với các tiêu chuẩn chung của pháp luật quốc tế.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Thực hiện nhiệm vụ được giao và căn cứ quy định của Luật Ban hành VBQPPL, Bộ Tài chính đã xây dựng dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển KTNN. Cụ thể như sau:

1. Rà soát các chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 79-NQ/TW.
2. Xây dựng dự thảo Nghị quyết.
3. Lấy ý kiến Ban Chi đạo quốc gia về triển khai thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW¹; các bộ, cơ quan, địa phương, tổng công ty, tập đoàn, DNNN².
4. Tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức; hoàn thiện hồ sơ dự án Nghị quyết và gửi Bộ Tư pháp để thẩm định³.
5. Ngày 07/4/2026, Hội đồng thẩm định họp cho ý kiến về hồ sơ dự án Nghị quyết⁴ và ngày 09/04/2026, Bộ Tư pháp gửi Báo cáo thẩm định⁵.
6. Trên cơ sở nghiên cứu, rà soát Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã tiếp thu, làm rõ các nội dung và hoàn thiện hồ sơ dự án Nghị quyết.

IV. BỐ CỤC CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Nghị quyết này quy định một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển KTNN, áp dụng đối với các thành tố dự trữ quốc gia và DNNN.

b) Đối với thành tố đất đai, tài nguyên: Kết luận số 18-KL/TW Hội nghị Trung ương 2 khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030 (Kết luận số 18-KL/TW) xác định: *“Tập trung rà soát, sửa đổi và hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến phát triển nền kinh tế số, đầu tư kinh doanh, đặc biệt trong lĩnh vực đất đai, quy hoạch, thương mại, khoáng sản, xây dựng... góp phần tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh”*. Do đó, việc bổ sung các

¹ Báo cáo ngày 30/01/2026 về tình hình thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 về phát triển KTNN.

² Công văn số 667/BTC-CLCS ngày 16/01/2026 và Công văn số 127/CLCS-PTDN ngày 27/01/2026.

³ Công văn số 3679/BTC-CLCS ngày 26/3/2026.

⁴ Giấy mời số 357/GM-BTP ngày 06/4/2026.

⁵ Báo cáo thẩm định số 139/BCTĐ-BTP ngày 09/4/2026.

chính sách đặc biệt đối với thành tố đất đai, tài nguyên sẽ được xem xét khi rà soát, sửa đổi, bổ sung pháp luật về đất đai theo Kết luận số 18-KL/TW.

c) Đối với các thành tố khác của KTNN (gồm: tài sản kết cấu hạ tầng, ngân sách Nhà nước (NSNN), quỹ tài chính Nhà nước ngoài ngân sách, tổ chức tín dụng Nhà nước, phần vốn do Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ trở xuống và đơn vị sự nghiệp công lập): việc triển khai xây dựng các chính sách mới dự kiến thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

2.1. Đối với cơ chế, chính sách phát triển dự trữ quốc gia

Dự thảo Nghị quyết cụ thể hóa 03 chính sách, gồm:

“1. Ưu tiên bố trí ngân sách Nhà nước hàng năm để mua tăng hàng dự trữ quốc gia, hàng dự trữ chiến lược đối với các mặt hàng quan trọng, các mặt hàng phục vụ quốc phòng, an ninh, quốc kế dân sinh như lương thực, xăng, dầu, dầu thô, công nghệ cao... đảm bảo mức dự trữ quốc gia đã đề ra tại Nghị quyết số 79-NQ/TW; ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước và đầu tư xây dựng kho dự trữ quốc gia, trong đó tập trung xây dựng các kho dự trữ quốc gia chiến lược về xăng, dầu, dầu thô theo quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia và hệ thống kho dự trữ quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Doanh nghiệp nhà nước có vị trí ngành nghề quan trọng, tác động đến nền kinh tế - xã hội của đất nước dành tối thiểu 10% lợi nhuận để lại sau thuế theo quy định để tham gia thực hiện dự trữ quốc gia theo phân công của Chính phủ.

3. Miễn trừ trách nhiệm đối với rủi ro mang tính khách quan khi thực hiện dự trữ quốc gia các mặt hàng chiến lược về công nghệ cao, đặc thù mà sau thời gian dự trữ nhưng không đáp ứng yêu cầu về dự trữ chiến lược cần thực hiện xuất bán, xuất cấp hàng dự trữ chiến lược trong khi đã thực hiện đầy đủ quy trình ra quyết định, quản trị rủi ro, công khai, minh bạch và không có hành vi vi phạm pháp luật hoặc miễn trừ trách nhiệm khi thực hiện điều tiết thị trường theo quyết định của các cấp có thẩm quyền”.

(1) Sự cần thiết

- Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế đề ra mức dự trữ quốc gia: đến năm 2025 đạt 0,8% - 1,0% GDP; đến năm 2035 đạt 1,5% GDP; đến năm 2045 đạt 2% GDP.

- Kết luận số 115-KL/TW ngày 16/01/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW quy định: “Mở rộng phạm vi và tăng cường năng lực, nâng cao vai trò của dự trữ quốc gia, không chỉ phục vụ mục tiêu cứu

trợ trong tình huống khẩn cấp mà thực sự trở thành dự trữ chiến lược, là công cụ phục vụ điều tiết thị trường để bảo đảm nền kinh tế vận hành ổn định, hiệu quả theo quy luật của thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa.”

- Thông báo số 342-TB/VPTW ngày 18/9/2025 của Văn phòng trung ương Đảng về Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với các cơ quan về dự trữ quốc gia và dự trữ ngoại hối, trong đó đã yêu cầu: “Trước bối cảnh tình hình thế giới và khu vực dự báo tiếp tục có những biến động phức tạp, đặt ra yêu cầu cấp bách phải tăng cường dự trữ quốc gia, dự trữ ngoại hối như một trụ cột quan trọng của an ninh quốc gia, an ninh kinh tế và phát triển bền vững”.

Thực hiện Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại Thông báo số 342-TB/VPTW ngày 18/9/2025 của VPTW về dự trữ quốc gia và Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019, kết luận số 115-KL/TW ngày 16/01/2025 của Bộ Chính trị, trên cơ sở đề xuất của Bộ Tài chính, Chính phủ trong năm 2025 Quốc hội thông qua Luật DTQG 2025 (ngày 15/12/2025), theo đó đã thể chế hóa đầy đủ, toàn diện chỉ đạo, kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, của Bộ Chính trị để quy định bổ sung mục tiêu dự trữ quốc gia theo hướng hình thành dự trữ chiến lược nhằm thực hiện tự chủ chiến lược quốc gia và là công cụ điều tiết thị trường để bảo đảm nền kinh tế vận hành ổn định, hiệu quả theo quy luật thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước đề ra mục tiêu: Phân đầu mức dự trữ quốc gia đạt tối thiểu 1% GDP vào năm 2030; phân đầu đến năm 2045, mức dự trữ quốc gia đạt 2% GDP.

Trong khi đó mức dự trữ quốc gia tính đến hết năm 2025 mới chỉ đạt khoảng 0,12% GDP; do vậy, để đạt được mục tiêu đề ra tại các Nghị quyết của Bộ Chính trị thì cần thiết Quốc hội ban hành Nghị quyết về cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển dự trữ quốc gia làm cơ sở để tổ chức thực hiện bảo đảm tính hiệu lực, hiệu quả, cụ thể:

(i) Nghị quyết số 79-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước ban hành ngày 06/01/2026 (sau thời điểm ban hành Luật Dự trữ quốc gia năm 2025 ngày 15/12/2025) đã định lượng cụ thể mức dự trữ quốc gia đến năm 2030 đạt tối thiểu 1% GDP, năm 2045 đạt 2% GDP. Do vậy để đảm bảo triển khai được mục tiêu của Nghị quyết số 79-NQ/TW, Nhà nước hình thành, quản lý, sử dụng DTQG không chỉ đáp ứng mục tiêu xuất cấp hàng DTQG trong tình huống đột xuất, cấp bách mà còn thực hiện dự trữ chiến lược, là trụ đỡ quan trọng trong nền kinh tế, nhất là trong bối cảnh phải đạt mục tiêu chiến lược tăng trưởng hai con số, bảo đảm an ninh, quốc phòng, an ninh kinh tế, an ninh tài chính, an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an sinh xã hội. Do đó, bên cạnh

việc kết hợp mô hình dự trữ chiến lược của Nhà nước, doanh nghiệp và kết hợp Nhà nước với doanh nghiệp thì cần phải ưu tiên ngân sách bố trí cho dự trữ quốc gia trong việc mua tăng hàng dự trữ quốc gia, dự trữ chiến lược và đầu tư xây dựng kho dự trữ quốc gia, bao gồm cả việc xây dựng các kho dự trữ chiến lược về xăng, dầu, dầu thô theo quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia và hệ thống kho dự trữ quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(ii) Các DNNN là các doanh nghiệp giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm ổn định vĩ mô, định hướng chiến lược phát triển, giữ vững quốc phòng, an ninh; là lực lượng nòng cốt có tác động lớn đến an ninh kinh tế; nguồn lực quan trọng để Nhà nước chi phối, can thiệp kịp thời đáp ứng các yêu cầu đột xuất, cấp bách phát sinh.

Chiến lược dự trữ quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đang xây dựng hệ thống dự trữ chiến lược quốc gia theo mô hình nhiều tầng, trong đó dự trữ quốc gia do Nhà nước quản lý giữ vai trò nòng cốt; kết hợp với dự trữ lưu thông của doanh nghiệp và năng lực sản xuất của nền kinh tế. Nguồn lực dự phòng từ khu vực doanh nghiệp (đặc biệt là DNNN) và xã hội tham gia hệ thống dự trữ chiến lược quốc gia cũng là một trong những nguồn lực quan trọng.

Hiện nay pháp luật chưa có quy định cụ thể về cơ chế, nguồn vốn để các DNNN tham gia thực hiện dự trữ chiến lược để thực hiện tự chủ chiến lược, phát triển ổn định nền kinh tế. Do đó, Bộ Tài chính nhận thấy cần có quy định, cơ chế để các DNNN sử dụng phần lợi nhuận sau thuế được để lại tham gia dự trữ chiến lược theo phân công của Chính phủ.

(iii) Việc dự trữ các mặt hàng chiến lược về công nghệ cao, đặc thù là cần thiết để phòng trường hợp biến động của thế giới, đặc biệt trong bối cảnh thế giới bất ổn như hiện nay. Tuy nhiên, việc dự trữ các mặt hàng này cũng tiềm ẩn rủi ro do sự thay đổi nhanh chóng của khoa học, công nghệ thế giới nên sau một thời gian dự trữ không đáp ứng yêu cầu về dự trữ chiến lược trong khi các chủ thể thực hiện dự trữ đã thực hiện đầy đủ các quy trình, đúng quy định của pháp luật. Cơ chế miễn trừ này cũng chưa được quy định tại Luật Dự trữ quốc gia.

Các quyết định điều tiết thị trường đều căn cứ dựa trên bối cảnh, tình hình thực tế, mang tính dự báo nên có thể có xác suất nhất định. Vì vậy, cần thiết phải có cơ chế bảo vệ nguồn cán bộ trong hoạt động dự trữ quốc gia nhưng cơ chế này chưa được thể chế hóa tại Luật Dự trữ quốc gia. Do vậy, cần thiết bổ sung vào Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ sẽ có hướng dẫn chi tiết, cụ thể sau khi Quốc hội thông qua Nghị quyết.

(2) Đánh giá tác động chính sách

Chính sách 1: Ưu tiên bố trí ngân sách Nhà nước hàng năm để mua tăng hàng dự trữ quốc gia, hàng dự trữ chiến lược đối với các mặt hàng quan trọng, các mặt hàng phục vụ quốc phòng, an ninh, quốc kế dân sinh như lương thực, xăng, dầu, dầu thô, công nghệ cao... đảm bảo mức dự trữ quốc gia đã đề ra tại Nghị quyết số 79-NQ/TW; ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước và đầu tư xây dựng kho dự trữ quốc gia, trong đó tập trung xây dựng các kho dự trữ quốc gia chiến lược về xăng, dầu, dầu thô theo quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia và hệ thống kho dự trữ quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

a) Tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với chủ trương, đường lối và hệ thống pháp luật

- Khoản 1 Điều 55 Hiến pháp năm 2013 quy định: “1. Ngân sách nhà nước, dự trữ quốc gia, quỹ tài chính nhà nước và các nguồn tài chính công khác do Nhà nước thống nhất quản lý và phải được sử dụng hiệu quả, công bằng, công khai, minh bạch, đúng pháp luật”

- Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế đề ra mức dự trữ quốc gia: đến năm 2025 đạt 0,8% - 1,0% GDP; đến năm 2035 đạt 1,5% GDP; đến năm 2045 đạt 2% GDP.

- Kết luận số 115-KL/TW ngày 16/01/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW quy định: “Mở rộng phạm vi và tăng cường năng lực, nâng cao vai trò của dự trữ quốc gia, không chỉ phục vụ mục tiêu cứu trợ trong tình huống khẩn cấp mà thực sự trở thành dự trữ chiến lược, là công cụ phục vụ điều tiết thị trường để bảo đảm nền kinh tế vận hành ổn định, hiệu quả theo quy luật của thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa.”

- Thông báo số 342-TB/VPTW ngày 18/9/2025 của Văn phòng trung ương Đảng về Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với các cơ quan về dự trữ quốc gia và dự trữ ngoại hối, trong đó đã yêu cầu: “Trước bối cảnh tình hình thế giới và khu vực dự báo tiếp tục có những biến động phức tạp, đặt ra yêu cầu cấp bách phải tăng cường dự trữ quốc gia, dự trữ ngoại hối như một trụ cột quan trọng của an ninh quốc gia, an ninh kinh tế và phát triển bền vững”.

- Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước quy định: Phấn đấu mức dự trữ quốc gia đạt tối thiểu 1% GDP vào năm 2030; phấn đấu đến năm 2045, mức dự trữ quốc gia đạt 2% GDP.

- Khoản 4 Điều 5 Luật Dự trữ quốc gia năm 2025 quy định: “Bảo đảm nguồn lực cho dự trữ quốc gia, cơ cấu hợp lý, phù hợp với đặc thù và lợi ích

chiến lược của đất nước trong từng thời kỳ, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; giao đất, cho thuê đất, xây dựng hệ thống kho dự trữ quốc gia phù hợp với quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia”.

Như vậy, đề xuất chính sách nêu trên là phù hợp với chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về ưu tiên, tăng cường nguồn lực cho dự trữ quốc gia.

b) Tác động về kinh tế - xã hội

Chính sách ưu tiên bố trí ngân sách cho dự trữ quốc gia (mua tăng hàng dự trữ quốc gia, dự trữ chiến lược và đầu tư xây dựng kho dự trữ quốc gia, dự trữ chiến lược) được quy định tại Nghị quyết sẽ là căn cứ pháp lý để Quốc hội ưu tiên dồn nguồn lực, bố trí ngân sách hàng năm cho dự trữ quốc gia, đảm bảo thực hiện đúng các mục tiêu đã đề ra tại các Nghị quyết của Bộ Chính trị.

Chính sách ưu tiên của Quốc hội đóng vai trò mang tính định hướng, có thể dẫn dắt dòng vốn tư nhân đầu tư vào lĩnh vực dự trữ quốc gia. Khi khu vực tư nhân đã chú trọng vào lĩnh vực dự trữ quốc gia, dần dần Nhà nước sẽ có các chính sách mở rộng mô hình dự trữ theo hình thức đối tác công – tư, giảm áp lực ngân sách nhà nước.

c) Nội dung đề xuất không liên quan đến điều ước quốc tế, tác động về giới, thủ tục hành chính.

Chính sách 2: DNNN có vị trí ngành nghề quan trọng, tác động đến nền kinh tế - xã hội của đất nước dành tối thiểu 10% lợi nhuận để lại sau thuế theo quy định để tham gia thực hiện dự trữ quốc gia theo phân công của Chính phủ.

a) Tinh hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với hệ thống pháp luật về dự trữ quốc gia

- Khoản 2 Điều 25 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 quy định lợi nhuận sau thuế sau khi trừ đi các chi phí, được chia lãi cho các thành viên, trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi, trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật liên quan được phân phối theo nguyên tắc: “d) Doanh nghiệp nộp phần lợi nhuận còn lại vào ngân sách nhà nước, trừ trường hợp sử dụng để bổ sung vốn điều lệ, đầu tư dự án theo quy định của Chính phủ”.

- Khoản 2 Điều 2 Luật Dự trữ quốc gia số 145/2025/QH15 quy định mục tiêu dự trữ quốc gia: “Nhà nước hình thành, quản lý, sử dụng dự trữ quốc gia để thực hiện các mục tiêu sau: ...2. Huy động, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của nền kinh tế để thực hiện tự chủ chiến lược quốc gia; là công cụ điều tiết thị trường để bảo đảm nền kinh tế vận hành ổn định, hiệu quả theo quy

luật thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa”; khoản 1 Điều 6 quy định về nguồn hình thành dự trữ quốc gia: “1. Dự trữ quốc gia được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước và nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật”. Đồng thời, tại điểm b khoản 1 Điều 32 quy định “b) Mua, bán hàng dự trữ chiến lược có sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước và nguồn ngoài ngân sách nhà nước thực hiện theo cơ chế thỏa thuận, tự nguyện, hợp đồng theo quy định của Chính phủ và quy định của pháp luật khác có liên quan”.

b) Tác động về kinh tế - xã hội

- Chính sách này sẽ tăng cường tiềm lực của khu vực DNNN, giảm áp lực ngân sách: Thay vì chỉ dựa vào ngân sách nhà nước (vốn có hạn), chính sách này tận dụng lợi nhuận của DNNN thành nguồn lực dự trữ thực tế (hàng hóa, vật tư). Nhà nước không phải chi hoàn toàn từ ngân sách để mua sắm hàng hóa dự trữ quốc gia, dự trữ chiến lược mà tận dụng được dòng tiền sẵn có từ hoạt động kinh doanh hiệu quả của DNNN.

- Dự trữ quốc gia là dự trữ của Nhà nước, phải là tổng hòa các nguồn lực trong nước để tạo nội lực, sức mạnh của quốc gia. Với tinh thần này, DNNN với tư cách là các đơn vị dẫn đầu trong các lĩnh vực trọng yếu của đất nước như xăng, dầu, điện, lương thực... tham gia dự trữ quốc gia theo Nghị quyết của Quốc hội sẽ tạo nên sức mạnh tổng thể.

- Sự tham gia của các DNNN có vị trí ngành nghề quan trọng, tác động đến nền kinh tế - xã hội của đất nước sẽ giúp ngăn chặn tình trạng đầu cơ, thổi giá khi có biến động, do Nhà nước luôn có một lượng hàng đủ lớn để can thiệp vào thị trường trong khi có biến động.

c) Nội dung đề xuất không liên quan đến điều ước quốc tế, tác động về giới, thủ tục hành chính.

Chính sách 3: Miễn trừ trách nhiệm đối với rủi ro mang tính khách quan khi thực hiện dự trữ quốc gia các mặt hàng chiến lược về công nghệ cao, đặc thù mà sau thời gian dự trữ nhưng không đáp ứng yêu cầu về dự trữ chiến lược cần thực hiện xuất bán, xuất cấp hàng dự trữ chiến lược trong khi đã thực hiện đầy đủ quy trình ra quyết định, quản trị rủi ro, công khai, minh bạch và không có hành vi vi phạm pháp luật hoặc miễn trừ trách nhiệm khi thực hiện điều tiết thị trường theo quyết định của các cấp có thẩm quyền.

a) Tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với hệ thống pháp luật

Chính sách này phù hợp với chủ trương của Bộ Chính trị tại Kết luận 14-KL/TW ngày 22/9/2021 về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung và tinh thần quy định tại Nghị định số

73/2023/NĐ-CP ngày 29/9/2023 của Chính phủ quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

b) Tác động về kinh tế - xã hội

- Chính sách này tạo ra một môi trường làm việc công bằng và tránh rủi ro cho cán bộ, công chức thực hiện hoạt động dự trữ quốc gia; tạo tâm lý tốt cho cán bộ, công chức làm việc. Đồng thời, có thể khuyến khích cán bộ, công chức phát huy năng lực, sáng tạo của bản thân để hoàn thành nhiệm vụ.

- Nếu sai sót không vì mục đích vụ lợi và nằm trong diện miễn trừ, cơ quan nhà nước sẽ không phải tốn kém nguồn lực (thời gian, nhân sự, ngân sách) cho các quy trình thanh tra, kiểm tra và kỷ luật kéo dài, giúp bộ máy tập trung vào các công việc khác.

c) Nội dung đề xuất không liên quan đến điều ước quốc tế, tác động về giới, thủ tục hành chính.

2.2. Đối với cơ chế, chính sách phát triển DNNN

Dự thảo Nghị quyết cụ thể hóa 01 chính sách, gồm: “DNNN được trích tối đa 10% trên phần lợi nhuận vượt kế hoạch từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hàng năm của doanh nghiệp để hình thành quỹ thưởng”.

(1) Sự cần thiết

1. Điểm a và c, tiểu mục 2.4, mục III của Nghị quyết số 79-NQ/TW xác định: “*Xây dựng cơ chế thưởng tại doanh nghiệp theo tỉ lệ đối với phần lợi nhuận vượt kế hoạch, gắn với nâng cao chất lượng công tác lập và giao kế hoạch của doanh nghiệp, bảo đảm chặt chẽ, sát thực tiễn. Có cơ chế để doanh nghiệp cổ phần được chủ động hình thành quỹ cổ phiếu thưởng nhằm thu hút, giữ chân người lao động có trình độ cao về chuyên môn, quản lý, có đóng góp lớn cho sự phát triển của doanh nghiệp trên nguyên tắc bảo đảm minh bạch, khách quan, không ảnh hưởng tới quyền kiểm soát của cổ đông nhà nước*”.

2. Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 03/06/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả DNNN đã khẳng định tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách để DNNN thật sự vận hành theo cơ chế thị trường:

- Doanh nghiệp nhà nước tham gia thực hiện nhiệm vụ chính trị, xã hội do Nhà nước giao thực hiện theo cơ chế Nhà nước đặt hàng, lựa chọn cạnh tranh, công khai và xác định rõ giá thành, chi phí thực hiện, trách nhiệm và quyền lợi của Nhà nước, DNNN để bảo đảm không làm giảm hiệu quả kinh doanh của DNNN.

- Phát huy vai trò mở đường, dẫn dắt của DNNN trong việc hình thành và mở rộng các chuỗi sản xuất, cung ứng và chuỗi giá trị trong nước, khu vực và thế giới. Hạn chế tình trạng sản xuất, kinh doanh khép kín, cục bộ, không minh bạch trong DNNN, đặc biệt là trong các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước.

Việc ban hành quy định này tại dự thảo Nghị quyết nhằm tạo cơ chế khuyến khích, từ đó khơi thông nguồn lực của KTNN để đạt các mục tiêu tăng trưởng kinh tế trong thời gian tới.

(2) Đánh giá tác động chính sách

a) Tác động kinh tế - xã hội

Báo cáo số 846/BC-CP ngày 29/9/2025 của Chính phủ về đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong phạm vi cả nước năm 2024 có nêu lợi nhuận trước thuế của 673 DNNN là 248.723 tỷ đồng, tăng 18% so với thực hiện năm 2023 (Báo cáo số 546/BC-CP không đánh giá phần lợi nhuận vượt kế hoạch). Giả định lợi nhuận thực hiện vượt 100% so với kế hoạch năm 2024 (tương ứng là 124.000 tỷ đồng) thì số lợi nhuận được trích sẽ tương ứng với khoảng 12.000 tỷ đồng ($=124.000 \times 10\%$).

Tuy nhiên, Nghị quyết số 79-NQ/TW cũng yêu cầu nâng cao chất lượng công tác lập và giao kế hoạch của doanh nghiệp bảo đảm chặt chẽ, sát thực tiễn; do đó việc đạt chỉ tiêu lợi nhuận kế hoạch với yêu cầu tăng trưởng 2 con số cũng là khó khăn đối với doanh nghiệp. Vì vậy, tỷ lệ phần lợi nhuận vượt kế hoạch sẽ không cao như giả định. Khi áp dụng chính sách này sẽ thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp và cũng chỉ được hưởng 10% phần lợi nhuận vượt, 90% còn lại nộp về NSNN.

b) Tác động về giới và chính sách dân tộc: Không làm phát sinh tác động về giới và không phát sinh tác động tới chính sách dân tộc.

c) Tác động về thủ tục hành chính: Quy định này không làm phát sinh tác động về thủ tục hành chính.

VII. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THI HÀNH NGHỊ QUYẾT VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết

Việc thi hành Nghị quyết về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển KTNN không làm phát sinh nguồn nhân lực và tài chính mới để thực hiện các thủ tục hành chính (TTHC). Đồng thời, các cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển KTNN quy định tại dự thảo Nghị quyết không làm phát sinh các TTHC.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế nhà nước, Bộ Tài chính xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

(Xin gửi kèm theo: 1) Dự thảo Tờ trình Chính phủ dự án Nghị quyết; (2) Dự thảo Nghị quyết; (3) Bản so sánh, thuyết minh dự thảo Nghị quyết với văn bản quy phạm pháp luật hiện hành; (4) Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị quyết; và (5) Bản tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Lưu: VT, CLCS (...bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Cao Anh Tuấn

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghị quyết số:..../2026/QH16

DỰ THẢO

Ngày 16.04.2026

NGHỊ QUYẾT

VỀ MỘT SỐ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC BIỆT PHÁT TRIỂN KINH TẾ NHÀ NƯỚC

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị quyết này quy định một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế nhà nước, áp dụng đối với thành tố dự trữ quốc gia và doanh nghiệp nhà nước.

2. Nghị quyết này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Cơ chế, chính sách phát triển dự trữ quốc gia

1. Bổ trí đầy đủ ngân sách Nhà nước hàng năm để mua tăng hàng dự trữ quốc gia, hàng dự trữ chiến lược đối với các mặt hàng quan trọng, các mặt hàng phục vụ quốc phòng, an ninh, quốc kế dân sinh như lương thực, xăng, dầu, dầu thô, công nghệ cao... đảm bảo mức dự trữ quốc gia đã đề ra tại Nghị quyết số 79-NQ/TW; ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước và đầu tư xây dựng kho dự trữ quốc gia, trong đó tập trung xây dựng các kho dự trữ quốc gia chiến lược về xăng, dầu, dầu thô theo quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia và hệ thống kho dự trữ quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt.



2. Doanh nghiệp nhà nước có vị trí ngành nghề quan trọng, tác động đến nền kinh tế - xã hội của đất nước dành tối thiểu 10% lợi nhuận để lại sau thuế theo quy định để tham gia thực hiện dự trữ quốc gia theo phân công của Chính phủ.

3. Miễn trừ trách nhiệm đối với rủi ro mang tính khách quan khi thực hiện dự trữ quốc gia các mặt hàng chiến lược về công nghệ cao, đặc thù mà sau thời gian dự trữ nhưng không đáp ứng yêu cầu về dự trữ chiến lược cần thực hiện xuất bán, xuất cấp hàng dự trữ chiến lược trong khi đã thực hiện đầy đủ quy trình ra quyết định, quản trị rủi ro, công khai, minh bạch và không có hành vi vi phạm pháp luật hoặc miễn trừ trách nhiệm khi thực hiện điều tiết thị trường theo quyết định của các cấp có thẩm quyền.

Điều 3. Cơ chế chính sách phát triển doanh nghiệp nhà nước

Doanh nghiệp nhà nước được trích tối đa 10% trên phần lợi nhuận vượt kế hoạch từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hàng năm của doanh nghiệp để hình thành quỹ thưởng.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Chính phủ theo thẩm quyền quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng và tổ chức thực hiện Nghị quyết này bảo đảm điều kiện tiếp cận, thực hiện cơ chế, chính sách thuận lợi, khả thi, hiệu quả.

2. Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan khác ở Trung ương và địa phương đề cao trách nhiệm, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định tại Nghị quyết này, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả và khả thi; không để trục lợi chính sách, thất thoát, lãng phí.

3. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tham gia xây dựng, ban hành và triển khai các cơ chế, chính sách quy định tại Nghị quyết này được xem xét loại trừ, miễn trách nhiệm đối với trường hợp đã thực hiện đầy đủ các quy trình, quy định liên quan, không trục lợi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, nhưng có thiệt hại do rủi ro khách quan.

Các tổ chức, cá nhân có thành tích trong thực hiện Nghị quyết này được khen thưởng theo quy định của pháp luật. Xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, trục lợi, nhũng nhiễu của cán bộ, công chức trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết này.

4. Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày

2. Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa nghị quyết này với luật, nghị quyết khác của Quốc hội thì áp dụng quy định của nghị quyết này. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật khác có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc thuận lợi hơn nghị quyết này thì áp dụng theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật đó.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày tháng ... năm 2026.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

(Ký và đóng dấu)

Trần Thanh Mẫn





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**BẢN SO SÁNH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI VỀ MỘT SỐ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC BIỆT
PHÁT TRIỂN KINH TẾ NHÀ NƯỚC VỚI VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH**

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI VỀ MỘT SỐ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC BIỆT PHÁT TRIỂN KINH TẾ NHÀ NƯỚC	THUYẾT MINH
<p>Luật Doanh nghiệp quy định về việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp, nhưng không quy định chính sách đặc biệt phát triển doanh nghiệp nhà nước (DNNN).</p> <p>Luật Quản lý và Đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 quy định việc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, nhưng chưa có quy định về cơ chế trích lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</p>	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</p> <p>1. Nghị quyết này quy định một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế nhà nước, áp dụng đối với các thành tố dự trữ quốc gia và doanh nghiệp nhà nước.</p> <p>2. Nghị quyết này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan.</p>	<p>Khoản 1, mục IV Nghị quyết số 79-NQ/TW nêu rõ: “Đảng uỷ Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, bổ sung Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh, ưu tiên các dự án luật trực tiếp phục vụ triển khai thực hiện Nghị quyết”. Theo đó, dự thảo Nghị quyết này nhằm thể chế hoá chủ trương, chính sách tại Nghị quyết số 79-NQ/TW.</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI VỀ MỘT SỐ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC BIỆT PHÁT TRIỂN KINH TẾ NHÀ NƯỚC	THUYẾT MINH
hàng năm của doanh nghiệp để hình thành quỹ thưởng.		
	Điều 2. Cơ chế chính sách phát triển doanh nghiệp nhà nước	
Pháp luật hiện hành chưa quy định nội dung này	1. Ưu tiên bố trí ngân sách Nhà nước hàng năm để mua tăng hàng dự trữ quốc gia, hàng dự trữ chiến lược đối với các mặt hàng quan trọng, các mặt hàng phục vụ quốc phòng, an ninh, quốc kế dân sinh như lương thực, xăng, dầu, dầu thô, công nghệ cao... đảm bảo mức dự trữ quốc gia đã đề ra tại Nghị quyết số 79- NQ/TW; ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước và đầu tư xây dựng kho dự trữ quốc gia, trong đó tập trung xây dựng các kho dự trữ quốc gia chiến lược về xăng, dầu, dầu thô theo quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia và hệ thống kho dự trữ quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	<p>a) Tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với chủ trương, đường lối và hệ thống pháp luật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 1 Điều 55 Hiến pháp năm 2013 quy định: “1. Ngân sách nhà nước, dự trữ quốc gia, quỹ tài chính nhà nước và các nguồn tài chính công khác do Nhà nước thống nhất quản lý và phải được sử dụng hiệu quả, công bằng, công khai, minh bạch, đúng pháp luật” - Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế đề ra mức dự trữ quốc gia: đến năm 2025 đạt 0,8% - 1,0% GDP; đến năm 2035 đạt 1,5% GDP; đến năm 2045 đạt 2% GDP. - Kết luận số 115-KL/TW ngày 16/01/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW quy định: “Mở rộng phạm vi và tăng cường năng lực, nâng cao vai trò của dự trữ quốc gia, không chỉ phục vụ mục tiêu cứu trợ trong tình huống khẩn cấp mà thực sự trở thành dự trữ

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI VỀ MỘT SỐ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC BIỆT PHÁT TRIỂN KINH TẾ NHÀ NƯỚC	THUYẾT MINH
		<p>chiến lược, là công cụ phục vụ điều tiết thị trường để bảo đảm nền kinh tế vận hành ổn định, hiệu quả theo quy luật của thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa.”</p> <p>- Thông báo số 342-TB/VPTW ngày 18/9/2025 của Văn phòng trung ương Đảng về Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với các cơ quan về dự trữ quốc gia và dự trữ ngoại hối, trong đó đã yêu cầu: “Trước bối cảnh tình hình thế giới và khu vực dự báo tiếp tục có những biến động phức tạp, đặt ra yêu cầu cấp bách phải tăng cường dự trữ quốc gia, dự trữ ngoại hối như một trụ cột quan trọng của an ninh quốc gia, an ninh kinh tế và phát triển bền vững”</p> <p>- Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước quy định: Phân đầu mức dự trữ quốc gia đạt tối thiểu 1% GDP vào năm 2030; phân đầu đến năm 2045, mức dự trữ quốc gia đạt 2% GDP.</p> <p>- Khoản 4 Điều 5 Luật Dự trữ quốc gia năm 2025 quy định: “Bảo đảm nguồn lực cho dự trữ quốc gia, cơ cấu hợp lý, phù hợp với đặc thù và lợi ích chiến lược của đất nước trong từng thời kỳ, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; giao đất, cho thuê đất, xây dựng hệ thống</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI VỀ MỘT SỐ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC BIỆT PHÁT TRIỂN KINH TẾ NHÀ NƯỚC	THUYẾT MINH
		<p>kho dự trữ quốc gia phù hợp với quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia”</p> <p>Như vậy, đề xuất chính sách nêu trên là phù hợp với chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về ưu tiên, tăng cường nguồn lực cho dự trữ quốc gia.</p> <p>b) Tác động về kinh tế - xã hội:</p> <p>Chính sách ưu tiên bố trí ngân sách cho dự trữ quốc gia (mua tăng hàng dự trữ quốc gia, dự trữ chiến lược và đầu tư xây dựng kho dự trữ quốc gia, dự trữ chiến lược) được quy định tại Nghị quyết sẽ là căn cứ pháp lý để Quốc hội ưu tiên dồn nguồn lực, bố trí ngân sách hàng năm cho dự trữ quốc gia, đảm bảo thực hiện đúng các mục tiêu đã đề ra tại các Nghị quyết của Bộ Chính trị.</p> <p>Chính sách ưu tiên của Quốc hội đóng vai trò mang tính định hướng, có thể dẫn dắt dòng vốn tư nhân đầu tư vào lĩnh vực dự trữ quốc gia. Khi khu vực tư nhân đã chú trọng vào lĩnh vực dự trữ quốc gia, dần dần Nhà nước sẽ có các chính sách mở rộng mô hình dự trữ theo hình thức đối tác công – tư, giảm áp lực ngân sách nhà nước.</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI VỀ MỘT SỐ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC BIỆT PHÁT TRIỂN KINH TẾ NHÀ NƯỚC	THUYẾT MINH
		c) Nội dung đề xuất không liên quan đến điều ước quốc tế, tác động về giới, thủ tục hành chính.
Pháp luật hiện hành chưa quy định nội dung này	2. Doanh nghiệp nhà nước có vị trí ngành nghề quan trọng, tác động đến nền kinh tế - xã hội của đất nước dành tối thiểu 10% lợi nhuận để lại sau thuế theo quy định để tham gia thực hiện dự trữ quốc gia theo phân công của Chính phủ.	<p>a) Tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với hệ thống pháp luật về dự trữ quốc gia:</p> <p>- Khoản 2 Điều 25 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 quy định lợi nhuận sau thuế sau khi trừ đi các chi phí, được chia lãi cho các thành viên, trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi, trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật liên quan được phân phối theo nguyên tắc: “d) Doanh nghiệp nộp phần lợi nhuận còn lại vào ngân sách nhà nước, trừ trường hợp sử dụng để bổ sung vốn điều lệ, đầu tư dự án theo quy định của Chính phủ”.</p> <p>- Khoản 2 Điều 2 Luật Dự trữ quốc gia số 145/2025/QH15 quy định mục tiêu dự trữ quốc gia: “Nhà nước hình thành, quản lý, sử dụng dự trữ quốc gia để thực hiện các mục tiêu sau: ...2. Huy động, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của nền kinh tế để thực hiện tự chủ chiến lược quốc gia; là công cụ điều tiết thị trường để bảo đảm nền kinh tế vận hành ổn định, hiệu quả theo quy luật thị trường và định hướng</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI VỀ MỘT SỐ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC BIỆT PHÁT TRIỂN KINH TẾ NHÀ NƯỚC	THUYẾT MINH
		<p>xã hội chủ nghĩa”; khoản 1 Điều 6 quy định về nguồn hình thành dự trữ quốc gia: “1. Dự trữ quốc gia được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước và nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật”. Đồng thời, tại điểm b khoản 1 Điều 32 quy định “b) Mua, bán hàng dự trữ chiến lược có sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước và nguồn ngoài ngân sách nhà nước thực hiện theo cơ chế thỏa thuận, tự nguyện, hợp đồng theo quy định của Chính phủ và quy định của pháp luật khác có liên quan”.</p> <p>b) Tác động về kinh tế - xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chính sách này sẽ tăng cường tiềm lực của khu vực doanh nghiệp Nhà nước, giảm áp lực ngân sách: Thay vì chỉ dựa vào ngân sách nhà nước (vốn có hạn), chính sách này tận dụng lợi nhuận của DNNN thành nguồn lực dự trữ thực tế (hàng hóa, vật tư). Nhà nước không phải chi hoàn toàn từ ngân sách để mua sắm hàng hóa dự trữ quốc gia, dự trữ chiến lược mà tận dụng được dòng tiền sẵn có từ hoạt động kinh doanh hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước. - Dự trữ quốc gia là dự trữ của Nhà nước, phải là tổng hòa các nguồn lực trong nước để tạo nội lực, sức mạnh của quốc gia. Với tinh thần này, DNNN

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI VỀ MỘT SỐ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC BIỆT PHÁT TRIỂN KINH TẾ NHÀ NƯỚC	THUYẾT MINH
		<p>với tư cách là các đơn vị dẫn đầu trong các lĩnh vực trọng yếu của đất nước như xăng, dầu, điện, lương thực...tham gia dự trữ quốc gia theo Nghị quyết của Quốc hội sẽ tạo nên sức mạnh tổng thể.</p> <p>- Sự tham gia của các DNNN có vị trí ngành nghề quan trọng, tác động đến nền kinh tế - xã hội của đất nước sẽ giúp ngăn chặn tình trạng đầu cơ, thổi giá khi có biến động, do Nhà nước luôn có một lượng hàng đủ lớn để can thiệp vào thị trường trong khi có biến động.</p> <p>c) Nội dung đề xuất không liên quan đến điều ước quốc tế, tác động về giới, thủ tục hành chính.</p>
Pháp luật hiện hành chưa quy định nội dung này	3. Miễn trừ trách nhiệm đối với rủi ro mang tính khách quan khi thực hiện dự trữ quốc gia các mặt hàng chiến lược về công nghệ cao, đặc thù mà sau thời gian dự trữ nhưng không đáp ứng yêu cầu về dự trữ chiến lược cần thực hiện xuất bán, xuất cấp hàng dự trữ chiến lược trong khi đã thực hiện đầy đủ quy trình ra quyết định, quản trị rủi ro, công khai, minh bạch và không có hành vi vi phạm pháp luật hoặc miễn trừ trách nhiệm khi thực hiện điều tiết thị trường theo quyết định của các cấp có thẩm quyền.	<p>a) Tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với hệ thống pháp luật</p> <p>Chính sách này phù hợp với chủ trương của Bộ Chính trị tại Kết luận 14-KL/TW ngày 22/9/2021 về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung và tinh thần quy định tại Nghị định số 73/2023/NĐ-CP ngày 29/9/2023 của Chính phủ quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI VỀ MỘT SỐ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC BIỆT PHÁT TRIỂN KINH TẾ NHÀ NƯỚC	THUYẾT MINH
		<p>b) Tác động về kinh tế - xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chính sách này tạo ra một môi trường làm việc công bằng và tránh rủi ro cho cán bộ, công chức thực hiện hoạt động dự trữ quốc gia; tạo tâm lý tốt cho cán bộ, công chức làm việc. Đồng thời, có thể khuyến khích cán bộ, công chức phát huy năng lực, sáng tạo của bản thân để hoàn thành nhiệm vụ. - Nếu sai sót không vì mục đích vụ lợi và nằm trong diện miễn trừ, cơ quan nhà nước sẽ không phải tốn kém nguồn lực (thời gian, nhân sự, ngân sách) cho các quy trình thanh tra, kiểm tra và kỷ luật kéo dài, giúp bộ máy tập trung vào các công việc khác. <p>c) Nội dung đề xuất không liên quan đến điều ước quốc tế, tác động về giới, thủ tục hành chính.</p>
<p>Luật Quản lý và Đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 và văn bản hướng dẫn thi hành (gồm Nghị định 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp</p>	<p>Điều 3. Cơ chế chính sách phát triển doanh nghiệp nhà nước</p> <p>1. Doanh nghiệp nhà nước được trích tối đa 10% trên phần lợi nhuận vượt kế hoạch từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hàng năm của doanh nghiệp để hình thành quỹ thưởng.</p>	<p>1. Điểm c, tiểu mục 2.4, mục III của Nghị quyết số 79-NQ/TW xác định: “<i>Xây dựng cơ chế thưởng tại doanh nghiệp theo tỉ lệ đối với phần lợi nhuận vượt kế hoạch, gắn với nâng cao chất lượng công tác lập và giao kế hoạch của doanh nghiệp, bảo đảm chặt chẽ, sát thực tiễn. Có cơ chế để doanh nghiệp cổ phần được chủ động hình</i></p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI VỀ MỘT SỐ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC BIỆT PHÁT TRIỂN KINH TẾ NHÀ NƯỚC	THUYẾT MINH
<p>và Nghị định số 57/2026/NĐ-CP về cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp và định hướng về phát triển DNNN) chưa quy định về tỷ lệ lợi nhuận vượt kế hoạch được sử dụng để hình thành quỹ thưởng.</p>		<p><i>thành quỹ cổ phiếu thưởng nhằm thu hút, giữ chân người lao động có trình độ cao về chuyên môn, quản lý, có đóng góp lớn cho sự phát triển của doanh nghiệp trên nguyên tắc bảo đảm minh bạch, khách quan, không ảnh hưởng tới quyền kiểm soát của cổ đông nhà nước”.</i></p> <p>Theo đó, quy định này nhằm kịp thời thể chế hóa chủ trương, chính sách Bộ Chính trị đã xác định tại Nghị quyết số 79-NQ/TW.</p> <p>2. Về trích 10% phần lợi nhuận vượt kế hoạch từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hàng năm của doanh nghiệp để hình thành quỹ thưởng, đây là cơ chế để khuyến khích, thu hút, giữ chân người lao động có trình độ cao về chuyên môn, quản lý, có đóng góp lớn cho sự phát triển của doanh nghiệp gắn với nâng cao chất lượng công tác lập và giao kế hoạch của doanh nghiệp, bảo đảm chặt chẽ, sát thực tiễn. Đây là nội dung đã được quy định tại Nghị quyết số 79-NQ/TW.</p> <p>3. Về đánh giá tác động của chính sách này: Theo Báo cáo số 846/BC-CP ngày 29/9/2025 của Chính phủ về đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong phạm vi cả nước năm 2024, lợi nhuận trước thuế của 673 doanh nghiệp nhà nước là 248.723 tỷ đồng, tăng 18% so</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI VỀ MỘT SỐ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC BIỆT PHÁT TRIỂN KINH TẾ NHÀ NƯỚC	THUYẾT MINH
		<p>với thực hiện năm 2023 (Báo cáo số 546/BC-CP không đánh giá phần lợi nhuận vượt kế hoạch). Giả định lợi nhuận thực hiện vượt 100% so với kế hoạch năm 2024 (tương ứng là 124.000 tỷ đồng) thì số lợi nhuận được trích sẽ tương ứng với khoảng 12.000 tỷ đồng (=124.000 x 10%).</p> <p>Tuy nhiên, Nghị quyết số 79-NQ/TW cũng yêu cầu nâng cao chất lượng công tác lập và giao kế hoạch của doanh nghiệp bảo đảm chặt chẽ, sát thực tiễn; do đó việc đạt chỉ tiêu lợi nhuận kế hoạch với yêu cầu tăng trưởng 2 con số cũng là khó khăn đối với doanh nghiệp. Vì vậy, phần vượt lợi nhuận kế hoạch sẽ càng khó khăn hơn, khó đạt quy mô như tính toán ở trên. Đối với quy định này, dự tính sẽ không tác động nhiều đến thu ngân sách nhà nước (NSNN).</p>



Phụ lục

TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN CỦA TẬP ĐOÀN, TỔNG CÔNG TY

(Kèm theo Công văn số 4781/BTC-CLCS ngày 16/4/2026 của Bộ Tài chính)

1. Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội (Công văn số 3523/CNVTQĐ-PC ngày 03/4/2026)

TT	NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
	<p>Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel) xin đóng góp ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế nhà nước (dự thảo ngày 10.2.2026) (Dự thảo) và đề xuất một số cơ chế, chính sách đặc biệt nhằm phát triển kinh tế nhà nước, cụ thể như sau:</p>	
	<p>1. Về thanh tra, kiểm tra, kiểm toán tổ chức, đơn vị kinh tế nhà nước 1.1. Về số lần thanh tra, kiểm tra trong năm - Dự thảo: Khoản 3 và khoản 4 Điều 3 quy định: “3. Số lần thanh tra hoặc kiểm tra đối với tổ chức, đơn vị kinh tế nhà nước (nếu có) bao gồm cả kiểm tra liên ngành không được quá 01 lần trong năm, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng. Ưu tiên kiểm tra, giám sát từ xa dựa trên các dữ liệu điện tử; giám kiểm tra, giám sát trực tiếp. 4. Đối với cùng một nội dung quản lý nhà nước, trường hợp đã tiến hành hoạt động thanh tra thì không thực hiện hoạt động kiểm tra hoặc đã tiến hành hoạt động kiểm tra thì không thực hiện hoạt động thanh tra tổ chức, đơn vị kinh tế nhà nước trong cùng một năm, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng”. - Đề xuất: Bỏ khoản 4 Điều 3 và sửa lại khoản 3 như sau: “3. Tổng số lần thanh tra và kiểm tra đối với tổ chức, đơn vị kinh tế nhà nước (nếu có) bao gồm cả kiểm tra liên ngành không được quá 01 lần trong năm, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng. Ưu tiên kiểm tra, giám sát từ xa dựa trên các dữ liệu điện tử; giám kiểm tra, giám sát trực tiếp”. - Lý do: Quy định tại khoản 3 chưa rõ số lần thanh tra, kiểm tra trong năm đối với cùng một nội dung quản lý nhà nước dẫn đến cách hiểu khác nhau, không thống nhất, như: Cách hiểu thứ 1: Tổng số lần thanh, kiểm tra (cả thanh tra và kiểm tra) trong 1 năm bao gồm cả kiểm tra liên ngành là 01 lần/1 năm. Do đó, nếu trong năm đã tổ chức 01 đoàn thanh tra tại đơn vị thì</p>	<p>Với nội dung về cải thiện môi trường kinh doanh, Bộ Tài chính đề xuất không quy định tại dự thảo Nghị quyết do một số định hướng chưa quy định tại Nghị quyết số 79; có nội dung thuộc thẩm quyền của Chính phủ; có nội dung Ban Chi đạo quốc gia về phòng chống tham nhũng đã giao Bộ Công an thực hiện.</p>

TT	NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
	<p>không tiến hành kiểm tra tại đơn vị đó, không xét đến nội dung quản lý nhà nước có trùng lặp hay không. Cách hiểu thứ 2: Tổng số lần thanh tra và kiểm tra trong 1 năm là không quá 2 lần, trong đó có 1 lần thanh tra và 1 lần kiểm tra bao gồm cả kiểm tra liên ngành.</p> <p>Trong khi khoản 4 Điều 3 quy định đối với cùng một nội dung quản lý nhà nước chỉ được tiến hành 1 hoạt động trong năm (thanh tra hoặc kiểm tra). Như vậy, có thể tiến hành nhiều hơn 1 lần hoạt động thanh tra, kiểm tra nếu có khác về nội dung quản lý nhà nước. Theo đó, quy định này mâu thuẫn với quy định tổng số lần thanh, kiểm tra trong năm là 1 lần trong năm nêu tại khoản 1 (theo cách hiểu 1). Do đó, cần thiết phải có quy định rõ ràng hơn để tránh cách hiểu khác nhau, để thực hiện trên thực tế và đảm bảo đúng chủ trương chấm dứt tình trạng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán chồng chéo, trùng lặp không cần thiết tại Nghị quyết số 79-NQ/TW.</p> <p>Tác động đối với nhà nước: Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, tiết kiệm nguồn lực công dành cho thanh tra, kiểm tra trực tiếp; thúc đẩy cải cách hành chính và chuyển đổi số.</p> <p>Tác động đối với DNN: giảm tác động đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo động lực nâng cao quản trị nội bộ và phù hợp chủ trương chấm dứt tình trạng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán chồng chéo, trùng lặp không cần thiết tại Nghị quyết số 79 và Nghị quyết số 68-NQ/TW.</p>	
	<p>1.2. Về thời kỳ/phạm vi thanh tra, kiểm tra, kiểm toán</p> <p>- Dự thảo: chưa có quy định.</p> <p>- Đề xuất: Đề xuất bổ sung một khoản vào Điều 3 quy định như sau: <i>“Thời kỳ/phạm vi kiểm toán, thanh tra, kiểm tra thực hiện theo quy định về thời gian lưu trữ dữ liệu của pháp luật chuyên ngành nhưng không quá 05 năm gần nhất, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng; Việc kiểm tra, thanh tra, kiểm toán không trùng lặp về nội dung, phạm vi, thời gian giữa cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán nhà nước, trừ trường hợp có bằng chứng, căn cứ vi phạm cần kiểm tra lại.”</i></p> <p>- Lý do: + Pháp luật hiện hành có quy định về thời kỳ thanh tra/phạm vi kiểm toán, kiểm tra, nhưng không quy định cụ thể về thời gian, cụ thể: Điều 2.9 Luật Thanh tra năm 2025, thời kỳ thanh tra là khoảng thời gian thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của đối tượng thanh tra được xem xét, đánh giá trong một cuộc thanh tra. Theo Điều 9.6 Quyết định số 10/2025/QĐ-KTNN ngày 29/5/2023 của Tổng kiểm toán nhà nước về quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước, phạm vi kiểm toán “xác định rõ niên độ kế toán (năm tài chính), thời kỳ trước và sau có liên quan (nếu cần thiết) hoặc khoảng thời gian được kiểm toán (giai đoạn được kiểm toán đối với chương trình, dự án hay</p>	<p>Với nội dung về cải thiện môi trường kinh doanh, Bộ Tài chính đề xuất không quy định tại dự thảo Nghị quyết do một số định hướng chưa quy định tại Nghị quyết số 79; có nội dung thuộc thẩm quyền của Chính phủ; có nội dung Ban Chi đạo quốc gia về phòng chống tham nhũng đã giao Bộ Công an thực hiện.</p>

TT	NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
	<p><i>công trình xây dựng cơ bản).</i>” Điều 11.3 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP về nội dung quyết định kiểm tra chuyên ngành, không có quy định về thời kỳ kiểm tra chuyên ngành.</p> <p>+ Việc đưa ra quy định thời kỳ kiểm tra trong 5 năm gần nhất tăng cường việc nhận diện và điều chỉnh kịp thời các điểm yếu, khiếm khuyết hoặc lỗ hổng trong chính sách quản lý của nhà nước. Đồng thời cũng phù hợp với việc lập kế hoạch chiến lược 5 năm của DNNN theo yêu cầu tại Nghị định số 366/2025/NĐ-CP về quản lý và đầu tư vốn nhà nước.</p> <p>Thời kỳ kiểm tra quá dài (10 năm tới 15 năm trước) làm giảm hiệu quả trong điều chỉnh kịp thời cơ chế chính sách. Ngoài ra, do thời gian quá dài, cán bộ nhân viên trong giai đoạn được kiểm tra không còn làm việc rất khó khăn cho tổ chức, đơn vị, cán bộ, nhân viên hiện tại trong việc phục vụ công tác kiểm tra.</p> <p>+ Về quy định kiểm tra, thanh tra, kiểm toán không trùng lặp về nội dung, phạm vi, thời gian giữa cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán nhà nước: Nhằm đảm bảo các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán thực hiện cùng một nội dung, dẫn đến chồng chéo, gây lãng phí nguồn lực và mất nhiều thời gian. Quy định này cũng tương đồng với Điều 22.1.d Luật Quản lý thuế năm 2025, quy định: Việc kiểm tra thuế của cơ quan thuế không trùng lặp về nội dung, phạm vi, thời gian giữa cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán nhà nước, trừ trường hợp có bằng chứng, căn cứ vi phạm cần kiểm tra lại.</p> <p>Tác động đối với nhà nước: Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, tiết kiệm nguồn lực công dành cho thanh tra, kiểm tra, kiểm toán; thúc đẩy cải cách hành chính và phù hợp chủ trương chấm dứt tình trạng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán chồng chéo, trùng lặp không cần thiết tại Nghị quyết số 79-NQ/TW và Nghị quyết số 68-NQ/TW.</p> <p>Tác động đối với DNNN: giảm tác động hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm toán đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của DNNN.</p>	
	<p>1.3. Về miễn kiểm tra thực tế</p> <p>- Dự thảo: chưa có quy định.</p> <p>- Đề xuất: Bổ sung nội dung tại Điều 3 quy định “<i>Miễn kiểm tra thực tế tại tổ chức, đơn vị kinh tế nhà nước tuân thủ tốt quy định của pháp luật</i>” và giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này.</p> <p>- Lý do:</p> <p>+ Phù hợp với chủ trương tại Nghị quyết 79-NQ/TW về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền, nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm; giảm thiểu can thiệp hành</p>	<p>Với nội dung về cải thiện môi trường kinh doanh, Bộ Tài chính đề xuất không quy định tại dự thảo Nghị quyết do một số định hướng chưa quy định tại Nghị quyết số 79; có nội dung thuộc thẩm quyền của Chính phủ; có nội dung Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng chống tham nhũng đã giao Bộ Công an thực</p>

TT	NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
	<p>chính trực tiếp, giảm chi phí tuân thủ; áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro và chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ thanh tra, kiểm tra, kiểm toán trên nền tảng số.</p> <p>Việc miễn kiểm tra thực tế tại tổ chức, đơn vị kinh tế nhà nước tuân thủ tốt pháp luật nhằm thực hiện nguyên tắc quản lý theo rủi ro, giảm chồng chéo thanh tra, kiểm tra và tối ưu nguồn lực quản lý nhà nước, khuyến khích tuân thủ pháp luật và phù hợp với chủ trương cải cách hành chính, chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay. Thực tiễn cho thấy nhiều đơn vị đã có hệ thống kiểm soát nội bộ đầy đủ, thực hiện nghiêm chế độ báo cáo và không phát sinh vi phạm trong nhiều năm liên tiếp; do đó việc kiểm tra thực tế định kỳ tại chỗ là chưa thật sự cần thiết và ảnh hưởng hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị.</p> <p>Cơ quan nhà nước chuyển sang giám sát trên cơ sở dữ liệu điện tử và cơ chế hậu kiểm; đồng thời vẫn bảo đảm thanh tra, kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm. Đây cũng là những chính sách đột phá tạo động lực cho kinh tế tư nhân phát triển và đã được thể hiện tại Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.</p> <p>+ Đề xuất giao Chính phủ có quy định chi tiết để đảm bảo thực tiễn áp dụng trong đó quy định rõ: tiêu chuẩn, điều kiện đánh giá tổ chức, đơn vị kinh tế nhà nước tuân thủ tốt quy định của pháp luật; khung thời gian đánh giá, thời gian áp dụng miễn kiểm tra; cơ quan chịu trách nhiệm đánh giá việc tuân thủ tốt quy định pháp luật của doanh nghiệp.</p> <p>Tác động đối với nhà nước: Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, tiết kiệm nguồn lực công dành cho kiểm tra trực tiếp; Thúc đẩy cải cách hành chính và chuyển đổi số và phù hợp chủ trương chấm dứt tình trạng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán chồng chéo, trùng lặp không cần thiết tại Nghị quyết số 79-NQ/TW và Nghị quyết số 68-NQ/TW</p> <p>Tác động đối với DNNN: giảm tác động đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo động lực nâng cao quản trị nội bộ.</p>	hiện.
	<p>2. Về bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm</p> <p>- Dự thảo: Khoản 7 Điều 3 quy định “10. Bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung trong các trường hợp không có yếu tố tham nhũng, vụ lợi và quy trình xem xét, đánh giá bản chất vụ việc là sai sót khách quan hay vi phạm pháp luật”.</p> <p>- Đề xuất: Đề xuất quy định cụ thể cơ chế loại trừ trách nhiệm dân sự, hành chính, kỷ luật đối với cơ quan, đơn vị thực thi nhiệm vụ nghiên cứu, phát triển, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm công nghệ cao, công nghệ chiến lược vào Khoản 10 Điều 3, cụ thể:</p>	Nội dung này Ban Chi đạo quốc gia về phòng chống tham nhũng đã giao Bộ Công an thực hiện.

TT	NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
	<p><i>“Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, phát triển, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm công nghệ cao, công nghệ chiến lược do Đảng và Nhà nước giao được loại trừ trách nhiệm dân sự, trách nhiệm hình sự, trách nhiệm hành chính và không bị xử lý kỷ luật khi gây ra thiệt hại, nếu đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và các quy trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt”.</i></p> <p>- Lý do:</p> <p>Luật KHCN và ĐMST đã có quy định về miễn trách nhiệm dân sự, loại trừ trách nhiệm hành chính, trách nhiệm hình sự trong nghiên cứu, phát triển công nghệ: Tổ chức, cá nhân thực hiện nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo được loại trừ trách nhiệm hành chính, miễn trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại gây ra cho Nhà nước nếu đã tuân thủ đầy đủ quy trình, quy định trong quá trình triển khai thực hiện nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo và không có hành vi gian lận, cố ý vi phạm pháp luật, không sử dụng sai mục tiêu, phạm vi kinh phí (Điều 9.3.a); Loại trừ trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự đối với rủi ro trong nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ (Điều 9.3.d). <i>Tuy nhiên, chưa có quy định về miễn trách nhiệm kỷ luật; miễn trách nhiệm dân sự, loại trừ trách nhiệm hành chính, hình sự trong sản xuất, kinh doanh.</i></p> <p>Lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ chiến lược luôn đi trước pháp luật và là lĩnh vực khó, nhiều rủi ro, đặc biệt là các nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao. Ví dụ: lĩnh vực nghiên cứu chip bán dẫn và thiết bị viễn thông có xác suất thất bại lớn. Nếu không có điều khoản “miễn trừ” cụ thể, cán bộ quản lý sẽ chọn giải pháp an toàn (đi mua/thuê) thay vì tự nghiên cứu, sản xuất. Cơ chế này giúp người lao động, cán bộ tại doanh nghiệp tự tin quyết định các thương vụ M&A công nghệ hoặc triển khai hạ tầng mới mà không lo sợ rủi ro pháp lý. Điều này cũng phù hợp với quy định tại Mục III, Khoản 1, Tiêu mục 5 (Cơ chế bảo vệ cán bộ) của Nghị quyết số 79-NQ/TW.</p> <p>Đề xuất bảo vệ không chỉ cán bộ mà cả doanh nghiệp và cá nhân khác tham gia thực hiện nhiệm vụ chiến lược. Điều này phù hợp với tinh thần chung của Khoản 3 Điều 9 Luật KHCN và ĐMST (tổ chức, cá nhân thực hiện nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo được loại trừ trách nhiệm hành chính, miễn trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại gây ra cho Nhà nước nếu đã tuân thủ đầy đủ quy trình, quy định...).</p> <p>Tác động đối với nhà nước: Khuyến khích thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chấp nhận rủi ro công nghệ, thúc đẩy nhanh triển khai các nhiệm vụ công nghệ trọng điểm => đạt được</p>	

TT	NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
	<p>chính sách thúc đẩy phát triển KHCN và ĐMST theo Nghị quyết 57/NQ-TW của Bộ Chính trị.</p> <p>Tác động đối với DNNN: Doanh nghiệp tham gia nghiên cứu, phát triển công nghệ cao sẽ yên tâm hơn trong việc triển khai các dự án có tính thử nghiệm, phức tạp và rủi ro cao; từ đó mạnh dạn hơn trong việc đầu tư vào nghiên cứu, phát triển và thương mại hóa các công nghệ mới, đặc biệt trong các lĩnh vực có tính tiên phong => tăng tính chủ động, sáng tạo của DNNN, nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng làm chủ công nghệ.</p> <p>=> Đề xuất Quốc hội bổ sung Luật 01 khoản vào Điều 16 Luật Công nghệ cao.</p>	
	<p>3. Về ưu tiên bố trí quỹ đất cho phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, công nghiệp, dịch vụ, phát triển đô thị, nhà ở xã hội</p> <p>- Dự thảo: khoản 2 Điều 4 quy định: “2. <i>Ưu tiên bố trí quỹ đất cho phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, công nghiệp, dịch vụ, phát triển đô thị, nhà ở xã hội</i>”.</p> <p>- Đề xuất: Đề xuất bổ sung chính sách ưu đãi này như sau:</p> <p>“- <i>Ưu tiên bố trí quỹ đất cho phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, công nghiệp, dịch vụ, phát triển đô thị, nhà ở xã hội và dự án trọng điểm quốc gia; xây dựng các cơ sở nghiên cứu, phát triển, sản xuất các sản phẩm công nghệ cao, công nghệ chiến lược.</i></p> <p>- <i>Được giao đất bằng hình thức giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án công nghệ cao, công nghệ chiến lược có sử dụng đất.</i>”</p> <p>- Lý do:</p> <p>+ Cơ sở pháp lý: Điều 14.2 Nghị quyết 193/2025/QH15 đã quy định: Doanh nghiệp VN đầu tư xây dựng nhà máy nghiên cứu, sản xuất chip bán dẫn được giao đất bằng hình thức giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này. Tuy nhiên, quy định này áp dụng cho doanh nghiệp đầu tiên đầu tư xây dựng nhà máy chip bán dẫn.</p> <p>+ Cơ sở thực tiễn:</p> <p>Tạo điều kiện để doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển các sản phẩm công nghệ cao, công nghệ chiến lược.</p> <p>Tập trung quỹ đất cho dự án tạo giá trị kinh tế lớn, giúp tăng hiệu quả sử dụng đất, thu ngân sách và lan tỏa phát triển.</p>	<p>Kết luận số 18-KL/TW Hội nghị Trung ương 2 khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030 (Kết luận số 18-KL/TW) xác định: “<i>Tập trung rà soát, sửa đổi và hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến phát triển nền kinh tế số, đầu tư kinh doanh, đặc biệt trong lĩnh vực đất đai, quy hoạch, thương mại, khoáng sản, xây dựng... góp phần tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh</i>”. Do đó, việc bổ sung các chính sách đặc biệt đối với thành tố đất đai, tài nguyên sẽ được xem xét khi rà soát, sửa đổi, bổ sung pháp luật về đất đai theo Kết luận số 18-KL/TW.</p>

TT	NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
	<p>Tác động đối với nhà nước: Việc ưu tiên bố trí quỹ đất và cho phép giao đất không qua đấu giá, đấu thầu đối với các dự án công nghệ cao, công nghệ chiến lược giúp Nhà nước đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án quan trọng, hình thành các trung tâm nghiên cứu, sản xuất và hạ tầng công nghệ; góp phần thu hút nguồn lực đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ then chốt, tạo nền tảng cho phát triển công nghiệp công nghệ cao và tăng cường năng lực cạnh tranh quốc gia.</p> <p>Tác động đối với DNNN: Doanh nghiệp thuận lợi hơn trong việc tiếp cận quỹ đất, giảm chi phí tiếp cận đất đai để triển khai các dự án nghiên cứu, phát triển và sản xuất sản phẩm công nghệ cao, công nghệ chiến lược. Việc giao đất không qua đấu giá, đấu thầu giúp giảm thủ tục và thời gian chuẩn bị đầu tư, qua đó đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án công nghệ quy mô lớn.</p> <p>=> Đề xuất Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật Đất Đai và các văn bản hướng dẫn</p>	
	<p>4. Về chính sách ưu đãi phát triển công nghệ hàng không, vũ trụ và phát triển kinh tế không gian vũ trụ và kinh tế tầm thấp</p> <p>- Dự thảo: Khoản 5 Điều 5 về chính sách ưu đãi hoạt động phát triển công nghệ hàng không, vũ trụ và phát triển kinh tế không gian vũ trụ và kinh tế tầm thấp.</p> <p>- Đề xuất: Bổ sung, sửa đổi các chính sách ưu đãi tại khoản 5 Điều 5, cụ thể như sau gồm:</p> <p>“a) Chính phủ ban hành cơ chế thử nghiệm có kiểm soát với quy trình cấp phép bay đơn giản hóa cho thiết bị bay không người lái phục vụ kinh tế tầm thấp, cho phép triển khai các khuôn khổ thử nghiệm có kiểm soát đối với các loại tàu bay do các đơn vị trong nước tự nghiên cứu và phát triển trong giai đoạn bay thử nghiệm, kiểm tra trước khi được cơ quan có thẩm quyền phê chuẩn về việc bảo đảm đủ điều kiện bay. Miễn thuế nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, linh kiện, thiết bị phục vụ nghiên cứu, chế tạo sản phẩm công nghệ hàng không, vũ trụ trong 10 năm đầu”.</p> <p>b) Chính phủ ban hành cơ chế thí điểm mô hình “Khu vực kinh tế tầm thấp trọng điểm” tại một số đô thị thông minh và khu công nghiệp. Trong khu vực thí điểm, cho phép các doanh nghiệp nhà nước mạnh, quy mô lớn, đóng vai trò dẫn dắt trong lĩnh vực công nghệ triển khai thử nghiệm hệ thống Quản lý không lưu tầm thấp (UTM) dựa trên hạ tầng mạng 5G/6G và AI để cấp phép bay tự động, giám sát hành trình phương tiện bay không người lái (UAV/Drone) phục vụ logistics, an ninh và nông nghiệp công nghệ cao;</p>	<p>Đánh giá những chính sách này chưa thể hiện rõ tính rõ ràng đặc thù đột phá để đưa vào Nghị quyết và chưa đủ theo yêu cầu đánh giá tác động đối với chính sách mới theo quy định của Luật ban hành VBQPPL. Do vậy, chưa đủ cơ sở đề xuất chính sách liên quan tại dự thảo Nghị quyết.</p>

TT	NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
	<p>c) Giảm và đơn giản hóa các thủ tục cấp phép liên quan đến hoạt động quản lý thiết bị bay không người lái nhằm hỗ trợ kinh tế tầm thấp.</p> <p>d) Chính phủ ban hành chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu, phát triển (R&D), sản xuất thiết bị, công nghệ vũ trụ để phát triển hàng không, công nghệ vũ trụ, kinh tế không gian vũ trụ và kinh tế tầm thấp gắn chặt với yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh, quản lý, bảo vệ vững chắc vùng trời, không gian hàng không, không gian vũ trụ và chủ quyền quốc gia; Tổ chức, cá nhân tham gia nghiên cứu, phát triển, sản xuất thiết bị, công nghệ hàng không, vũ trụ để phát triển hàng không, công nghệ vũ trụ, kinh tế không gian vũ trụ và kinh tế tầm thấp được loại trừ trách nhiệm dân sự, trách nhiệm hình sự, trách nhiệm hành chính và không bị xử lý kỷ luật khi gây ra thiệt hại, nếu đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và các quy trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>- Lý do:</p> <p>+ Theo Nghị định 288/2025/NĐ-CP ngày 5/11/2025 quy định về quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác, có nhiều quy trình cấp phép doanh nghiệp phải thực hiện không chỉ là quy trình cấp phép bay như giấy chứng nhận đủ điều kiện đối với cơ sở nghiên cứu, chế tạo, sửa chữa bảo dưỡng, thử nghiệm, đăng ký phương tiện bay, giấy phép điều khiển phương tiện bay, ... => Đề xuất bỏ từ “bay” tại điểm a và bổ sung 01 điểm trước điểm c của dự thảo về giảm đơn giản hóa các thủ tục cấp phép.</p> <p>+ Về cho phép triển khai các khuôn khổ thử nghiệm có kiểm soát đối với các loại tàu bay: Luật Hàng không dân dụng (Điều 7 khoản 1) đã có cho phép phát triển công nghiệp hàng không bao gồm nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất, thay đổi thiết kế tàu bay. Tại khoản 3 Điều 14 Luật quy định tàu bay chỉ được phép khai thác trong lãnh thổ của Việt Nam khi có giấy chứng nhận đủ điều kiện bay do Nhà chức trách hàng không Việt Nam cấp hoặc công nhận. Luật chưa có quy định cụ thể (như không gian và các yêu cầu điều kiện kỹ thuật...) đối với giai đoạn bay thử nghiệm, thời điểm trước khi phương tiện bay được phê chuẩn của cơ quan có thẩm quyền về đảm bảo đủ điều kiện bay. Do đó, doanh nghiệp không thể triển khai các hoạt động thử nghiệm tàu bay.</p> <p>Hiện nay Tập đoàn Viettel đang triển khai nhiệm vụ nghiên cứu, phát triển máy bay, trực thăng theo chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Quốc phòng, việc bổ sung chính sách này sẽ tạo thuận lợi, đảm bảo điều kiện pháp lý cho quá trình thử nghiệm và kiểm tra để phê chuẩn chứng nhận đối với các sản phẩm do Viettel tự nghiên cứu, sản xuất.</p>	

TT	NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
	<p>+ Bổ sung từ “nguyên liệu”, “vật tư” trong quy định “Miễn thuế nhập khẩu linh kiện, thiết bị...” do tại điểm c khoản 6 Điều 25 Luật Công nghệ cao năm 2025 quy định: “<i>c) Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất, nghiên cứu của tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ chiến lược, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao theo quy định của pháp luật về công nghệ cao; doanh nghiệp khoa học và công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo được miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 năm kể từ khi bắt đầu nghiên cứu, sản xuất</i>”. Đối với hàng không vũ trụ cần tăng thời gian miễn thuế do đây là lĩnh vực cần nghiên cứu lâu dài nên thời gian miễn thuế 10 năm là phù hợp.</p> <p>+ Lý do cho đơn giản quy trình bay cho kinh tế tầm thấp: Theo Nghị định 288/2025/NĐ-CP quy định về quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác, để triển khai bay thiết bị bay không người lái có rất nhiều giấy phép như: giấy phép nhập khẩu thiết bị (Điều 8), xin giấy chứng nhận đủ điều kiện trường hợp sửa chữa bảo dưỡng thiết bị, đăng ký phương tiện bay, mỗi lần bay phải xin cấp phép trước tối thiểu 07 ngày (Điều 11), giấy phép điều khiển phương tiện bay (Điều 27). Do vậy đề tạo điều kiện cho phát triển kinh tế tầm thấp hoặc đối với trường hợp vận chuyển hàng hóa cứu trợ, thiên tai, lũ lụt, hoặc đối với lĩnh vực logistic với các tuyến bay cố định thời gian, đề xuất giảm/đơn giản bớt thủ tục.</p> <p>+ Bổ sung quy định về miễn trách nhiệm do theo khoản 3 Điều 9 Luật KHCN&ĐMST đã miễn rủi ro cho hoạt động nghiên cứu phát triển công nghệ tuy nhiên chưa miễn trừ rủi ro cho hoạt động sản xuất trong khi đó hoạt động sản xuất công nghệ hàng không, vũ trụ, kinh tế tầm thấp đều là những ngành mới có độ rủi ro lớn nên cần cơ chế miễn trừ trách nhiệm để khuyến khích doanh nghiệp thực hiện.</p> <p>Tác động đối với nhà nước: Thúc đẩy phát triển công nghiệp hàng không, vũ trụ và kinh tế tầm thấp, thúc đẩy hình thành thị trường kinh tế tầm thấp (phát triển các ngành kinh tế mới như logistics, giám sát, nông nghiệp thông minh và dịch vụ dữ liệu trên không); tăng cường năng lực khoa học – công nghệ và tự chủ công nghệ của quốc gia.</p> <p>Tác động đối với DNN: Tạo điều kiện cho DNN triển khai nghiên cứu và thử nghiệm các loại tàu bay, thiết bị bay và công nghệ liên quan trước khi hoàn tất các thủ tục phê chuẩn, qua đó rút ngắn thời gian phát triển sản phẩm; giảm chi phí nghiên cứu và phát triển. Giảm rủi ro pháp lý khi triển khai công nghệ tiên phong giúp doanh nghiệp, người lao động yên tâm, mạnh dạn hơn trong việc triển khai các dự án có tính thử nghiệm, phức tạp và rủi ro cao.</p> <p>=> Đề xuất Chính phủ xây dựng và ban hành Nghị định của Chính phủ về thử nghiệm có kiểm soát đối với tàu bay hoặc sửa đổi, bổ sung Luật Hàng không.</p>	

TT	NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
	=> Đề xuất Chính phủ bổ sung Nghị định số 288/2025/NĐ-CP hoặc ban hành Nghị định riêng => Đề xuất Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu	
	<p>5. Về chính sách ưu đãi đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng</p> <p>- Dự thảo: Điều 6 quy định chính sách ưu đãi đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng.</p> <p>- Đề xuất: Bổ sung quy định các chính sách ưu đãi tại Điều 6 gồm:</p> <p>+ “Cho vay ưu đãi lãi suất, thời hạn vay đối với các khoản vay cho đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kết viễn thông, hạ tầng số quốc gia ở mức lãi suất ưu đãi thấp hơn hoặc bằng mức Ngân hàng nhà nước cho các ngân hàng thương mại vay”.</p> <p>+ “Áp dụng chính sách ưu đãi không thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với phần lợi nhuận để lại không chia cho cổ đông, chủ sở hữu, nhà đầu tư để tái đầu tư phát triển hạ tầng số của doanh nghiệp, ứng dụng công nghệ theo mục tiêu quản trị hiện đại theo thông lệ quốc tế phù hợp với định hướng phát triển chiến lược quốc gia”.</p> <p>- Lý do: Các chính sách ưu đãi hiện nay tập trung vào các hoạt động nghiên cứu phát triển và đổi mới sáng tạo, trong khi hoạt động đầu tư vào kết cấu hạ tầng viễn thông, hạ tầng số quốc gia giữ vai trò quan trọng, do đó cần có các chính sách ưu đãi.</p> <p>Tác động đối với nhà nước: Thúc đẩy phát triển hạ tầng số quốc gia; khuyến khích doanh nghiệp giữ lại lợi nhuận để tái đầu tư giúp hình thành nguồn vốn dài hạn cho phát triển hạ tầng chiến lược, giảm áp lực đầu tư trực tiếp từ ngân sách nhà nước.</p> <p>Tác động đối với DNNN: Hỗ trợ DNNN giảm chi phí vốn đầu tư, tăng khả năng tích lũy và tái đầu tư, tạo động lực để doanh nghiệp mạnh dạn triển khai các dự án quy mô lớn về hạ tầng số, nâng cao năng lực công nghệ và cạnh tranh của DNNN.</p> <p>=> Đề xuất Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp.</p>	<p>Các quy định về chính sách phát triển kết cấu hạ tầng thuộc thẩm quyền của Chính phủ. Do đó, Bộ Tài chính đề nghị không đưa các quy định về phát triển kết cấu hạ tầng tại dự thảo Nghị quyết của Quốc hội.</p>
	<p>6. Về cơ chế thưởng đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh</p> <p>- Dự thảo: chưa có quy định.</p> <p>- Đề xuất: Bổ sung tại khoản 1 Điều 11 quy định chính sách đối với khoản kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ, tài trợ cho doanh nghiệp nhà nước nhằm thưởng, khuyến khích doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo (ví dụ như dự án 5G theo Nghị</p>	

TT	NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
	<p>quyết 193/NQ-QH15) được xác định là khoản hỗ trợ tài chính và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, cụ thể như sau:</p> <p><i>“Toàn bộ kinh phí doanh nghiệp nhận tài trợ, hỗ trợ từ ngân sách nhà nước do hoàn thành nhanh dự án, nhiệm vụ đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật được bổ sung vào Quỹ khen thưởng để khen thưởng cho các tập thể, cá nhân trong doanh nghiệp đã góp phần vào việc hoàn thành các dự án, nhiệm vụ đáp ứng điều kiện theo quy định của Nhà nước.”</i></p> <p>- Lý do: Khuyến khích, động viên kịp thời, tạo động lực cho các tập thể, cá nhân hoàn thành các công việc khó, đột phá do Nhà nước giao.</p> <p>Về bản chất, các khoản tài trợ, hỗ trợ nhận được từ ngân sách nhà nước trong trường hợp không ghi tăng vốn nhà nước sẽ được hạch toán là một khoản thu nhập bất thường, làm tăng lợi nhuận sau thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Ngoài ra, Điều 25.2 Luật số 68/2015/QH15 quy định <i>“Doanh nghiệp nộp phần lợi nhuận còn lại vào ngân sách nhà nước, trừ trường hợp sử dụng để bổ sung vốn điều lệ, đầu tư dự án theo quy định của Chính phủ”</i>. Như vậy, đối với các DNNN, sau khi phân phối lợi nhuận vào các quỹ theo quy định thì toàn bộ phần lợi nhuận còn lại sẽ được nộp về ngân sách nhà nước. Do đó, việc phân phối này sẽ không đảm bảo được giá trị mà Nhà nước đã cam kết hỗ trợ cho doanh nghiệp, làm mất ý nghĩa của khoản tài trợ, hỗ trợ của Nhà nước.</p> <p>Tác động đối với nhà nước: đảm bảo được giá trị mà Nhà nước đã cam kết hỗ trợ cho doanh nghiệp, không làm mất ý nghĩa của khoản tài trợ, hỗ trợ của Nhà nước.</p> <p>Tác động tới DNNN: Khuyến khích, động viên kịp thời, tạo động lực cho các tập thể, cá nhân hoàn thành các công việc khó, đột phá do Nhà nước giao.</p> <p>=> Đề xuất Quốc hội sửa đổi, bổ sung Điều 25 Luật 68/2015/QH15 quy định về nguồn trích lập Quỹ khen thưởng bao gồm cả các khoản tài trợ, hỗ trợ nhận được từ ngân sách nhà nước và Luật Thi đua khen thưởng.</p>	
	<p>7. Về trích lập dự phòng các khoản đầu tư ra nước ngoài</p> <p>- Dự thảo: Chưa có quy định về chính sách cho phép DNNN đầu tư ra nước ngoài được trích lập dự phòng đầu tư ra nước ngoài và khoản trích lập dự phòng được xác định là chi phí được trừ khi tính thu nhập chịu thuế.</p> <p>- Đề xuất: Bổ sung chính sách tại Điều 11, cụ thể: <i>“Các khoản đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp nhà nước và công ty con của các doanh nghiệp này được trích lập dự phòng rủi</i></p>	<p>Đánh giá những chính sách này chưa thể hiện rõ tính rõ ràng đặc thù đột phá để đưa vào Nghị quyết và chưa đủ theo yêu cầu đánh giá tác động đối với chính sách mới theo quy định của Luật ban hành VBQPPL. Do vậy, chưa đủ cơ sở đề xuất chính sách liên quan</p>

TT	NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
	<p><i>ro để xử lý các tổn thất phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đầu tư ra nước ngoài và được xác định là khoản chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp”.</i></p> <p>- Lý do:</p> <p>+ Nghị quyết số 79 nêu rõ quan điểm chỉ đạo là thúc đẩy hội nhập quốc tế sâu rộng, thực chất, hiệu quả; xây dựng một số Tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp nhà nước mạnh, có quy mô lớn, công nghệ hiện đại, có năng lực cạnh tranh khu vực và quốc tế.</p> <p>+ Thực tế, việc thực hiện các hoạt động đầu tư kinh doanh trong nước hay nước ngoài đều chứa đựng rủi ro; đặc biệt đối với hoạt động đầu tư kinh doanh ở nước ngoài vừa chịu sự điều chỉnh của pháp luật trong nước vừa chịu sự điều chỉnh của pháp luật nước ngoài và các rủi ro khách quan (như thị trường, biến động kinh tế- chính trị trong khu vực, trên thế giới...). Trong khi đó, quy định hiện hành theo Thông tư 48/2019/TT-BTC mới cho phép trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư trong nước nhưng chưa cho phép trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư ra nước ngoài là chưa bảo đảm nguyên tắc đối xử bình đẳng giữa các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư ra nước ngoài được quy định tại được quyền lợi của các nhà đầu tư ra nước ngoài được quy định tại Điều 5 Luật Đầu tư 2020: “5. Nhà nước đối xử bình đẳng giữa các nhà đầu tư; có chính sách khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh, phát triển bền vững các ngành kinh tế.”</p> <p>Tác động đối với Nhà nước: Khoản trích lập về bản chất là ghi nhận vào chi phí các rủi ro tổn thất tài sản có thể xảy ra và được hoàn nhập vào lợi nhuận nếu tổn thất không thực sự xảy ra, vì thế xét tổng thể việc trích lập không làm thất thu ngân sách Nhà nước. Cơ chế trích lập dự phòng đầu tư ra nước ngoài không làm giảm trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu trong việc bảo toàn vốn, mà góp phần hỗ trợ thực hiện hiệu quả trách nhiệm đó trong bối cảnh hoạt động đầu tư ra nước ngoài ngày càng phức tạp và tiềm ẩn nhiều yếu tố khó đoán định trước.</p> <p>Tác động đối với DNN: Trích lập dự phòng các khoản đầu tư ra nước ngoài là một biện pháp bảo toàn vốn, cho phép doanh nghiệp nhận diện sớm và có nguồn lực tài chính xử lý kịp thời các rủi ro có thể phát sinh, góp phần phòng ngừa, hạn chế thất thoát vốn nhà nước. Việc cho phép trích lập dự phòng tạo sự chủ động và tâm thế yên tâm hơn cho các doanh nghiệp nhà nước trong việc tìm kiếm cơ hội, phát huy nguồn lực và mở rộng đầu tư ra nước ngoài, phát huy vai trò chủ đạo trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tiên phong</p>	<p>tại dự thảo Nghị quyết.</p>

TT	NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
	<p>kiến tạo phát triển, dẫn dắt, mở đường theo tinh thần của Nghị quyết 79, qua đó góp phần mạnh mẽ hơn cho tăng trưởng và vị thế kinh tế của đất nước trong giai đoạn tới. => Đề xuất Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 48/2019/TT-BTC.</p>	
	<p>8. Về cơ chế thương mại hoá kết quả nghiên cứu và phát triển công nghệ của doanh nghiệp nhà nước</p> <p>- Dự thảo: Chưa có quy định.</p> <p>- Đề xuất: Bổ sung 01 điểm vào khoản 2 Điều 12 như sau: <i>“Đối với các kết quả nghiên cứu sử dụng ngân sách nhà nước liên quan đến quốc phòng, an ninh mà không thể thương mại hóa nhưng đã được cơ quan giao nhiệm vụ công nhận sử dụng kết quả, doanh nghiệp nhà nước chủ trì nhiệm vụ được thưởng cho tác giả kết quả nhiệm vụ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo 30% lợi nhuận thu được của việc thương mại hóa sản phẩm tương đương trên thị trường”.</i></p> <p>- Lý do:</p> <p>+ Nhiều người lao động tại Viettel tham gia nghiên cứu, phát triển các công nghệ, công trình khoa học có tính chất lưỡng dụng hoặc trực tiếp phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh. Với những công nghệ, công trình khoa học này, việc thương mại hóa trên thị trường là không thể do yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước. Mức trích 30% trên cơ sở tham khảo quy định tại khoản 3 Điều 28 Luật KHCN, ĐMST.</p> <p>Để thực hiện thu hút nhân tài theo Nghị quyết 57/NQ-TW ngày 22/12/2024, việc chia sẻ lợi nhuận từ việc thương mại hóa kết quả nghiên cứu là một trong những động lực chính để thu hút chuyên gia, nhà khoa học, nhân sự chất lượng cao từ nước ngoài về làm việc tại Việt Nam. Tuy nhiên do đặc thù các công trình nghiên cứu này phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh, cần có cơ chế bù đắp một phần lợi ích từ việc thương mại hóa này.</p> <p>Điều 28 Luật Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo đã quy định về việc phân chia lợi nhuận kết quả nghiên cứu khoa học, tuy nhiên mới chỉ quy định đối với các kết quả có thể thương mại hóa, chưa có quy định về cơ chế bù đắp đối với các kết quả không thể thương mại hóa.</p> <p>+ Thể chế hóa chủ trương tại điểm b mục 2.4 phần III: <i>Kết quả nghiên cứu, phát triển do doanh nghiệp nhà nước thực hiện thành công phải được ứng dụng vào thực tế trong các khâu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là công nghệ lõi, công nghệ chiến lược, đồng thời</i></p>	<p>Đánh giá những chính sách này chưa thể hiện rõ tính rõ ràng đặc thù đột phá để đưa vào Nghị quyết và chưa đủ theo yêu cầu đánh giá tác động đối với chính sách mới theo quy định của Luật ban hành VBQPPL. Do vậy, chưa đủ cơ sở đề xuất chính sách liên quan tại dự thảo Nghị quyết.</p>

TT	NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
	<p><i>có cơ chế thương mại để chia sẻ, lan toả công nghệ nhằm thúc đẩy doanh nghiệp thuộc các khu vực kinh tế khác cùng phát triển.</i></p> <p>Tác động đối với Nhà nước: Khuyến khích nghiên cứu công nghệ phục vụ quốc phòng, an ninh; tăng hiệu quả sử dụng ngân sách cho khoa học – công nghệ; Thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực công nghệ cao.</p> <p>Tác động đối với DNNN: Nhiều người lao động tại Viettel tham gia nghiên cứu, phát triển các công nghệ, công trình khoa học có tính chất lưỡng dụng hoặc trực tiếp phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh. Với những công nghệ, công trình khoa học này, việc thương mại hóa trên thị trường là không thể do yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước.</p> <p>=> Chính sách nhằm thực hiện thu hút nhân tài theo Nghị quyết 57/NQ-TW ngày 22/12/2024, việc chia sẻ lợi nhuận từ việc thương mại hóa kết quả nghiên cứu là một trong những động lực chính để thu hút chuyên gia, nhà khoa học, nhân sự chất lượng cao từ nước ngoài về làm việc tại DNNN.</p> <p>=> Đề xuất Quốc hội sửa đổi, bổ sung Điều 28 Luật Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.</p>	
	<p>- Đề xuất: Bổ sung 01 điểm vào khoản 2 Điều 12 như sau: “<i>Nhà nước có chính sách khuyến khích, hỗ trợ để các tổ chức, cá nhân mua sắm các sản phẩm công nghệ cao, công nghệ chiến lược là kết quả của nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của các doanh nghiệp trong nước</i>” và giao Chính phủ quy định chi tiết.</p> <p>- Lý do: Pháp luật hiện hành đã có quy định ưu tiên mua sắm sử dụng kinh phí nhà nước: Đối với gói thầu thuê, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số sử dụng ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số quốc gia hoặc theo yêu cầu tại nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ được thực hiện theo hình thức chỉ định thầu hoặc lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo quy định của pháp luật về đấu thầu (Điều 31.2 Luật Công nghiệp công nghệ số); Ưu đãi trong mua sắm sử dụng ngân sách nhà nước đối với sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, doanh nghiệp có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (Điều 67 Luật KHCN). Tuy nhiên, chưa có quy định về chính sách khuyến khích các DN mua sắm các sản phẩm là kết quả của nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong nước.</p>	<p>Đánh giá những chính sách này chưa thể hiện rõ tính rõ tính đặc thù đột phá để đưa vào Nghị quyết và chưa đủ theo yêu cầu đánh giá tác động đối với chính sách mới theo quy định của Luật ban hành VBQPPL. Do vậy, chưa đủ cơ sở đề xuất chính sách liên quan tại dự thảo Nghị quyết.</p>

TT	NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
	<p>- Tác động đến Nhà nước: Nhằm thể chế hóa chủ trương tại điểm b mục 2.4 phần III Nghị quyết 79: <i>Kết quả nghiên cứu, phát triển do doanh nghiệp nhà nước thực hiện thành công phải được ứng dụng vào thực tế trong các khâu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là công nghệ lõi, công nghệ chiến lược, đồng thời có cơ chế thương mại để chia sẻ, lan toả công nghệ nhằm thúc đẩy doanh nghiệp thuộc các khu vực kinh tế khác cùng phát triển.</i></p> <p>- Tác động đối với DNNN: Đề xuất trên là giải pháp then chốt để tạo thị trường cho các sản phẩm công nghệ trong nước, giúp doanh nghiệp có nguồn lực để tái đầu tư cho R&D, hoàn thiện sản phẩm và tạo ra một chu trình phát triển bền vững. Giúp giải quyết vấn đề thiếu thị trường đầu ra, là rào cản lớn nhất đối với việc thương mại hóa kết quả nghiên cứu tại Việt Nam hiện nay.</p> <p>=> Đề xuất Quốc hội sửa đổi, bổ sung Điều 31.2 Luật Công nghiệp công nghệ số và Điều 67 Luật KHCN&ĐMST.</p>	
	<p>- Đề xuất: Bổ sung vào khoản 2 Điều 12 các chính sách của Nhà nước đối với sản phẩm, dịch vụ công nghệ cao, công nghệ chiến lược:</p> <p>“+ <i>Hỗ trợ chi phí để quảng bá và tiếp thị ở nước ngoài, bao gồm việc tham gia các hội nghị và triển lãm chuyên môn ở nước ngoài liên quan cho từng ngành nghề/lĩnh vực.</i></p> <p>+ <i>Thiết lập hệ thống bán hàng, hệ thống phân phối và hệ thống hợp tác cần thiết để xuất khẩu sản phẩm hoặc dịch vụ ra thị trường quốc tế”.</i></p> <p>- Lý do:</p> <p>+ Thực tế cho thấy doanh nghiệp công nghệ trong nước, kể cả doanh nghiệp nhà nước, gặp nhiều khó khăn khi thâm nhập thị trường quốc tế do hạn chế về mạng lưới phân phối, thương hiệu toàn cầu và chi phí xúc tiến thương mại cao. Việc Nhà nước hỗ trợ xúc tiến thương mại quốc tế đối với sản phẩm công nghệ chiến lược sẽ giúp nâng cao vị thế quốc gia, mở rộng thị trường và tăng quy mô sản xuất.</p> <p>+ Tham khảo quy định của Hàn Quốc về hỗ trợ hợp tác quốc tế và thâm nhập thị trường nước ngoài với sự chủ trì của Chính phủ để tiếp thị các sản phẩm/dịch vụ AI của Hàn Quốc đến các quốc gia trên thế giới (Mục 2 Điều 22 Luật AI Hàn Quốc).</p> <p>+ Ví dụ: chủ trì các chương trình toàn cầu như AI Seoul Summit (2024), liên minh giữa Chính phủ và Doanh nghiệp để triển khai chiến lược chuyển đổi AI cho các đối tác chiến lược tại nước ngoài (AX- AI Transformation) (Sự hợp tác giữa KT Group và Viettel).</p>	<p>Đánh giá những chính sách này chưa thể hiện rõ tính rõ tính đặc thù đột phá để đưa vào Nghị quyết và chưa đủ theo yêu cầu đánh giá tác động đối với chính sách mới theo quy định của Luật ban hành VBQPPL. Do vậy, chưa đủ cơ sở đề xuất chính sách liên quan tại dự thảo Nghị quyết.</p>

TT	NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
	<p>Tác động đối với Nhà nước: Nhằm thể chế hóa chủ trương tại điểm b mục 2.4 phần III Nghị quyết 79-NQ/TW: <i>Kết quả nghiên cứu, phát triển do doanh nghiệp nhà nước thực hiện thành công phải được ứng dụng vào thực tế trong các khâu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là công nghệ lõi, công nghệ chiến lược, đồng thời có cơ chế thương mại để chia sẻ, lan toả công nghệ nhằm thúc đẩy doanh nghiệp thuộc các khu vực kinh tế khác cùng phát triển.</i> Đồng thời thúc đẩy xuất khẩu sản phẩm công nghệ và dịch vụ của Việt Nam.</p> <p>Tác động đối với DNNN: Hỗ trợ doanh nghiệp nhà nước chi phí quảng bá, tiếp thị ở nước ngoài; hỗ trợ thiết lập hệ thống bán hàng, phân phối và hợp tác đề xuất khẩu sản phẩm/dịch vụ ra thị trường quốc tế.</p>	
	<p>- Đề xuất: Bổ sung 01 khoản vào sau khoản 2 Điều 12 như sau: <i>“Nhà nước có cơ chế ưu đãi về giá điện cho các DNNN đầu tư phát triển Trung tâm dữ liệu xanh để tiên phong thực hiện chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, từng bước làm chủ công nghệ chiến lược, công nghệ lõi và tăng sức cạnh tranh bền vững của doanh nghiệp”.</i></p> <p>- Lý do:</p> <p>+ Hiện nay theo Thông tư số 60/2025/TT-BCT của Bộ Công thương quy định về thực hiện giá bán điện, quy định giá điện áp dụng cho Trung tâm dữ liệu từ nhóm khách hàng sử dụng điện cho mục đích sản xuất (trước đây quy định tại Thông tư số 16/2014/TT-BCT) sang nhóm điện kinh doanh. Điều này làm tăng hơn 50% chi phí cho các doanh nghiệp.</p> <p>Theo sự phát triển bùng nổ của dữ liệu và ứng dụng AI kéo theo nhu cầu gia tăng nhanh chóng các trung tâm dữ liệu. Việt Nam là 1 trong 10 thị trường mới nổi về trung tâm dữ liệu, điều này đồng nghĩa lượng điện tiêu thụ tại các trung tâm dữ liệu cũng sẽ tăng lên.</p> <p>=> không thúc đẩy phát triển trung tâm dữ liệu – cấu phần quan trọng của hạ tầng số.</p> <p>+ Căn cứ điểm 2.4b mục III Nghị quyết 79 NQ-TW-2026 có chính sách: Khuyến khích các doanh nghiệp nhà nước đẩy mạnh và tiên phong hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; các tập đoàn, tổng công ty phải xây dựng, hình thành trung tâm nghiên cứu - phát triển, phòng thí nghiệm để tiên phong thực hiện chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, từng bước làm chủ công nghệ chiến lược, công nghệ lõi và tăng sức cạnh tranh bền vững của doanh nghiệp.</p> <p>Căn cứ khoản 3 mục III Nghị quyết 57/NQ-TW-2024: Có cơ chế, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước đầu tư, xây dựng trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây.</p>	<p>Đánh giá những chính sách này chưa thể hiện rõ tính rõ tính đặc thù đột phá để đưa vào Nghị quyết và chưa đủ theo yêu cầu đánh giá tác động đối với chính sách mới theo quy định của Luật ban hành VBQPPL. Do vậy, chưa đủ cơ sở đề xuất chính sách liên quan tại dự thảo Nghị quyết.</p>

TT	NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
	<p>Tại cuộc họp ngày 22/3/2025, nhân dịp ra mắt hiệp hội Dữ liệu quốc gia đã chính thức ra mắt và tổ chức thành công Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất, nhiệm kỳ I (2025-2030), Tổng Bí thư Tô Lâm đã phát biểu khẳng định: Đảng và Nhà nước sẽ tạo mọi điều kiện thuận lợi, hỗ trợ tối đa cho sự phát triển của lĩnh vực dữ liệu, để Việt Nam sớm trở thành một quốc gia số, một xã hội số, một nền kinh tế số thịnh vượng¹.</p> <p>+ Kinh nghiệm Trung Quốc: nhiều địa phương ở phía bắc và phía tây Trung Quốc đang triển khai chính sách trợ giá điện mạnh tay nhằm thu hút các trung tâm dữ liệu như Qingyang (tỉnh Cam Túc) và Zhongwei (khu tự trị Ninh Hạ) hiện nằm trong nhóm có giá điện ưu đãi nhất cả nước, chỉ khoảng 0,36 nhân dân tệ mỗi kilowatt giờ (kWh). Tại Guiyang (tỉnh Quý Châu) và Ulanqab (khu tự trị Nội Mông), mức giá thậm chí thấp hơn, dao động quanh mức 0,35 nhân dân tệ/kWh – chưa bằng một nửa so với giá điện công nghiệp và thương mại thông thường, vốn trên 0,6 nhân dân tệ/kWh².</p> <p>Tác động đối với Nhà nước: thúc đẩy hạ tầng số phát triển, là nền tảng để phát triển kinh tế số, đúng với chủ trương, đường lối của Đảng.</p> <p>Tác động đối với DNNN: Trung tâm dữ liệu có công suất tiêu thụ điện lớn nên việc áp dụng giá điện ưu đãi ổn định sẽ giúp DN ổn định kinh doanh, giảm chi phí.</p> <p>Tác động đối với người dân: Việc giữ giá điện ổn định, khiến các doanh nghiệp không tăng giá dịch vụ và giúp dịch vụ này phát triển mạnh hơn => người dân được sử dụng dịch vụ rẻ hơn, tốt hơn, nhanh hơn, bảo mật an toàn dữ liệu tốt hơn, phát triển xã hội số.</p> <p>=> Đề xuất Bộ Công thương bỏ khoản 19 Điều 11 Thông tư số 60/2025/TT-BCT của Bộ công thương quy định về thực hiện giá bán điện và bổ sung vào Điều 7 Thông tư số 60/2025/TT-BCT quy định giá bán lẻ điện đối với Cơ sở cung cấp dịch vụ xử lý, lưu trữ và quản lý dữ liệu tập trung là giá điện sản xuất</p>	
	<p>9. Về sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ để chủ động triển khai hoặc đặt hàng nghiên cứu phát triển bên ngoài</p>	<p>Đánh giá những chính sách này chưa thể hiện rõ tính rõ tính đặc thù đột phá để đưa vào</p>

¹ <https://chinhsachcuocsong.vn/net.vn/tong-bi-thu-to-lam-ho-tro-toi-da-phat-trien-linh-vuc-du-lieu-de-viet-nam-som-tro-thanh-quoc-gia-so/57778.html>.

² <https://genk.vn/trung-quoc-xoay-xo-voi-ap-luc-nang-luong-cho-lan-song-bung-no-trung-tam-du-lieu-ai-165251116210135181.chn>
<https://vneconomy.vn/techconnect/trung-quoc-tro-gia-dien-cho-cac-ong-lon-cong-nghe-nham-thuc-day-chip-ai-noi-dia.htm>

TT	NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
	<p>- Dự thảo: Chưa có quy định.</p> <p>- Đề xuất: Đề nghị bổ sung quy định tại khoản 1 Điều 12: “<i>Các khoản chi của quỹ phát triển khoa học công nghệ thực tế phát sinh trong kỳ tính thuế liên quan đến hoạt động nghiên cứu và phát triển được trừ tối đa không quá 200% tính trên chi phí thực tế của hoạt động này khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp (có bù trừ các ưu đãi đã được hưởng trước đó)</i>”.</p> <p>- Lý do: Đảm bảo đúng tinh thần khuyến khích doanh nghiệp trong hoạt động nghiên cứu phát triển, Viettel đề xuất các khoản chi cho nghiên cứu phát triển đều được hưởng ưu đãi tính giảm trừ 200% trên chi phí thực tế khi tính thuế TNDN, không phân biệt lấy từ nguồn trong Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp hay nguồn chi phí sản xuất kinh doanh trực tiếp (khoản chi này không thông qua Quỹ PT KH&CN và đã được quy định tại Điều 9.1.a1 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP). Trên thực tế, để có nguồn vốn dài hạn cho phát triển KH&CN, doanh nghiệp trích lập Quỹ phát triển KH&CN và sử dụng quỹ này cho hoạt động phát triển khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong đó có khoản chi cho hoạt động nghiên cứu phát triển. Do vậy, việc bổ sung ưu đãi không chỉ khuyến khích doanh nghiệp trong hoạt động nghiên cứu phát triển và phù hợp với thực tế của doanh nghiệp mà còn tạo sự công bằng về ưu đãi đối với khoản chi cho cùng một mục đích là nghiên cứu và phát triển.</p> <p>Tác động đối với nhà nước: Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu – phát triển (R&D); thúc đẩy phát triển hệ sinh thái công nghệ và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Việc mở rộng khấu trừ thuế có thể làm giảm nguồn thu thuế trong ngắn hạn, nhưng về dài hạn sẽ thúc đẩy tăng trưởng công nghệ, nâng cao năng suất và mở rộng cơ sở thu ngân sách.</p> <p>Tác động đối với DNN: Giảm nghĩa vụ thuế và tăng nguồn lực cho R&D; giúp doanh nghiệp mạnh dạn hơn trong việc triển khai các dự án nghiên cứu có chi phí lớn và thời gian thu hồi vốn dài.</p> <p>=> Đề xuất bổ sung Điều 9 Nghị định 320/2025/NĐ-CP.</p>	<p>Nghị quyết và chưa đủ theo yêu cầu đánh giá tác động đối với chính sách mới theo quy định của Luật ban hành VBQPPL. Do vậy, chưa đủ cơ sở đề xuất chính sách liên quan tại dự thảo Nghị quyết.</p>
	<p>10. Về sử dụng quỹ phát triển khoa học công nghệ của doanh nghiệp để bổ sung nội dung chi cho hoạt động KH&CN, ĐMST và CDS</p> <p>10.1. Chi hoạt động sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản</p> <p>- Dự thảo: Điều 12 chưa có quy định.</p>	<p>Bộ Tài chính đã đề xuất không quy định nội dung về Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp tại Nghị quyết do không thuộc thẩm quyền của Quốc hội.</p>

TT	NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
	<p>- Đề xuất: Bổ sung điểm a khoản 1 Điều 12 như sau: “Đầu tư máy móc, thiết bị, phòng thí nghiệm, trung tâm dữ liệu phục vụ trực tiếp đổi mới dây chuyền sản xuất và chuyển đổi số; chi sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản (hoặc cơ sở vật chất, trang thiết bị) phục vụ trực tiếp nhiệm vụ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; chi cho các hoạt động đổi mới sáng tạo phi truyền thống (mua bản quyền phần mềm, thuê chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước theo giá thị trường; chi học bổng, đào tạo ngắn hạn và dài hạn tại các trung tâm công nghệ hàng đầu thế giới, không bắt buộc gắn với đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học).</p> <p>- Lý do: Chi sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản (hoặc cơ sở vật chất, trang thiết bị) phục vụ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KHCN và ĐMST là khoản chi cần thiết để đảm bảo tính khả thi trong thực hiện nhiệm vụ KHCN và ĐMST. Điểm c Khoản 1 Điều 6 Nghị định 265/2025/NĐ-CP đã quy định nội dung chi “Chi sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản (hoặc cơ sở vật chất, trang thiết bị) phục vụ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo” trong nhiệm vụ KHCN và ĐMST sử dụng Ngân sách nhà nước.</p> <p>Tác động đối với nhà nước: Việc cho phép sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ để chi sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản (hoặc cơ sở vật chất, trang thiết bị) phục vụ trực tiếp nhiệm vụ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo sẽ tạo thêm cơ chế khuyến khích các cá nhân, tổ chức tham gia nghiên cứu và phát triển công nghệ; Cơ chế khen thưởng góp phần thúc đẩy tinh thần sáng tạo, nâng cao chất lượng và hiệu quả các nhiệm vụ khoa học – công nghệ trong doanh nghiệp.</p> <p>Tác động đối với DNN: Doanh nghiệp có thêm công cụ để khuyến khích các nhà khoa học, kỹ sư và nhóm nghiên cứu tích cực tham gia hoạt động R&D và đổi mới sáng tạo; Doanh nghiệp được chủ động sử dụng Quỹ để khen thưởng giúp doanh nghiệp linh hoạt hơn trong việc xây dựng cơ chế khuyến khích nội bộ.</p> <p>=> Đề xuất Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 66 Luật Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo và Điều 13 Nghị định 265/2025/NĐ-CP</p>	
	<p>10.2. Chi khen thưởng trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo</p> <p>- Dự thảo: Điều 12 chưa có quy định.</p> <p>- Đề xuất: Bổ sung một điểm tại khoản 1 Điều 12 như sau: “Được sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ để chi khen thưởng trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo”.</p>	<p>Đánh giá những chính sách này chưa thể hiện rõ tính rõ tính đặc thù đột phá để đưa vào Nghị quyết và chưa đủ theo yêu cầu đánh giá tác động đối với chính sách mới theo quy định của Luật ban hành VBQPPL. Do vậy,</p>

TT	NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
	<p>- Lý do: Việc khen thưởng trong lĩnh vực KHCN & ĐMST là rất cần thiết để tạo động lực cho đội ngũ nghiên cứu không ngừng nỗ lực trong nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tại khoản 10, Điều 6 Nghị định 265/2025/NĐ-CP đã quy định “Kinh phí chi quản lý của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” được chi cho khen thưởng, chưa quy định đối với việc doanh nghiệp được chi khen thưởng từ Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp.</p> <p>Hiện Điều 13 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP mới chỉ quy định quỹ phát triển KH&CN trả lương chuyên gia theo thỏa thuận và tiền lương, tiền công cho nhân sự trực tiếp thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học phát triển công nghệ và ĐMST.</p> <p>Điểm b khoản 2 Điều 25 Luật 68 quy định DNNN trích không quá 3 tháng lương để lập quỹ khen thưởng phúc lợi => chưa có cơ chế để DNNN thưởng trên 3 tháng lương.</p> <p>Tác động đối với nhà nước: Việc cho phép sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ để chi khen thưởng sẽ tạo thêm cơ chế khuyến khích các cá nhân, tổ chức tham gia nghiên cứu và phát triển công nghệ; Cơ chế khen thưởng góp phần thúc đẩy tinh thần sáng tạo, nâng cao chất lượng và hiệu quả các nhiệm vụ khoa học – công nghệ trong doanh nghiệp.</p> <p>Tác động đối với DNNN: Doanh nghiệp có thêm công cụ để khuyến khích các nhà khoa học, kỹ sư và nhóm nghiên cứu tích cực tham gia hoạt động R&D và đổi mới sáng tạo; Doanh nghiệp được chủ động sử dụng Quỹ để khen thưởng giúp doanh nghiệp linh hoạt hơn trong việc xây dựng cơ chế khuyến khích nội bộ.</p> <p>=> Đề xuất Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 66 Luật Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo và Điều 13 Nghị định 265/2025/NĐ-CP.</p>	<p>chưa đủ cơ sở đề xuất chính sách liên quan tại dự thảo Nghị quyết.</p>
	<p>10.3. Chi bổ sung hoạt động tài trợ học bổng cho sinh viên tài năng để thu hút nhân lực trẻ lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo</p> <p>- Dự thảo: Điều 12 chưa có quy định.</p> <p>- Đề xuất: Bổ sung một điểm tại khoản 1 Điều 12 như sau: “<i>Được sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ để tài trợ học bổng cho sinh viên tài năng để thu hút nhân lực trẻ lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo</i>”.</p>	<p>Đánh giá những chính sách này chưa thể hiện rõ tính rõ ràng đặc thù đột phá để đưa vào Nghị quyết và chưa đủ theo yêu cầu đánh giá tác động đối với chính sách mới theo quy định của Luật ban hành VBQPPL. Do vậy, chưa đủ cơ sở đề xuất chính sách liên quan tại dự thảo Nghị quyết.</p>

TT	NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
	<p>- Lý do: Trong các khoản mục hoạt động của quỹ phát triển khoa học công nghệ của DN tại Nghị định 265/2025/NĐ-CP chưa có nội dung hoạt động này, mới chỉ có hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nghiên cứu KHCN. Trong khi đó cần tạo sự thu hút và giữ chân nguồn nhân lực công nghệ cao trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược phục vụ doanh nghiệp nhà nước.</p> <p>Tác động đối với nhà nước: Chính sách cho phép sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ để tài trợ học bổng cho sinh viên tài năng góp phần thu hút và bồi dưỡng nguồn nhân lực trẻ trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Giảm áp lực cho ngân sách nhà nước trong đào tạo nhân lực công nghệ.</p> <p>Tác động đối với DNN: Doanh nghiệp có cơ hội tiếp cận sớm và thu hút các sinh viên tài năng trong lĩnh vực khoa học – công nghệ, đáp ứng nhu cầu nhân lực cho hoạt động R&D và đổi mới sáng tạo.</p> <p>=> Đề xuất Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 66 Luật Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo và Điều 13 Nghị định 265/2025/NĐ-CP.</p>	
	<p>11. Về cho phép doanh nghiệp nhà nước tự hình thành hoặc liên kết với Nhà nước và các doanh nghiệp khác hình thành Quỹ đầu tư mạo hiểm</p> <p>- Dự thảo: quy định tại điểm e khoản 1 Điều 12.</p> <p>- Đề xuất: Đề nghị sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 1 Điều 12 chính sách cho Doanh nghiệp nhà nước cụ thể như sau:</p> <p><i>“e) Góp vốn hình thành, tham gia góp vốn hoặc liên kết thành lập quỹ đầu tư mạo hiểm; đầu tư thông qua việc thành lập, mua cổ phần, phần vốn góp hoặc cho vay ưu đãi đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo có công nghệ phù hợp với lĩnh vực sản xuất kinh doanh cốt lõi của doanh nghiệp, hợp tác đầu tư, liên kết với các doanh nghiệp khác phù hợp với lĩnh vực sản xuất, kinh doanh cốt lõi của doanh nghiệp hoặc các doanh nghiệp công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số nhằm hình thành các doanh nghiệp (mua bán, sáp nhập, liên doanh thành lập pháp nhân mới trong nước hoặc nước ngoài), nhóm liên kết doanh nghiệp tiên phong, dẫn dắt, làm chủ công nghệ lõi, công nghệ chiến lược. Tổng mức tổn thất phát sinh từ hoạt động góp vốn hình thành, tham gia góp vốn hoặc liên kết thành lập quỹ đầu tư mạo hiểm không vượt quá ngưỡng rủi ro 50% tổng vốn đầu tư. Doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp, cá nhân quản lý, sử dụng quỹ được miễn trách nhiệm dân sự, loại trừ trách nhiệm hành chính liên quan đến tổn thất đầu tư khi thực hiện hoạt động đầu tư trong trường hợp phát sinh tổn thất mặc dù đã thực hiện đầy đủ các quy</i></p>	<p>Đánh giá những chính sách này chưa thể hiện rõ tính rõ tính đặc thù đột phá để đưa vào Nghị quyết và chưa đủ theo yêu cầu đánh giá tác động đối với chính sách mới theo quy định của Luật ban hành VBQPPL. Do vậy, chưa đủ cơ sở đề xuất chính sách liên quan tại dự thảo Nghị quyết.</p>

TT	NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
	<p>trình, quy định liên quan trong quá trình thực hiện đầu tư và công khai, minh bạch, trung thực trong quá trình ra quyết định đầu tư”.</p> <p>- Lý do:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bổ sung từ “thành lập” để bao quát hết hoạt động đầu tư. + Bổ sung từ “<i>có công nghệ phù hợp với lĩnh vực sản xuất, kinh doanh cốt lõi của doanh nghiệp</i>” do điểm d khoản 2 Điều 66 Luật KHCN&ĐMST không giới hạn chỉ cho phép đầu tư và các start up cùng lĩnh vực. + Bổ sung hoạt động “<i>hợp tác đầu tư, liên kết... công nghệ chiến lược</i>” để phù hợp với chính sách nêu tại gạch đầu dòng thứ 2 điểm a khoản 2.4 mục III Nghị quyết 79-NQ/TW: “<i>Khuyến khích doanh nghiệp nhà nước đầu tư, liên kết với các doanh nghiệp khác trong chuỗi giá trị thuộc lĩnh vực kinh doanh chính hoặc các doanh nghiệp công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyên đổi số nhằm hình thành các doanh nghiệp, nhóm liên kết doanh nghiệp tiên phong, dẫn dắt, làm chủ công nghệ lõi, công nghệ chiến lược, phát huy lợi thế, sử dụng có hiệu quả nhất các nguồn lực xã hội, tránh chông chéo, cạnh tranh không lành mạnh, bảo đảm lợi ích hài hòa, tạo động lực thúc đẩy đổi mới sáng tạo</i>”. + Bổ sung quy định về cho phép tỷ lệ rủi ro: Điều 66 Luật KHCN&ĐMST và khoản 2 Điều 13 Nghị định 265/2025/NĐ-CP chỉ cho phép DN sử dụng quỹ phát triển KHCN để mua, sáp nhập, đầu tư vào DN khởi nghiệp sáng tạo, chưa cho phép đầu tư vào các Quỹ đầu tư mạo hiểm. Điều 9.1.b Nghị định 264/2025/NĐ-CP quy định về Quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia và quỹ đầu tư mạo hiểm của địa phương: cho phép tổ chức góp vốn vào các quỹ này. Điều 26 Luật 68 quy định về trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn của DN, do vậy, đề xuất bổ sung thêm các nội dung về quỹ đầu tư mạo hiểm, hình thức góp vốn, và ngưỡng rủi ro. Đề xuất ngưỡng rủi ro là 50% tổng vốn đầu tư trên cơ sở áp dụng tương tự mức ngưỡng rủi ro là 50% vốn điều lệ của quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia và địa phương quy định tại Điều 10.4.a Nghị định 264/2025/NĐ-CP. + Bổ sung thêm quy định miễn trừ trách nhiệm do: theo khoản 6 Điều 66 Luật KHCN&ĐMST đã có quy định miễn trừ trách nhiệm tuy nhiên do đề xuất dự thảo mở rộng thêm hoạt động đầu tư mạo hiểm nên cần mở rộng phạm vi miễn trừ trách nhiệm tương ứng với phần mở rộng phạm vi hoạt động đầu tư mạo hiểm. <p>Tác động đối với nhà nước: phát huy, đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho các Quỹ đầu tư mạo hiểm, các dự án, DN khởi nghiệp sáng tạo.</p>	

TT	NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
	<p>Tác động đối với DNNN: việc quy định ngưỡng rủi ro giúp DN có cơ sở để triển khai đầu tư, không bị đánh giá về việc bảo toàn vốn nếu có thua lỗ từ không quá 50% vốn đầu tư. => Đề xuất Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.</p>	
	<p>12. Về nguyên tắc đổi mới quản trị doanh nghiệp</p> <p>- Dự thảo: Điều 11 về ưu đãi đối với doanh nghiệp nhà nước mạnh, có quy mô lớn đóng vai trò dẫn dắt trong các ngành, lĩnh vực then chốt, chiến lược chưa có quy định về cơ chế thưởng theo tỷ lệ phần vượt kế hoạch.</p> <p>- Đề xuất: Bổ sung vào Khoản 1 Điều 11 như sau: “Doanh nghiệp nhà nước hoạt động có hiệu quả được trích thêm 10% phần lợi nhuận vượt kế hoạch để bổ sung Quỹ khen thưởng ngoài mức trích theo quy định hiện hành. Doanh nghiệp Nhà nước được chủ động xây dựng và ban hành quy chế sử dụng Quỹ khen thưởng vượt kế hoạch này để khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất, kinh doanh doanh nghiệp.”</p> <p>- Lý do:</p> <p>+ Nghị quyết số 79 yêu cầu xây dựng cơ chế thưởng theo tỷ lệ phần vượt kế hoạch, gắn với nâng cao chất lượng lập và giao kế hoạch.</p> <p>+ Theo định hướng phát triển kinh tế – xã hội giai đoạn 2026–2030, mục tiêu tăng trưởng GDP từ 10%/năm trở lên → DNNN phải đóng vai trò dẫn dắt, tăng trưởng tương ứng với mức tăng trưởng thấp nhất là 10%.</p> <p>Đề xuất này giúp doanh nghiệp có nguồn khen thưởng để kịp thời ghi nhận và biểu dương thành tích đột xuất, tạo động lực cho cá nhân/tập thể phát huy tối đa năng lực, nâng cao hiệu suất và thúc đẩy doanh nghiệp hoàn thành xuất sắc các mục tiêu kinh doanh.</p> <p>→ Vì vậy, cần cơ chế hỗ trợ đủ mạnh để khuyến khích DNNN vượt kế hoạch.</p> <p>Tác động đối với Nhà nước: giảm số lợi nhuận còn lại nộp về NSNN trong ngắn hạn nhưng tạo động lực cho doanh nghiệp để tăng năng suất lao động, đời sống người lao động được ổn định, kích thích tiêu dùng nội địa góp phần tăng trưởng kinh tế về dài hạn. Nếu phần lợi nhuận vượt nhiều và bền vững dẫn đến phần nộp về NSNN dài hạn sẽ cao hơn, nuôi dưỡng nguồn thu NSNN; đời sống xã hội ổn định; thu hút được người có trình độ vào làm việc cho nhà nước.</p> <p>Tác động đối với DNNN: Đề xuất này giúp doanh nghiệp có nguồn khen thưởng để kịp thời ghi nhận và biểu dương thành tích đột xuất, tạo động lực cho cá nhân/tập thể phát huy tối đa năng lực, nâng cao hiệu suất và thúc đẩy doanh nghiệp hoàn thành xuất sắc các mục tiêu kinh doanh.</p>	<p>Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo Nghị quyết.</p>

TT	NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
	<p>→ Vì vậy, cần cơ chế hỗ trợ đủ mạnh để khuyến khích DNNN vượt kế hoạch. => Đề xuất Quốc hội sửa đổi, bổ sung Điều 29 Luật số 68/2025/QH15 về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Điều 30 Nghị định số 365/2025/NĐ-CP; Điều 29 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP.</p>	
	<p>13. Về đánh giá hiệu quả doanh nghiệp</p> <p>- Dự thảo: Khoản 1 Điều 11 chưa có quy định cơ chế cảnh báo rủi ro cho doanh nghiệp theo nguyên tắc đánh giá hiệu quả tổng thể trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ được giao, phản ánh đầy đủ lợi thế, các nguồn lực Nhà nước giao thông qua các chỉ số hiệu quả tài chính, phi tài chính được lượng hóa.</p> <p>- Đề xuất: Bổ sung vào khoản 1 Điều 11 như sau: <i>“Thực hiện đánh giá, giám sát hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước theo nguyên tắc đánh giá tổng thể đối với toàn bộ doanh nghiệp, không xét từng dự án riêng lẻ. Việc đánh giá, giám sát được loại trừ các yếu tố đặc thù, gồm: việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, quốc phòng, an ninh; việc thực nghiệm mô hình công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới, phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược và tác động của các yếu tố khách quan.”</i></p> <p>- Lý do: Theo quy định tại Điều 26 Luật số 68, việc bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp được đánh giá trên cơ sở hiệu quả tổng thể của doanh nghiệp. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 16.3 (e) Nghị định số 365/2025/NĐ-CP, thì “e) Trên cơ sở báo cáo giám sát định kỳ của doanh nghiệp, báo cáo tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, cơ quan đại diện chủ sở hữu đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp, các khoản đầu tư, dự án đầu tư trong và ngoài nước của doanh nghiệp. Trường hợp phát hiện dấu hiệu rủi ro, cảnh báo kịp thời cho người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước, Kiểm soát viên; chủ động thực hiện hoặc phối hợp với cơ quan liên quan thực hiện giải pháp cần thiết để thực hiện giám sát trực tiếp, kiểm tra, thanh tra tại công ty mẹ và các doanh nghiệp có liên quan; báo cáo những nội dung vượt thẩm quyền theo quy định.” Như vậy, theo quy định tại Nghị định số 365/2025/NĐ-CP, căn cứ vào báo cáo giám sát định kỳ, cơ quan đại diện chủ sở hữu sẽ cảnh báo đối với người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện vốn, kiểm soát viên trong trường hợp phát hiện dấu hiệu rủi ro của từng dự án riêng lẻ, mà không xét trên kết quả tổng thể toàn bộ hoạt động đầu tư của doanh nghiệp.</p>	<p>Đánh giá những chính sách này chưa thể hiện rõ tính rõ tính đặc thù đột phá để đưa vào Nghị quyết và chưa đủ theo yêu cầu đánh giá tác động đối với chính sách mới theo quy định của Luật ban hành VBQPPL. Do vậy, chưa đủ cơ sở đề xuất chính sách liên quan tại dự thảo Nghị quyết.</p>

TT	NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
	<p>Thực tế, để hoạt động kinh doanh có lãi, doanh nghiệp thực hiện nhiều dự án đầu tư; hoạt động đầu tư khó bảo đảm tất cả mọi dự án đều có lãi. Nếu chỉ xét riêng lẻ từng dự án làm căn cứ cảnh báo cho toàn bộ hoạt động đầu tư của doanh nghiệp là chưa phù hợp với Luật số 68 và thực tiễn. Do đó, việc cảnh báo chỉ phát sinh khi doanh nghiệp không bảo toàn được vốn trên cơ sở hiệu quả tổng thể của doanh nghiệp, thay vì đánh giá từng dự án riêng lẻ.</p> <p>Ngoài ra, các DNNN quy mô lớn thường được giao nhiều nhiệm vụ khác nên việc đánh giá phải mang tính tổng thể kết quả sản xuất kinh doanh, xem xét thực hiện nhiệm vụ do Đảng và Nhà nước giao, triển khai ứng dụng công nghệ mới và dựa trên nguyên tắc bảo toàn vốn đầu tư của Nhà nước.</p> <p>Tác động đối với doanh nghiệp: Tạo điều kiện cho doanh nghiệp chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tự chủ trong việc lập kế hoạch đầu tư, sản xuất kinh doanh.</p> <p>Tác động đối với Nhà nước: không có ảnh hưởng tiêu cực do cơ quan đại diện chủ sở hữu vẫn đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp; giảm bớt thời gian cho cơ quan đại diện chủ sở hữu phải theo dõi, giám sát các hoạt động cụ thể doanh nghiệp.</p> <p>=> Đề xuất Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 16 Nghị định số 365/2025/NĐ-CP</p>	
	<p>14. Về hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài</p> <p>- Dự thảo: Chưa có quy định.</p> <p>- Đề xuất: Bổ sung một khoản vào sau Khoản 3 Điều 11 về cơ chế ưu đãi đối với công ty con của doanh nghiệp nhà nước:</p> <p><i>“Trong trường hợp bổ sung mục tiêu hoạt động đầu tư ra nước ngoài mà không thay đổi mục tiêu đã đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, công ty con của doanh nghiệp nhà nước dẫn dắt không phải thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài và có trách nhiệm cập nhật thông tin trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.”</i></p> <p>- Lý do: Theo tinh thần của Nghị quyết 79, Nhà nước khuyến khích các tập đoàn, tổng công ty đầu tư ra nước ngoài trong các lĩnh vực doanh nghiệp có lợi thế so sánh, nhu cầu thị trường lớn, có khả năng tiếp cận công nghệ mới, góp phần mở rộng thị trường xuất khẩu truyền thống và phát triển thị trường mới để hình thành các tập đoàn đa quốc gia.</p> <p>Luật Đầu tư năm 2025 giao Chính phủ quy định chi tiết về điều kiện, hồ sơ, trình tự thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài. Tại dự thảo Nghị định hướng dẫn của Chính phủ (Điều 24) đang quy định nhà đầu tư thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài trong các trường hợp thay đổi mục tiêu của hoạt</p>	<p>Đánh giá những chính sách này chưa thể hiện rõ tính rõ ràng đặc thù đột phá để đưa vào Nghị quyết và chưa đủ theo yêu cầu đánh giá tác động đối với chính sách mới theo quy định của Luật ban hành VBQPPL. Do vậy, chưa đủ cơ sở đề xuất chính sách liên quan tại dự thảo Nghị quyết.</p>

TT	NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
	<p>động đầu tư ở nước ngoài. Điều này phát sinh thêm thủ tục hành chính cho doanh nghiệp khi có thay đổi mục tiêu của dự án đầu tư ở nước ngoài để kịp đáp ứng xu thế kinh doanh của thị trường luôn thay đổi thường xuyên và thường rất nhanh chóng.</p> <p>Tác động đến nhà nước: Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính, khuyến khích doanh nghiệp nhà nước đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh ở nước ngoài.</p> <p>Tác động đến DNNN: Tạo tính tự chủ, linh hoạt doanh nghiệp. Thực tế cho thấy, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đa dạng, cần thích ứng với môi trường kinh doanh để cạnh tranh và phát triển, trong đó có việc thay đổi mục tiêu hoạt động đầu tư.</p> <p>=> Đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 23 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP về đầu tư ra nước ngoài.</p>	
	<p>- Đề xuất: Bổ sung một khoản vào sau Khoản 3 Điều 11 về cơ chế ưu đãi đối với doanh nghiệp nhà nước và công ty con như sau: “<i>Cho phép doanh nghiệp nhà nước và công ty con thực hiện bảo lãnh cho người không cư trú không phải xin phép Thủ tướng Chính phủ/cấp có thẩm quyền theo quy định của Pháp lệnh ngoại hối</i>”.</p> <p>- Lý do: Khoản 2 Điều 19 Pháp lệnh Ngoại hối năm 2005 quy định tổ chức kinh tế chỉ được bảo lãnh cho người không cư trú khi được Thủ tướng Chính phủ cho phép. Quy định này được ban hành trong bối cảnh quản lý ngoại hối chặt chẽ, khi bảo lãnh thường gắn với nghĩa vụ thanh toán và dòng tiền ra nước ngoài. Tuy nhiên, trong thực tiễn đầu tư ra nước ngoài hiện nay, việc nhà đầu tư Việt Nam bảo lãnh vay vốn cho doanh nghiệp dự án tại nước ngoài là một công cụ tài chính phổ biến nhằm hỗ trợ doanh nghiệp dự án tiếp cận nguồn vốn tại chỗ. Nhiều trường hợp bảo lãnh chỉ tồn tại dưới dạng cam kết dự phòng, chưa phát sinh nghĩa vụ thanh toán và chưa làm phát sinh giao dịch chuyển tiền ra khỏi Việt Nam.</p> <p>Theo Luật Đầu tư năm 2025 (khoản 13 Điều 3), hoạt động đầu tư ra nước ngoài chỉ được xác định khi có việc chuyển vốn thực tế ra nước ngoài, nghĩa là cần phát sinh giao dịch, luồng tiền ra; trong khi bảo lãnh mới là nghĩa vụ trên thỏa thuận mà chưa thực tế phát sinh thì không bị coi là khoản đầu tư ra nước ngoài. Do đó, việc vẫn yêu cầu nhà đầu tư xin phép ngay từ giai đoạn cấp bảo lãnh, khi chưa phát sinh rủi ro ngoại hối dẫn đến làm tăng chi phí tuân thủ và kéo dài thời gian triển khai dự án.</p> <p>Tác động đến nhà nước: Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính, khuyến khích doanh nghiệp nhà nước đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh ở nước ngoài, đáp ứng tinh thần</p>	<p>Đánh giá những chính sách này chưa thể hiện rõ tính rõ tính đặc thù đột phá để đưa vào Nghị quyết và chưa đủ theo yêu cầu đánh giá tác động đối với chính sách mới theo quy định của Luật ban hành VBQPPL. Do vậy, chưa đủ cơ sở đề xuất chính sách liên quan tại dự thảo Nghị quyết.</p>

TT	NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
	<p>Nghị quyết 79 khuyến khích DNNN có tiềm lực đầu tư ra nước ngoài, hình thành các tập đoàn đa quốc gia.</p> <p>Tác động đến DNNN: hỗ trợ doanh nghiệp giảm thủ tục, chi phí tuân thủ khi thực hiện hoạt động bảo lãnh cho công ty con ở nước ngoài, giúp doanh nghiệp ở nước ngoài nhanh chóng tiếp cận nguồn vốn vay tại nước sở tại, hạn chế bỏ lỡ cơ hội kinh doanh tại thị trường nước ngoài.</p> <p>=> Đề xuất sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 19 Pháp lệnh Ngoại hối năm 2005</p>	
	<p>15. Về chính sách ưu đãi khuyến khích doanh nghiệp nhà nước tham gia vào các dự án đầu tư, hợp đồng chuyển giao công nghệ và thương vụ mua bán, sáp nhập gắn với hoạt động chuyên giao công nghệ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự thảo: Chưa có quy định. - Đề xuất: Bổ sung vào khoản 2 Điều 12 chính sách như sau: <p><i>“Đối với dự án đầu tư tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ nước ngoài để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, phát triển, sản xuất các sản phẩm công nghệ cao, công nghệ chiến lược do Đảng và Nhà nước giao, cho phép đàm phán, ký kết hợp đồng với đối tác nước ngoài trước khi có quyết định phê duyệt dự án đầu tư để có cơ sở lập thẩm định phê duyệt dự án đầu tư.”</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lý do: + Bối cảnh pháp lý: <ul style="list-style-type: none"> • Luật Chuyển giao công nghệ 2017: Chưa quy định việc ký hợp đồng với đối tác nước ngoài trước khi có quyết định phê duyệt dự án đầu tư. • Luật Đấu thầu 2023: Hợp đồng chỉ được ký sau khi dự án được phê duyệt đầu tư (Điều 42.3). • Luật Xây dựng, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công: Báo cáo nghiên cứu khả thi phải có đầy đủ căn cứ về kỹ thuật, công nghệ, tài chính, xã hội, môi trường. + Vấn đề thực tiễn: <ul style="list-style-type: none"> • Khó tiếp cận công nghệ: Các công nghệ lõi, dây chuyền công nghệ cao thường bị kiểm soát nghiêm ngặt. Nếu không được đàm phán, ký hợp đồng trước, phía Việt Nam không thể tiếp cận thông tin để nghiên cứu, lựa chọn giải pháp khả thi. • Yêu cầu chứng minh tính khả thi: Báo cáo nghiên cứu (tiền khả thi/khả thi) cần căn cứ kỹ thuật – công nghệ. Thiếu cơ chế ký trước khiến chủ đầu tư không có dữ liệu, không bảo vệ được khi trình phê duyệt dự án, dẫn tới ách tắc thủ tục đầu tư. 	<p>Đánh giá những chính sách này chưa thể hiện rõ tính rõ ràng đặc thù đột phá để đưa vào Nghị quyết và chưa đủ theo yêu cầu đánh giá tác động đối với chính sách mới theo quy định của Luật ban hành VBQPPL. Do vậy, chưa đủ cơ sở đề xuất chính sách liên quan tại dự thảo Nghị quyết.</p>

TT	NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
	<ul style="list-style-type: none"> Nhiệm vụ chính trị - chiến lược: Các dự án này thường do Đảng, Nhà nước giao, yêu cầu triển khai khẩn cấp vì lợi ích quốc gia, cần đi trước, đón đầu công nghệ. Quy trình hiện tại dễ làm mất cơ hội tiếp cận tri thức và công nghệ quốc tế, không đảm bảo điều kiện để thực hiện các nhiệm vụ được giao. <p>Tác động đến nhà nước: Tăng khả năng tiếp cận công nghệ chiến lược, nhất là lĩnh vực công nghệ cao (AI, bán dẫn, hàng không vũ trụ, công nghệ quốc phòng...); đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án do Đảng và Nhà nước giao; tăng khả năng cạnh tranh quốc tế trong mua công nghệ nước ngoài.</p> <p>Tác động đến DNNN: Tăng tính chủ động cho doanh nghiệp nhà nước trong tiếp cận công nghệ đối với những dự án quan trọng được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ chính trị. => Đề xuất Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật Chuyển giao công nghệ.</p>	
	<p>- Đề xuất: Bổ sung khoản 2 Điều 12 các chính sách như sau:</p> <p><i>“+ Có cơ chế ưu tiên lựa chọn doanh nghiệp nhà nước dẫn dắt trong lĩnh vực liên quan làm nhà đầu tư tham gia dự án PPP.</i></p> <p><i>+ Cho phép chỉ định nhà đầu tư là doanh nghiệp nhà nước dẫn dắt đối với dự án do nhà đầu tư đề xuất.</i></p> <p><i>+ Doanh nghiệp nhà nước quy mô lớn đóng vai trò dẫn dắt trong các ngành, lĩnh vực then chốt được ưu tiên trong lựa chọn nhà thầu, trong trường hợp chỉ định thầu để thực hiện các gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, gói thầu cung cấp hàng hoá, gói thầu xây lắp, EPC, EC, EP, chìa khoá trao tay đối với các dự án trọng điểm quốc gia, đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị, công nghiệp nền tảng, công nghiệp mũi nhọn, hạ tầng năng lượng, hạ tầng số, giao thông xanh, quốc phòng, an ninh và những nhiệm vụ khẩn cấp, cấp bách.</i></p> <p><i>+ Có cơ chế ưu tiên doanh nghiệp nhà nước có năng lực, kinh nghiệm trong lĩnh vực liên quan được lựa chọn làm nhà thầu tham gia từ hạng mục tư vấn, thiết kế, đến thi công để đảm bảo tính đồng bộ, hoặc nhà thầu hỗn hợp EPC, EC, EP, chìa khoá trao tay, ưu tiên lựa chọn làm nhà đầu tư tham gia dự án PPP”.</i></p> <p>- Lý do:</p> <p>+ Phù hợp với tinh thần của điểm mục 2.4 đối với doanh nghiệp nhà nước tại Nghị quyết 79-NQ/TW: “Doanh nghiệp nhà nước sử dụng các nguồn lực để chủ động dẫn dắt, kích hoạt và huy động mạnh mẽ các nguồn lực xã hội tham gia đầu tư, tạo sức lan toả và hiệu ứng cộng hưởng trong phát triển kinh tế.”</p>	<p>Đánh giá những chính sách này chưa thể hiện rõ tính rõ tính đặc thù đột phá để đưa vào Nghị quyết và chưa đủ theo yêu cầu đánh giá tác động đối với chính sách mới theo quy định của Luật ban hành VBQPPL. Do vậy, chưa đủ cơ sở đề xuất chính sách liên quan tại dự thảo Nghị quyết.</p>

TT	NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
	<p>+ Các dự án trọng điểm quốc gia, đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị, công nghiệp nền tảng, công nghiệp mũi nhọn, hạ tầng năng lượng, hạ tầng số, giao thông xanh, quốc phòng, an ninh là các dự án có mức độ rủi ro cao, yêu cầu bảo mật công nghệ, tính đồng bộ cao.</p> <p>Việc ưu tiên doanh nghiệp nhà nước có năng lực tham gia xuyên suốt từ tư vấn, thiết kế đến thi công hoặc làm nhà đầu tư PPP giúp bảo đảm tính đồng bộ kỹ thuật, rõ trách nhiệm, hạn chế phát sinh chi phí, chậm tiến độ; đồng thời, việc cho phép áp dụng cơ chế ưu tiên, chỉ định thầu là cần thiết để doanh nghiệp nhà nước tham gia, tiếp nhận và làm chủ công nghệ, đồng hành cùng Nhà nước trong các dự án công – tư.</p> <p>+ Thực tiễn triển khai các dự án đầu tư quy mô lớn, dự án EPC, EC, EP, chìa khóa trao tay, cũng như các dự án gắn với chuyển giao công nghệ, cho thấy khâu tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế kỹ thuật, thiết kế FEED có tính quyết định đến việc lựa chọn công nghệ, phương án kỹ thuật và hiệu quả dài hạn của dự án.</p> <p>Tác động đến Nhà nước: giúp Nhà nước tăng khả năng triển khai nhanh các dự án chiến lược, tạo động lực mạnh cho việc triển khai các dự án hạ tầng và công nghệ chiến lược của quốc gia, đồng thời thúc đẩy hình thành các tập đoàn nhà nước có năng lực cạnh tranh quốc tế, các doanh nghiệp dẫn dắt quốc gia.</p> <p>Tác động đến DNNN: Tạo điều kiện thuận lợi cho các DNNN trong việc tham gia, đầu tư, triển khai dự án PPP, tạo lợi thế cho DNNN trong việc đồng hành cùng nhà nước trong các dự án công-tư.</p> <p>=> Đề xuất Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật PPP, Luật Đấu thầu, Luật Xây dựng</p>	

2. Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) (Công văn số 458/ĐTKDV-KHTH ngày 02/4/2026)

TT	NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
	<p>Dự thảo Nghị quyết về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế nhà nước (cập nhật ngày 25.03.2026)</p>	
1	<p>Khoản 2 Điều 10 đề xuất sửa thành:</p> <p>“2. Trường hợp địa phương <i>hiện</i> có doanh nghiệp có chức năng đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại doanh nghiệp quyết định việc</p>	<p>Dự thảo Nghị quyết gửi Bộ Tư pháp thẩm định không quy định đối với thành tố “<i>vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm</i></p>

TT	NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
	<p>thực hiện chuyển giao vốn cho SCIC hoặc doanh nghiệp có chức năng đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước tại địa phương đó”.</p> <p>Lý do: Làm rõ từ ngữ.</p>	giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống”.
2	<p>Khoản 3 Điều 10 đề xuất sửa thành:</p> <p>“3. Đối với doanh nghiệp không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này thì thực hiện chuyển giao cho doanh nghiệp có chức năng đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước tại Trung ương để đề xuất tiếp tục đầu tư hoặc lựa chọn thời điểm phù hợp thoái toàn bộ vốn Nhà nước theo quy định”.</p> <p>Lý do: Điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện hoạt động thực tế của các doanh nghiệp có chức năng đầu tư kinh doanh vốn nhà nước</p>	Dự thảo Nghị quyết gửi Bộ Tư pháp thẩm định không quy định đối với thành tố “ <i>vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống</i> ”.
3	<p>Khoản 1 Điều 11 đề xuất sửa thành:</p> <p>“1. Doanh nghiệp Nhà nước mạnh, có quy mô lớn đóng vai trò dẫn dắt trong các ngành, lĩnh vực then chốt, chiến lược được áp dụng các cơ chế sau:</p> <p>a) Được sử dụng toàn bộ nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, thoái vốn của doanh nghiệp nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn để tăng vốn điều lệ.</p> <p>b) Sau khi đã loại trừ nguồn thu nêu tại khoản a Điều này, Doanh nghiệp Nhà nước mạnh được trích tối đa 100% lợi nhuận sau thuế để lại doanh nghiệp.</p> <p>c) Được trích tối đa 30% trên phần lợi nhuận vượt kế hoạch từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hàng năm của doanh nghiệp để hình thành quỹ cổ phiếu thưởng (đối với Công ty cổ phần) hoặc quỹ thưởng người lao động (đối với Công TNHH MTV)”.</p> <p>Lý do: Làm rõ ý theo Nghị quyết 79/NQ-TW của Bộ Chính trị. Về nội dung trích quỹ thưởng: Việc trích lợi nhuận để hình thành quỹ cổ phiếu thưởng chỉ thực hiện được đối với các Công ty cổ phần Còn đối với các Công ty TNHH MTV thì không có cổ phiếu nên có thể thưởng cho người lao động bằng tiền.</p>	Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã lược bỏ quy định này.
4	<p>Khoản 4 Điều 11 đề xuất sửa thành:</p> <p>“4. Chính phủ ban hành Danh mục doanh nghiệp nhà nước mạnh có quy mô lớn đóng vai trò dẫn dắt trong các ngành, lĩnh vực then chốt, chiến lược (trong đó bao gồm SCIC) và cơ chế đặc thù cho</p>	Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã lược bỏ quy định này.

TT	NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
	<p>doanh nghiệp Nhà nước thực hiện các dự án theo nhiệm vụ chính trị, dự án không vì mục tiêu lợi nhuận được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt”.</p> <p><i>Lý do:</i> Nghị quyết 79/NQ-TW của Bộ Chính trị đã xác định SCIC sẽ được tái cơ cấu thành Quỹ đầu tư quốc gia. Do đó đề xuất SCIC được áp dụng cơ chế chính sách đối với các doanh nghiệp mạnh trong thời gian xây dựng cơ chế cho Quỹ đầu tư quốc gia.</p>	
5	<p>Điểm e Khoản 1 Điều 12 đề nghị sửa thành</p> <p>“e) Góp vốn hình thành, tham gia góp vốn hoặc liên kết thành lập quỹ đầu tư mạo hiểm; đầu tư thông qua mua cổ phần, phần vốn góp hoặc cho vay ưu đãi đối với doanh nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, dự án khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có công nghệ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và chiến lược hoạt động của doanh nghiệp; loại trừ trách nhiệm đối với rủi ro mang tính khách quan trong trường hợp đã thực hiện đầy đủ quy trình ra quyết định, quản trị rủi ro, công khai, minh bạch và không có hành vi vi phạm pháp luật”.</p> <p><i>Lý do:</i> Điều chỉnh để phù hợp với đặc thù đầu tư tài chính của các doanh nghiệp có chức năng đầu tư tài chính</p>	Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã lược bỏ quy định này.
6	<p>Khoản 2 Điều 12, đề xuất bổ sung điểm e mới sau điểm đ hiện tại:</p> <p><i>“e) Được phép sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ để tài trợ cho các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bao gồm hoạt động thử nghiệm mô hình, giải pháp công nghệ mới, các chương trình ươm tạo, tăng tốc khởi nghiệp, cấp học bổng, hỗ trợ đào tạo nhân lực khoa học, công nghệ, kể cả các hoạt động thực hiện bên ngoài doanh nghiệp”.</i></p> <p><i>Lý do:</i> Hiện nay, quy định pháp luật chưa cho phép sử dụng Quỹ KHCN để tài trợ hoặc chi cho các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngoài phạm vi nội bộ doanh nghiệp.</p> <p>Trong khi đó, thực tiễn phát triển đổi mới sáng tạo cho thấy giai đoạn thử nghiệm, ươm tạo và phát triển nguồn nhân lực thường cần cơ chế tài trợ, hỗ trợ ban đầu; nhiều hoạt động có hiệu quả lan tỏa cao nhưng không thể triển khai dưới hình thức đầu tư hoặc hợp đồng dịch vụ thông thường.</p> <p>Tại nhiều quốc gia, Nhà nước và các quỹ công cho phép tài trợ cho nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ và khởi nghiệp, hỗ trợ các chương trình ươm tạo, đào tạo và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, qua đó tạo nguồn dự án và doanh nghiệp tiềm năng cho giai đoạn đầu tư sau này.</p>	Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã lược bỏ quy định này.

TT	NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
7	<p>Khoản 5 Điều 12 đề nghị sửa thành:</p> <p>“5. Chính phủ ban hành cơ chế đặc thù phát triển Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước với các quy định về đầu tư, thoái vốn linh hoạt theo cơ chế thị trường và tăng tích tụ tập trung vốn thông qua tiếp nhận (kể cả các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước), cơ chế để lại toàn bộ lợi nhuận sau thuế, cơ chế tiền lương, tiền thưởng và cơ chế giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động nhằm sớm tiến tới hình thành Quỹ đầu tư quốc gia”.</p> <p><i>Lý do:</i> Cụ thể hoá chính sách đặc thù cần ban hành</p>	<p>Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, để đảm bảo đánh giá kỹ lưỡng, toàn diện các vấn đề liên quan tới Quỹ Đầu tư quốc gia, Bộ Tài chính không đưa nội dung này vào dự thảo Nghị quyết của Quốc hội.</p>
8	<p>Đề nghị bổ sung Điều 13 sau Điều 12 tại dự thảo Nghị quyết:</p> <p>“Điều 13: Doanh nghiệp nhà nước nắm giữ trên 50% vốn mà nhà nước không cần nắm giữ</p> <p>Đối với doanh nghiệp hiện đang nắm giữ trên 50% vốn thuộc ngành, lĩnh vực mà Nhà nước không cần nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối thì chuyển giao ngay cho doanh nghiệp có chức năng đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước trung ương để rà soát, đánh giá toàn diện thực trạng và phân loại để có giải pháp cơ cấu lại vốn phù hợp. Việc cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp phải dựa trên các tiêu chí công khai, minh bạch, hiệu quả, tuân thủ quy định pháp luật; các thương hiệu quốc gia có uy tín phải tiếp tục được đầu tư để hoạt động hiệu quả hơn”.</p> <p><i>Lý do:</i> Bổ sung đề đủ ý theo Nghị quyết 79/NQ-TW của Bộ Chính trị.</p>	<p>Chưa có đánh giá về chính sách này nên chưa bảo đảm theo yêu cầu đánh giá tác động đối với chính sách mới theo quy định của Luật ban hành VBQPPL. Do vậy, chưa đủ cơ sở đề xuất chính sách liên quan tại dự thảo Nghị quyết.</p>

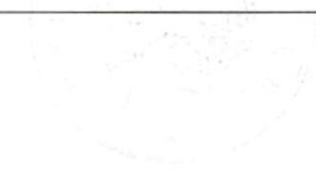


Phụ lục

TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP

(Kèm theo Công văn số *4781*/BTC-CLCS ngày *16*/4/2026 của Bộ Tài chính)

Nội dung	Tiếp thu/Giải trình
<p>I. VỀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT; PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ QUYẾT</p> <p>1. Về sự cần thiết ban hành Nghị quyết</p> <p>Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước yêu cầu: “Đảng ủy Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, bổ sung Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh, ưu tiên các dự án luật trực tiếp phục vụ triển khai thực hiện Nghị quyết... nhằm nâng cao hiệu quả của kinh tế nhà nước”; “Đảng ủy Chính phủ: ... phối hợp với Đảng ủy Quốc hội kịp thời thể chế hoá đầy đủ các chủ trương, chính sách nêu tại Nghị quyết này và bố trí đủ nguồn lực để triển khai thực hiện...”. Tại Công văn số 405/VPCP-KTTH ngày 13/01/2026 của Văn phòng Chính phủ về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW, Thủ tướng Chính phủ giao: “Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan... dự thảo Nghị quyết của Quốc hội và các văn bản liên quan để có cơ chế, chính sách thực hiện Nghị quyết”.</p> <p>Tại Thông báo số 73/TB-VPCP ngày 09/02/2026 thông báo Kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Phiên họp lần thứ nhất Ban Chỉ đạo quốc gia về triển khai thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW giao Bộ Tài chính: “<i>ngiên cứu, tiếp thu ý kiến xác đáng của các đại biểu tại Phiên họp và bằng văn bản để khẩn trương hoàn thiện dự thảo Nghị quyết của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 79 và dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển</i></p>	

Nội dung	Tiếp thu/Giải trình
<p><i>kinh tế nhà nước</i>". Tại Công văn số 1870/VPCP-KTTH về việc hoàn thiện dự thảo Nghị quyết của Quốc hội triển khai thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW, Lãnh đạo Chính phủ giao: "<i>Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương và các Tập đoàn, Tổng Công ty nhà nước khẩn trương hoàn thiện dự thảo Nghị quyết về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế nhà nước theo đúng chỉ đạo tại Thông báo số 73/TB-VPCP ngày 09 tháng 02 năm 2026</i>".</p> <p>Tại Công văn số 2546/VPCP-KTTH về việc hoàn thiện dự thảo Nghị quyết của Quốc hội triển khai thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW, Lãnh đạo Chính phủ có ý kiến:</p> <p><i>"1. Đồng ý xây dựng dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế nhà nước (dự thảo Nghị quyết) theo đề nghị của Bộ Tài chính tại Tờ trình số 164/TTr-BTC.</i></p> <p><i>2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp khẩn trương rà soát kỹ các quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật về việc xây dựng dự thảo Nghị quyết theo trình tự, thủ tục rút gọn... Việc xây dựng dự thảo Nghị quyết thực hiện theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật".</i></p>	
<p>Như vậy, việc Bộ Tài chính xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế nhà nước là cần thiết nhằm kịp thời thể chế hóa chủ trương, đường lối nêu tại Nghị quyết số 79-NQ/TW, đúng nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, để thuyết minh rõ hơn về sự cần thiết ban hành Nghị quyết, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ thêm một số vấn đề sau đây:</p> <p><i>Thứ nhất, về cơ sở pháp lý, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung</i></p>	<p>Bộ Tài chính đã tiếp thu và làm rõ cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn của việc ban hành Nghị quyết. Cụ thể là: Dự thảo Nghị quyết quy định các chính sách khác phạm vi điều chỉnh của khuôn khổ pháp luật hiện hành và thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội. Cụ thể, tại Luật Doanh nghiệp 2020 và Luật số 68/2025/QH15 chưa có các quy định về tỷ lệ được trích lại trên phần lợi nhuận vượt</p>

Nội dung	Tiếp thu/Giải trình
<p>quy định về thẩm quyền của Quốc hội ban hành Nghị quyết đề quy định việc “Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội khác với quy định của luật hiện hành” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Về cơ sở thực tiễn, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ hơn yêu cầu thực tiễn (những vướng mắc, bất cập) cần ban hành Nghị quyết để xử lý, trong đó làm nổi bật những cơ chế, chính sách mới theo Nghị quyết số 79-NQ/TW cần thể chế hóa thành pháp luật mà chưa có luật điều chỉnh, hoặc cần điều chỉnh khác luật hiện hành và cần thể chế hóa cấp bách để đáp ứng yêu cầu của Nghị quyết mà chưa thể sửa đổi, bổ sung ngay các luật hiện hành.</p>	<p>kế hoạch từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hàng năm của doanh nghiệp nhà nước (DNNN) để hình thành quỹ thưởng.</p> <p>Trường hợp không đưa nội dung này vào dự thảo Nghị quyết của Quốc hội thì Bộ Tài chính sẽ chủ trì tham mưu Chính phủ khi rà soát Luật số 68/2025/QH15 và các nhiệm vụ khác được giao Nghị quyết số 29-NQ/CP để báo cáo cấp có thẩm quyền.</p>
<p><i>Thứ hai</i>, như phân tích ở Mục III Báo cáo thẩm định này, dự thảo Nghị quyết quy định nhiều nội dung đã được quy định tại các luật hiện hành, không phải “đặc thù” theo tinh thần của Nghị quyết số 79-NQ/TW, nhiều nội dung không thuộc thẩm quyền của Quốc hội. Do đó, chưa rõ sự cần thiết về nội dung những quy định này.</p>	<p>Bộ Tài chính đã tiếp thu ý kiến thẩm định; đồng thời, chủ động rà soát để bảo đảm nội dung quy định có tính đặc thù và phù hợp với thẩm quyền quyết định của Quốc hội.</p>
<p><i>Thứ ba</i>, hiện nay đang diễn ra kỳ họp thứ I Quốc hội Khóa XVI nhưng tại dự thảo Tờ trình, cơ quan chủ trì soạn thảo chưa làm rõ sự cần thiết phải xây dựng, trình Quốc hội xem xét, ban hành Nghị quyết ngay tại thời điểm Quốc hội đang diễn ra để giải quyết ngay vấn đề cấp bách, vướng mắc, bất cập phát sinh từ thực tiễn, bảo đảm đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung thuyết minh về sự cần thiết ban hành Nghị quyết trong đó thể hiện tính cấp bách để làm cơ sở lựa chọn áp dụng trình tự, thủ tục ban hành cho phù hợp theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p>	<p>Thực hiện ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính báo cáo và làm rõ như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trong bối cảnh nền kinh tế phân đầu đạt tốc độ tăng trưởng hai con số và phát triển bền vững, đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô và an sinh xã hội, yêu cầu phát huy vai trò của DNNN càng trở nên cấp bách. Nếu không có cơ chế đặc thù đủ mạnh thì khu vực DNNN khó có thể tạo ra động lực tăng trưởng mới và có thể hạn chế việc phát huy vai trò dẫn dắt, mức độ lan tỏa của khu vực DNNN đối với sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân. 2. Như vậy, rất cần thiết phải hoàn thiện hệ thống pháp luật cũng như ban hành một số cơ chế, chính sách đặc biệt liên quan tới

Nội dung	Tiếp thu/Giải trình
	KTNN (cụ thể là thành tố dự trữ quốc gia và DNNN) nhằm giải phóng nguồn lực, phân bổ, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của kinh tế nhà nước; từ đó hiện thực hóa các mục tiêu về phát triển đất nước. Đây là những vấn đề cấp bách, phát sinh từ thực tiễn cần thiết phải trình Quốc hội xem xét, thông qua.
<p>2. Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng</p> <p>2.1. Về phạm vi điều chỉnh</p> <p>a) Khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết quy định: “<i>Nghị quyết này quy định một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế Nhà nước</i>”. Khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết quy định: “<i>Nghị quyết này áp dụng đối với các tổ chức, đơn vị và nguồn lực của kinh tế Nhà nước bao gồm: đất đai, tài nguyên thiên nhiên, tài sản kết cấu hạ tầng, ngân sách Nhà nước, dự trữ quốc gia, quỹ tài chính Nhà nước ngoài ngân sách, doanh nghiệp Nhà nước, tổ chức tín dụng Nhà nước, phần vốn do Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ trở xuống và đơn vị sự nghiệp công lập</i>”. Tuy nhiên, nội dung dự thảo Nghị quyết hiện chỉ quy định về cải thiện môi trường kinh doanh, tài sản kết cấu hạ tầng, ngân sách nhà nước, dự trữ quốc gia, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức tín dụng nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; không quy định nội dung về đất đai, tài nguyên thiên nhiên, quỹ tài chính Nhà nước ngoài ngân sách, phần vốn do Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ trở xuống như nêu tại khoản 2 Điều 1 là chưa bảo đảm thống nhất, chưa rõ ràng về phạm vi điều chỉnh và bị lẫn giữa phạm vi điều chỉnh với đối tượng áp dụng.</p> <p>Ngoài ra, dự thảo Tờ trình chưa làm rõ cơ sở, lý do đề xuất xác định phạm vi điều chỉnh các nội dung trên trong khi nội dung Nghị quyết số 79-NQ/TW có đề ra nhiều chủ trương, chính sách liên quan đến phát triển kinh tế nhà nước. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo rõ trong Tờ</p>	<p>Về nội dung này, Bộ Tài chính đã tiếp thu và xác định phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết như sau:</p> <p>a) <i>Đối với thành tố đất đai, tài nguyên:</i></p> <p><i>Đối với đất đai:</i> Kết luận số 18-KL/TW Hội nghị Trung ương 2 khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030 (Kết luận số 18-KL/TW) xác định: “<i>Tập trung rà soát, sửa đổi và hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến phát triển nền kinh tế số, đầu tư kinh doanh, đặc biệt trong lĩnh vực đất đai, quy hoạch, thương mại, khoáng sản, xây dựng... góp phần tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh</i>”. Do đó, việc bổ sung các chính sách đặc biệt đối với thành tố đất đai, tài nguyên sẽ được xem xét khi rà soát, sửa đổi, bổ sung pháp luật về đất đai theo Kết luận số 18-KL/TW. Vì vậy, Bộ Tài chính không đưa nội dung liên quan thành tố đất đai tại Dự thảo Nghị quyết.</p> <p><i>Đối với tài nguyên:</i> Ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Tập đoàn Viettel đề xuất các chính sách, gồm: (i) Chính sách đặc biệt liên quan tới thành lập trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá, cảng lưỡng dụng quân - dân sự tại các đảo, vị trí trọng yếu; và (ii) Ban hành cơ chế thử nghiệm có kiểm soát phục vụ phát triển kinh tế không gian vũ trụ và kinh tế tầm thấp. Tuy nhiên, những chính sách này chưa được đánh giá tác động đầy đủ theo yêu cầu đánh</p>

Nội dung	Tiếp thu/Giải trình
<p>trình về việc thể chế hóa Nghị quyết số 79-NQ/TW như thế nào (bảo đảm đúng và đầy đủ), các chủ trương, chính sách liên quan đến phát triển kinh tế nhà nước nào đưa vào sửa đổi, bổ sung các luật hiện hành, những chủ trương, chính sách nào đưa vào dự thảo Nghị quyết (thuộc thẩm quyền của Quốc hội) và lý do đề xuất.</p> <p>Bên cạnh đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xác định rõ mối quan hệ giữa Nghị quyết này (sau khi được Quốc hội ban hành) với các Luật có liên quan (ví dụ: Luật Đầu tư, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Luật Các tổ chức tín dụng...), làm rõ tính “đặc thù” của Nghị quyết so với các Luật nêu trên (và Luật, Nghị quyết khác có liên quan như thế nào?). Đồng thời, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát kỹ nội dung của dự thảo Nghị quyết để bảo đảm dự thảo Nghị quyết chỉ quy định các nội dung thuộc thẩm quyền của Quốc hội, đồng thời khái quát các cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt quy định tại dự thảo Nghị quyết để bổ sung, hoàn thiện theo hướng minh bạch hóa phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết, phù hợp với khoản 1 Điều 65 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (“<i>Phạm vi điều chỉnh của văn bản phải nêu các nội dung chính của văn bản</i>”).</p>	<p>giá tác động đối với chính sách mới theo quy định của Luật ban hành VBQPPL. Do vậy, chưa có cơ sở đề xuất chính sách liên quan tại dự thảo Nghị quyết.</p> <p>b) <i>Đối với các thành tố khác của KTNN (gồm: tài sản kết cấu hạ tầng, NSNN, quỹ tài chính Nhà nước ngoài ngân sách, tổ chức tín dụng Nhà nước, phần vốn do Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ trở xuống và đơn vị sự nghiệp công lập):</i> Việc triển khai xây dựng các chính sách mới dự kiến thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ. Theo đó, Bộ Tài chính không đưa nội dung liên quan các thành tố này tại Dự thảo Nghị quyết.</p> <p>c) <i>Nghị quyết này quy định một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển KTNN, dự kiến áp dụng đối với thành tố dự trữ quốc gia và DNNN.</i></p>
<p>2.2. Về đối tượng áp dụng</p> <p>Khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết quy định: “<i>Nghị quyết này áp dụng đối với các tổ chức, đơn vị và nguồn lực của kinh tế Nhà nước bao gồm: đất đai, tài nguyên thiên, tài sản kết cấu hạ tầng, ngân sách Nhà nước, dự trữ quốc gia, quỹ tài chính Nhà nước ngoài ngân sách, doanh nghiệp Nhà nước, tổ chức tín dụng Nhà nước, phần vốn do Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ trở xuống và đơn vị sự nghiệp công lập</i>”. Quy định đối tượng áp dụng như trên chưa bảo đảm rõ ràng, chính xác về đối tượng áp dụng của văn bản quy</p>	<p>Bộ Tài chính đã tiếp thu và hoàn thiện như sau:</p> <p>“1. <i>Nghị quyết này quy định một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế nhà nước, áp dụng đối với thành tố dự trữ quốc gia và doanh nghiệp nhà nước.</i></p> <p>2. <i>Nghị quyết này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan.</i>”</p>

Nội dung	Tiếp thu/Giải trình
<p>phạm pháp luật (chỉ bao gồm các cơ quan, tổ chức, cá nhân cụ thể); các đối tượng như đất đai, tài nguyên thiên nhiên, tài sản kết cấu hạ tầng, ngân sách nhà nước, dự trữ quốc gia; phần vốn do nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ trở xuống... không phải pháp nhân, thể nhân, không phải chủ thể pháp lý nên không thuộc đối tượng áp dụng của Nghị quyết. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, điều chỉnh lại cho chính xác, rõ ràng.</p>	
<p>II. VỀ SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỚI CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG</p> <p>1. Hội đồng thẩm định và Bộ Tư pháp chưa phát hiện dự thảo Nghị định có nội dung trái với đường lối, chủ trương của Đảng có liên quan, như: Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước; Kết luận số 18-KL/TW Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số”... Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát các chủ trương, đường lối nêu tại các văn kiện nêu trên bảo đảm dự thảo Nghị quyết phù hợp, thể chế hóa đúng và đầy đủ, trong đó, lưu ý một số vấn đề sau:</p> <p>a) Như ý kiến nêu tại điểm 2.1 Mục I.2 Báo cáo thẩm định này, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, bảo đảm nội dung quy định trong dự thảo Nghị quyết đã thể chế hóa đúng, đầy đủ và phù hợp với Nghị quyết số 79-NQ/TW (trong phạm vi thẩm quyền của Quốc hội);</p>	<p>Bộ Tài chính đã tiếp thu và rà soát để bảo đảm nội dung quy định trong dự thảo Nghị quyết đã thể chế hóa đúng, đầy đủ và phù hợp với Nghị quyết số 79-NQ/TW (trong phạm vi thẩm quyền của Quốc hội).</p>
<p>b) Khoản 1 Điều 6 dự thảo Nghị quyết quy định doanh nghiệp nhà nước mạnh, có quy mô lớn đóng vai trò dẫn dắt trong các ngành, lĩnh vực then chốt, chiến lược được áp dụng các cơ chế sau: “a) Được sử dụng toàn bộ nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn Nhà nước tại doanh nghiệp để tăng</p>	<p>Về nội dung này, Bộ Tài chính giải trình như sau: Báo cáo số 846/BC-CP ngày 29/9/2025 của Chính phủ về đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong phạm vi</p>

Nội dung	Tiếp thu/Giải trình
<p>vốn điều lệ; b) Được trích tối đa 10% trên phần lợi nhuận vượt kế hoạch từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hàng năm của doanh nghiệp để hình thành quỹ thưởng” nhằm thể chế hóa chủ trương nêu tại điểm a và c, tiêu mục 2.4, mục III của Nghị quyết số 79-NQ/TW “<u>Có chính sách khuyến khích phát triển doanh nghiệp nhà nước quy mô lớn thông qua tăng vốn điều lệ, bao gồm: Cho phép sử dụng toàn bộ nguồn thu từ cổ phần hoá, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp; tăng tỉ lệ lợi nhuận sau thuế để lại doanh nghiệp...</u>”. Tuy nhiên, quy định trên cần rà soát kỹ để phù hợp với chủ trương “<u>Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn lợi nhuận sau thuế của khu vực doanh nghiệp nhà nước, vừa thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế nhà nước, vừa không ảnh hưởng lớn tới nguồn thu của NSNN</u>” nêu tại Kết luận số 18-KL/TW (điểm 2.2.b Mục II.2);</p>	<p>cả nước năm 2024 có nêu lợi nhuận trước thuế của 673 doanh nghiệp nhà nước là 248.723 tỷ đồng, tăng 18% so với thực hiện năm 2023 (Báo cáo số 546/BC-CP không đánh giá phần lợi nhuận vượt kế hoạch). Giả định lợi nhuận thực hiện vượt 100% so với kế hoạch năm 2024 (tương ứng là 124.000 tỷ đồng) thì số lợi nhuận được trích sẽ tương ứng với khoảng 12.000 tỷ đồng (=124.000 x 10%).</p> <p>Tuy nhiên, Nghị quyết số 79-NQ/TW cũng yêu cầu nâng cao chất lượng công tác lập và giao kế hoạch của doanh nghiệp bảo đảm chặt chẽ, sát thực tiễn; do đó việc đạt chỉ tiêu lợi nhuận kế hoạch với yêu cầu tăng trưởng 2 con số cũng là khó khăn đối với doanh nghiệp. Vì vậy, tỷ lệ phần lợi nhuận vượt kế hoạch sẽ không cao như giả định. Khi áp dụng chính sách này sẽ thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp và cũng chỉ được hưởng 10% phần lợi nhuận vượt, 90% còn lại nộp về NSNN.</p>
<p>c) Khoản 3 Điều 6 dự thảo Nghị quyết quy định: “<u>Nhà nước bảo đảm đủ vốn, hỗ trợ lãi suất và cung cấp đủ tín dụng đối với dự án trọng điểm quốc gia, dự án đầu tư ở nước ngoài do cấp có thẩm quyền giao ngoài kế hoạch của doanh nghiệp:...</u>”. Điểm 2.4.a Mục III.2 Nghị quyết số 79-NQ/TW nêu: “<u>Đối với dự án trọng điểm quốc gia, dự án đầu tư ở nước ngoài do cấp có thẩm quyền giao ngoài kế hoạch của doanh nghiệp, Nhà nước có chính sách bảo đảm đủ vốn, hỗ trợ lãi suất và cung cấp đủ tín dụng</u>”. Như vậy, nội dung dự thảo Nghị quyết cơ bản chỉ nhắc lại mà chưa có nội hàm cụ thể hơn so với Nghị quyết số 79-NQ/TW, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, thể chế hóa cụ thể nội dung này.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã lược bỏ quy định này.</p>

Nội dung	Tiếp thu/Giải trình
<p>2. Bên cạnh đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát, nghiên cứu bảo đảm thể chế hóa đúng, đầy đủ các chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan, trong đó có: (1) Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Kết luận số 09-KL/TW ngày 10/3/2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; (2) tuân thủ đúng quy định: (i) Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 01/4/2026 Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong giai đoạn mới; (ii) Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật; (iii) Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV (yêu cầu: “ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, tiêu cực, “lợi ích nhóm”, “lợi ích cục bộ” trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật” - Mục 3); và (iv) Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ về một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật nhằm ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ...</p>	<p>Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tài chính đã lược bỏ nội dung này do Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực đã giao Bộ Công an xây dựng cơ chế này. Vì vậy, quy định này không điều chỉnh tại dự thảo Nghị quyết.</p>
<p>III. VỀ TÍNH HỢP HIẾN, TÍNH HỢP PHÁP, TÍNH THỐNG NHẤT VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT</p> <p>1. Về tính hợp hiến</p> <p>Qua rà soát nội dung dự thảo Nghị quyết, Hội đồng thẩm định và Bộ Tư pháp chưa phát hiện thấy có nội dung trái với Hiến pháp năm 2013 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16/6/2025 của</p>	

Nội dung	Tiếp thu/Giải trình
Quốc hội).	
<p>2. Về tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật</p> <p>Do đây là Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt nên nội dung của dự thảo Nghị quyết có thể quy định khác với quy định của các luật hiện hành. Tuy vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát kỹ dự thảo Nghị quyết, đảm bảo một số yêu cầu sau: (i) chỉ quy định nội dung cơ chế, chính sách đặc biệt thuộc thẩm quyền của Quốc hội, chưa được Luật hiện hành quy định hoặc khác với quy định của Luật hiện hành; (ii) giải quyết các vấn đề cấp bách, vướng mắc, bất cập phát sinh từ thực tiễn nhằm phát triển kinh tế nhà nước; trong đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc một số nội dung sau:</p> <p>2.1. Liên quan đến các quy định về cải thiện môi trường kinh doanh</p> <p>a) Điều 2 dự thảo Nghị quyết quy định về cải thiện môi trường kinh doanh nhưng một số quy định còn chung chung, không có tính quy phạm như: khoản 1, khoản 2, khoản 5, khoản 6, khoản 8... là quan điểm chính sách đã được thể hiện trong nhiều văn kiện của Đảng và thể chế hóa cụ thể tại các luật hiện hành (như Hiến pháp, Luật Doanh nghiệp, Luật Cạnh tranh, Luật Đất đai, Luật Dữ liệu...); do đó, đề nghị rà soát lại theo hướng chỉ quy định những nội dung “đặc thù” cụ thể, rõ ràng, khác với các luật hiện hành hoặc chưa có luật điều chỉnh, ví dụ: khoản 8 Điều 2 dự thảo Nghị quyết quy định: “<i>Dữ liệu về chủ thể và các nguồn lực của kinh tế Nhà nước được chuẩn hóa, quản lý thống nhất, cập nhật thường xuyên trên cơ sở dữ liệu quốc gia tập trung</i>”; tuy nhiên, Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15 chỉ quy định về “<i>cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia</i>”, không quy định “<i>cơ sở dữ liệu quốc gia tập trung</i>”...</p>	<p>Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tài chính đã lược bỏ các quy định liên quan tới cải thiện môi trường kinh doanh do đã được thể chế hoá tại một số văn bản Luật và để tránh trùng lặp với các nhiệm vụ đã được giao cho các Bộ khác chủ trì thực hiện.</p>

Nội dung	Tiếp thu/Giải trình
<p>b) Điều 2 dự thảo Nghị quyết (về cải thiện môi trường kinh doanh) có nội dung đã được Chính phủ giao Bộ Công an chủ trì xây dựng dự thảo Nghị quyết của Quốc hội theo yêu cầu, chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực (ví dụ: nội dung liên quan đến xử lý vi phạm). Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp với Bộ Công an để quy định cho thống nhất, tránh trùng lặp, mâu thuẫn.</p> <p>c) Các khoản 3, 4, 5 và 6 Điều 2 dự thảo Nghị quyết cơ bản tương tự quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân. Tuy nhiên, Nghị quyết số 198/2025/QH15 quy định nội dung tại Điều 4 dựa trên nhiệm vụ, giải pháp đã nêu tại Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân (trong khi Nghị quyết số 79-NQ/TW không nêu). Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ sự cần thiết, tính hợp lý của nội dung này.</p> <p>d) Khoản 9 Điều 2 dự thảo Nghị quyết giao Chính phủ quy định chi tiết khoản 7 Điều này (<i>“Bảo vệ cán bộ, người quản lý doanh nghiệp, người lao động dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung trong các trường hợp không có yếu tố tham nhũng, vụ lợi và quy trình xem xét, đánh giá bản chất vụ việc là sai sót khách quan hay vi phạm pháp luật”</i>) nhưng nội dung quy định của Nghị quyết chỉ mang tính nguyên tắc nên Chính phủ khó quy định chi tiết trong phạm vi thẩm quyền do có những nội dung cần xử lý thuộc thẩm quyền của Quốc hội, không bảo đảm tính khả thi.</p> <p>đ) Liên quan đến nội dung này, Nghị quyết số 79-NQ/TW đặt ra yêu cầu: <i>“Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính... giảm chi phí tuân thủ”</i> (Mục III.1), đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu bổ sung nội dung nhằm thể chế hóa yêu cầu nêu trên của Nghị quyết số 79/NQ-TW.</p>	

Nội dung	Tiếp thu/Giải trình
<p>2.2. Liên quan đến Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư</p> <p>Khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị quyết quy định: “<i>Nhà nước khuyến khích mở rộng việc áp dụng các hình thức đầu tư theo phương thức công - tư để xây dựng và quản lý, vận hành hiệu quả các công trình kết cấu hạ tầng, gồm:...</i>”. Trong khi đó, Điều 4 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư đã quy định: “<i>Dự án đầu tư theo phương thức PPP được thực hiện trong các ngành, lĩnh vực đầu tư công nhằm mục đích đầu tư, xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công, trừ dự án thuộc trường hợp sau đây: a) Dự án thuộc trường hợp độc quyền nhà nước theo quy định của pháp luật; b) Dự án thuộc ngành, lĩnh vực quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội theo quy định của pháp luật về đầu tư công</i>”. Theo đó, việc áp dụng các hình thức đầu tư theo phương thức công - tư để xây dựng và quản lý, vận hành hiệu quả các công trình kết cấu hạ tầng đã được Luật hiện hành cho phép và việc ưu đãi, hỗ trợ đầu tư được quy định tại Luật Đầu tư; do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ các chính sách ưu đãi vượt trội quy định tại Điều 3 dự thảo Nghị quyết khác biệt với pháp luật hiện hành để làm cơ sở cho Chính phủ quy định chi tiết sau này.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tài chính lược bỏ quy định này do pháp luật hiện hành đã quy định và việc áp dụng hình thức đầu tư theo phương thức công - tư để xây dựng và quản lý, vận hành hiệu quả các công trình kết cấu hạ tầng thuộc về hoạt động thực thi.</p>
<p>2.3. Liên quan đến Luật Ngân sách nhà nước</p> <p>a) Khoản 1, khoản 3 Điều 4 dự thảo Nghị quyết cơ bản nhắc lại Nghị quyết số 79-NQ/TW (điểm 2.3.a Mục III.2) mà không có nội hàm cụ thể hơn, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, thể chế hóa cụ thể, phù hợp, đúng thẩm quyền của Quốc hội.</p> <p>Điều 4 dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc quản lý, điều hành ngân sách Nhà nước, trong đó có quy định: “<i>Địa phương chủ động quyết định đầu tư theo quy hoạch và khả năng cân đối nguồn lực, phục vụ tốt nhất các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên</i></p>	<p>Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tài chính lược bỏ những quy định này do pháp luật hiện hành đã quy định.</p>

Nội dung	Tiếp thu/Giải trình
<p><i>địa bàn</i>” (khoản 1). Quy định này còn chung chung, trong khi đó, Luật Ngân sách nhà nước đã quy định phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi cụ thể của ngân sách trung ương, ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã; và quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp (Điều 31) và Ủy ban nhân dân các cấp (Điều 32) trong quản lý ngân sách nhà nước. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ quy định khác biệt cần có với quy định của Luật Ngân sách nhà nước; nếu không có cơ chế đặc biệt thì không cần quy định trong dự thảo Nghị quyết.</p> <p>b) Khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị quyết quy định: “<i>Không quy định cụ thể tỷ lệ chi ngân sách Nhà nước cho từng ngành, lĩnh vực, đối tượng (trừ những ngành, lĩnh vực có quy định riêng của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương)</i>”. Nội dung này thuộc thẩm quyền Quốc hội; Điều 19 Luật Ngân sách nhà nước quy định Quốc hội có thẩm quyền quyết định dự toán ngân sách nhà nước, trong đó: “<i>Tổng số chi ngân sách nhà nước bao gồm chi ngân sách trung ương và chi ngân sách địa phương; chi tiết theo chi đầu tư phát triển, chi dự trữ quốc gia, chi thường xuyên, chi trả nợ lãi, chi viện trợ, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính; dự phòng ngân sách</i>” và quyết định phân bổ ngân sách trung ương: “<i>Tổng số chi ngân sách trung ương bao gồm các khoản đã phân bổ chi tiết và các khoản chưa phân bổ chi tiết; chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên, chi dự trữ quốc gia, chi trả nợ lãi, chi viện trợ, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính; dự phòng ngân sách; Dự toán chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi dự trữ quốc gia, chi viện trợ của từng Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan khác ở trung ương</i>”; Điều 26 Luật Ngân sách nhà nước quy định Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền: “<i>Căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách trung ương, quyết định giao: a) Nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho từng Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính</i></p>	

Nội dung	Tiếp thu/Giải trình
<p><i>phủ và cơ quan khác ở trung ương; chi đầu tư phát triển chi tiết lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; chi thường xuyên chi tiết theo từng lĩnh vực...”. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ việc không quy định cụ thể tỷ lệ chi ngân sách nhà nước cho từng ngành, lĩnh vực, đối tượng với việc thực hiện các quy định của Luật Ngân sách nhà nước nêu trên, bảo đảm phù hợp với Nghị quyết số 79-NQ/TW (như ý kiến nêu tại điểm c Mục II.2 Báo cáo thẩm định này); làm rõ trường hợp khác với Luật Ngân sách nhà nước cần đưa vào Nghị quyết.</i></p> <p>c) Khoản 3 Điều 4 dự thảo Nghị quyết quy định: “<i>Chi áp dụng vay cho chi đầu tư phát triển và trong phạm vi khả năng trả nợ</i>” nhưng nội dung này đã được quy định tại khoản 3 Điều 7 Luật Ngân sách nhà nước: “<i>Vay để bù đắp bội chi ngân sách nhà nước chỉ được sử dụng cho chi đầu tư phát triển, không sử dụng cho chi thường xuyên</i>”; và cấm: “<i>Thực hiện vay trái với quy định của pháp luật, vay vượt quá khả năng cân đối của ngân sách</i>” (Điều 18); do đó, không có nội dung mới cần đưa vào Nghị quyết.</p> <p>d) Điểm c khoản 3 Điều 6 dự thảo Nghị quyết quy định: “<i>Trong quá trình thực hiện Dự án, Thủ tướng Chính phủ được quyết định sử dụng nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách Trung ương và các nguồn vốn hợp pháp khác cho Dự án trong trường hợp đàm phán hiệp định vay không thành công hoặc quy mô khoản vay không đủ</i>”. Quy định Thủ tướng Chính phủ được quyết định sử dụng nguồn tăng thu, tiết kiệm chi là khác với quy định của Luật Ngân sách nhà nước (Điều 61) nhưng cần làm rõ có việc Thủ tướng Chính phủ quyết định có bị giới hạn theo các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật Ngân sách nhà nước và có phải báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội kết quả thực hiện, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất hay không? Mặt khác, quy định “<i>nguồn vốn hợp pháp khác</i>” có phạm vi rộng, chưa bảo</p>	

Nội dung	Tiếp thu/Giải trình
<p>đảm rõ ràng, cần được đánh giá tác động kỹ lưỡng và hoàn thiện, làm rõ nội dung này (nhất là về thẩm quyền).</p>	
<p>2.4. Liên quan đến Luật Dự trữ nhà nước</p> <p>Điều 5 dự thảo Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách phát triển dự trữ quốc gia; đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung giải trình về các nội dung quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều này khác hoặc chưa có trong Luật Dự trữ quốc gia như thế nào? Qua rà soát cho thấy nhiều chính sách quy định tại Điều 5 dự thảo Nghị quyết đã có trong Luật Dự trữ quốc gia (Điều 4...), là vấn đề thuộc về điều hành, thi hành thực tế mà không phải vướng mắc của Luật, cụ thể:</p> <p>a) Khoản 1 Điều 5 dự thảo Nghị quyết quy định: “... <i>bổ sung các mặt hàng chiến lược, thiết yếu, hiện đại, các vật tư, thiết bị vào danh mục hàng dự trữ quốc gia, hàng dự trữ chiến lược nhằm đảm bảo an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an ninh kinh tế, an ninh quốc phòng, phát triển kinh tế xã hội của đất nước</i>”. Khoản 3 Điều 7 Luật Dự trữ quốc gia quy định: “<i>Chính phủ ban hành, sửa đổi, bổ sung danh mục hàng dự trữ quốc gia, hàng dự trữ chiến lược và phân công các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi là Bộ, cơ quan ngang Bộ), Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quản lý hàng dự trữ quốc gia, hàng dự trữ chiến lược</i>”. Theo quy định của Luật Dự trữ quốc gia thì thẩm quyền ban hành, sửa đổi, bổ sung danh mục hàng dự trữ quốc gia là của Chính phủ. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ lý do, cơ sở đề xuất Quốc hội quy định nội dung này (trong khi đã được Luật Dự trữ quốc gia giao Chính phủ).</p> <p>Ngoài ra, quy định: “<i>Ưu tiên bố trí ngân sách Nhà nước để đảm bảo dự trữ quốc gia trở thành nguồn lực dự trữ chiến lược; tích hợp dự trữ quốc</i></p>	<p>Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tài chính rà soát và chỉ đưa những chính sách thuộc thẩm quyền của Quốc hội và một số cơ chế chính sách cần triển khai ngay để đảm bảo các nguồn lực quan trọng để Nhà nước chi phối, can thiệp kịp thời đáp ứng các yêu cầu đột xuất, cấp bách phát sinh. Theo đó, Bộ Tài chính đã đề xuất 03 chính sách cụ thể như sau:</p> <p>(i) Ưu tiên bố trí ngân sách Nhà nước hàng năm để mua tăng hàng dự trữ quốc gia, hàng dự trữ chiến lược đối với các mặt hàng quan trọng, các mặt hàng phục vụ quốc phòng, an ninh, quốc kế dân sinh như lương thực, xăng, dầu, dầu thô, công nghệ cao... đảm bảo mức dự trữ quốc gia đã đề ra tại Nghị quyết số 79-NQ/TW; ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước và đầu tư xây dựng kho dự trữ quốc gia, trong đó tập trung xây dựng các kho dự trữ quốc gia chiến lược về xăng, dầu, dầu thô theo quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia và hệ thống kho dự trữ quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>(ii) Doanh nghiệp nhà nước có vị trí ngành nghề quan trọng, tác động đến nền kinh tế - xã hội của đất nước dành tối thiểu 10% lợi nhuận để lại sau thuế theo quy định để tham gia thực hiện dự trữ quốc gia theo phân công của Chính phủ.</p> <p>(iii) Miễn trừ trách nhiệm đối với rủi ro mang tính khách quan khi thực hiện dự trữ quốc gia các mặt hàng chiến lược về công nghệ cao, đặc thù mà sau thời gian dự trữ nhưng không đáp ứng yêu cầu về dự trữ chiến lược cần thực hiện xuất bán, xuất cấp hàng dự trữ chiến lược trong khi đã thực hiện đầy đủ quy trình ra</p>

Nội dung	Tiếp thu/Giải trình
<p><i>gia trong các chiến lược về quốc phòng, an ninh, an ninh kinh tế, an ninh tài chính, an sinh xã hội...</i>" tại khoản 1 Điều 5 và quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 5 dự thảo Nghị quyết là không cần thiết, lý do: Luật Dự trữ quốc gia đã có quy định, ví dụ: "<i>Huy động, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của nền kinh tế để thực hiện tự chủ chiến lược quốc gia; là công cụ điều tiết thị trường để bảo đảm nền kinh tế vận hành ổn định, hiệu quả theo quy luật thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa</i>" (khoản 2 Điều 2); "<i>Nhà nước có chiến lược dự trữ quốc gia, quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng thời kỳ</i>" (khoản 1 Điều 4); "<i>Nguồn lực dự trữ quốc gia được tích hợp trong các chiến lược về quốc phòng, an ninh, an ninh kinh tế, an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an sinh xã hội; bảo đảm phân tích, dự báo, nắm tình hình để chủ động chuẩn bị các nguồn lực dự trữ quốc gia</i>" (khoản 3 Điều 4); "<i>Bảo đảm nguồn lực cho dự trữ quốc gia, cơ cấu hợp lý, phù hợp với đặc thù và lợi ích chiến lược của đất nước trong từng thời kỳ, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; giao đất, cho thuê đất, xây dựng hệ thống kho dự trữ quốc gia phù hợp với quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia</i>" (khoản 4 Điều 4)... Vấn đề là triển khai thi hành thực tế như thế nào mà không cần đưa vào Nghị quyết.</p> <p>b) Khoản 3 Điều 5 dự thảo Nghị quyết quy định: "<i>Trường hợp doanh nghiệp tham gia dự trữ chiến lược được ưu đãi về thuế, tín dụng và các chính sách ưu đãi khác theo quy định của Chính phủ trong từng thời kỳ, bảo đảm quyền lợi ích hợp pháp của Nhà nước và doanh nghiệp tham gia dự trữ chiến lược...</i>". Nội dung này cơ bản đã được quy định trong Luật Dự trữ quốc gia</p>	<p>quyết định, quản trị rủi ro, công khai, minh bạch và không có hành vi vi phạm pháp luật hoặc miễn trừ trách nhiệm khi thực hiện điều tiết thị trường theo quyết định của các cấp có thẩm quyền.</p>

Nội dung	Tiếp thu/Giải trình
<p>(điểm d khoản 1 Điều 31¹), không có nội dung “đặc thù”. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo lược bỏ quy định này.</p> <p>c) Tại Bản so sánh có thuyết minh lý do đề xuất khoản 6 Điều 5: “<i>Chính phủ ban hành quy định về sử dụng dự trữ quốc gia, dự trữ chiến lược tham gia điều tiết thị trường; cơ chế đầu tư xây dựng hệ thống kho dự trữ quốc gia theo hình thức đối tác công - tư; và cơ chế đặc thù mua, bán hàng dự trữ chiến lược phục vụ tự chủ chiến lược và điều tiết thị trường</i>” do Luật Dự trữ quốc gia số 145/2025/QH15 quy định: “<i>Xuất hàng dự trữ chiến lược để thực hiện mục tiêu quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật này khi hàng dự trữ quốc gia không đáp ứng đủ yêu cầu; là công cụ phục vụ điều tiết thị trường</i>” (điểm c khoản 2 Điều 31), nhưng chưa có quy định về cơ chế sử dụng dự trữ quốc gia, dự trữ chiến lược tham gia điều tiết thị trường. Tuy nhiên, cơ quan chủ trì soạn thảo chưa làm rõ nội dung này có thuộc thẩm quyền của Quốc hội để đưa vào dự thảo Nghị quyết; trong khi đó, Chương IV Luật Dự trữ quốc gia đã giao Chính phủ quy định chi tiết về quản lý, sử dụng hàng dự trữ quốc gia (hiện nay, các văn bản quy định chi tiết Luật Dự trữ quốc gia đang được Bộ Tài chính soạn thảo, xây dựng cụ thể gồm: (i) Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Dự trữ quốc gia về dự trữ quốc gia và hàng dự trữ quốc gia; (ii) Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Dự trữ quốc gia về dự trữ chiến lược; (iii) Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dự trữ quốc gia về sử dụng dự trữ chiến lược để điều tiết thị trường). Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thuyết minh, giải trình rõ việc giao Chính phủ ban hành về “<i>quy định về sử dụng dự trữ quốc gia, dự trữ chiến lược tham gia điều tiết thị trường; cơ chế đầu tư xây</i></p>	

¹ “Đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp tham gia dự trữ chiến lược được ưu đãi về thuế, tín dụng và các chính sách ưu đãi khác theo quy định của Chính phủ trong từng thời kỳ; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước và các thành phần tham gia dự trữ chiến lược”.

Nội dung	Tiếp thu/Giải trình
<p><i>dụng hệ thống kho dự trữ quốc gia theo hình thức đối tác công - tư; và cơ chế đặc thù mua, bán hàng dự trữ chiến lược phục vụ tư chủ chiến lược và điều tiết thị trường” là những nội dung gì? có trùng lặp với các văn bản quy định chi tiết Luật Dự trữ quốc gia hay không? (Ví dụ: quy định về sử dụng dự trữ quốc gia, dự trữ chiến lược tham gia điều tiết thị trường trong khi đang soạn thảo Nghị định về dự trữ chiến lược?).</i></p>	
<p>2.5. Liên quan đến Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành</p> <p>a) Khoản 1 Điều 6 dự thảo Nghị quyết quy định ưu đãi đối với doanh nghiệp nhà nước mạnh, có quy mô lớn đóng vai trò dẫn dắt trong các ngành, lĩnh vực then chốt, chiến lược, trong đó quy định: “<i>Doanh nghiệp nhà nước mạnh, có quy mô lớn đóng vai trò dẫn dắt trong các ngành, lĩnh vực then chốt, chiến lược được áp dụng các cơ chế sau: a) Được sử dụng toàn bộ nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn Nhà nước tại doanh nghiệp để tăng vốn điều lệ</i>”. Tuy nhiên, Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 quy định: “<i>Việc xử lý khoản thu, khoản chi trong quá trình chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thực hiện theo quy định của Chính phủ</i>” (điểm d khoản 3 Điều 30); “<i>Việc xử lý khoản thu, khoản chi trong quá trình chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thực hiện theo quy định của Chính phủ</i>” (khoản 5 Điều 31). Như vậy, nội dung này thuộc thẩm quyền của Chính phủ. Hiện nay, Bộ Tài chính đang xây dựng trình Chính phủ dự thảo Nghị định về quản lý, sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, từ chuyển nhượng vốn nhà nước tại doanh nghiệp; theo đó, nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn của doanh nghiệp tại doanh nghiệp khác sẽ không phải nộp ngân sách nhà nước mà nộp về công ty mẹ; do đó, nội dung này thuộc thẩm quyền của Chính phủ và không cần thiết phải quy</p>	<p>Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tài chính đã lược bỏ những quy định này do nội dung thuộc thẩm quyền của Chính phủ.</p>

Nội dung	Tiếp thu/Giải trình
<p>định trong dự thảo Nghị quyết. Trong khi đó, quy định như trên chưa rõ doanh nghiệp được sử dụng toàn bộ nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp nào (doanh nghiệp con hay doanh nghiệp khác) để tăng vốn điều lệ; nếu là doanh nghiệp khác không có vốn của doanh nghiệp nhà nước thì cần điều chỉnh cụ thể về cơ chế tăng vốn điều lệ từ nguồn thu này.</p> <p>b) Khoản 2 Điều 6 dự thảo Nghị quyết quy định: <i>“Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đánh giá lại tài sản đã hết khấu hao nhưng còn giá trị sử dụng của các doanh nghiệp Nhà nước mạnh, quy mô lớn để bổ sung nguồn vốn chủ sở hữu thực hiện dự án trọng điểm quốc gia”</i>. Tuy nhiên, đây là vấn đề thuộc về điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ không có vướng mắc và đã thực hiện trên thực tế thời gian qua nên không cần đưa vào Nghị quyết.</p> <p>c) Khoản 4 Điều 6 dự thảo Nghị quyết quy định: <i>“Chính phủ quy định cụ thể các nội dung sau:... b) Ban hành cơ chế đặc thù cho doanh nghiệp Nhà nước thực hiện các dự án theo nhiệm vụ chính trị, dự án không vì mục tiêu lợi nhuận được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt”</i>. Trong khi đó, khoản 5 Điều 35 Luật số 68/2025/QH15 đã giao Chính phủ: <i>“Quy định cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ của Nhà nước đối với doanh nghiệp theo yêu cầu chính trị, đối ngoại, quốc phòng, an ninh và trong tình huống cấp bách hoặc cần thiết”</i> (Bộ Tài chính đang triển khai xây dựng Nghị định của Chính phủ về nội dung này). Do đó, đề nghị cân nhắc không quy định nội dung này trong dự thảo Nghị quyết.</p>	
<p>Ngoài ra, việc giao Chính phủ <i>“Ban hành cơ chế đặc thù phát triển Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tiến tới hình thành Quỹ Đầu tư quốc gia trên cơ sở tập trung nguồn lực từ cơ cấu lại vốn tại các</i></p>	<p>Đề đảm bảo đánh giá kỹ lưỡng, toàn diện các vấn đề liên quan tới Quỹ Đầu tư quốc gia, Bộ Tài chính đề xuất không đưa nội dung này vào dự thảo Nghị quyết của Quốc hội. Sau khi SCIC báo cáo</p>

Nội dung	Tiếp thu/Giải trình
<p>doanh nghiệp, bao gồm cả nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các nguồn lực nhà nước giao khác” (điểm d khoản 4 Điều 6 dự thảo Nghị quyết) nhưng không quy định cụ thể những đặc thù cần có sẽ phát sinh khó khăn khi Chính phủ quy định nếu có vấn đề cần quy định khác hoặc chưa có trong luật. Trong khi đó, khoản 2 Điều 35 Luật số 68/2025/QH15 đã giao Chính phủ: “<i>Quy định cơ chế hoạt động, cơ chế quản lý tài chính đối với doanh nghiệp có chức năng đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước và doanh nghiệp trong một số lĩnh vực đặc thù</i>”. Do đó, đề nghị cân nhắc quy định cụ thể về nội dung này trong dự thảo Nghị quyết để Chính phủ quy định chi tiết (nếu cần thiết).</p>	<p>Đề án và xác định, đánh giá cụ thể các vấn đề trên, Bộ Tài chính sẽ tham mưu báo cáo cấp có thẩm quyền để ban hành.</p>
<p>d) Điều 8 dự thảo Nghị quyết (về cơ chế đánh giá hiệu quả doanh nghiệp nhà nước) quy định: “<i>Chính phủ quy định chi tiết cơ chế đánh giá hiệu quả doanh nghiệp nhà nước theo nguyên tắc đánh giá tổng thể, cơ chế hạch toán tách bạch nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và nhiệm vụ chính trị, quốc phòng, an ninh, nhiệm vụ không vì mục tiêu lợi nhuận</i>”. Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 35 Luật số 68/2025/QH15 (giao Chính phủ: “<i>Quy định về giám sát, kiểm tra, đánh giá hiệu quả hoạt động đầu tư và quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp; báo cáo và công khai thông tin</i>”), Chính phủ đã ban hành Nghị định số 365/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tại Điều 29 đã quy định căn cứ đánh giá, xếp loại doanh nghiệp là: “<i>Hiệu quả hoạt động tổng thể của doanh nghiệp, có xem xét loại trừ các tác động theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định này</i>”. Tại Bản so sánh, cơ quan chủ trì soạn thảo đánh giá: “<i>Pháp luật hiện hành chưa quy định cụ thể cơ chế đánh giá hiệu quả doanh nghiệp nhà nước theo nguyên tắc đánh giá tổng thể, cơ chế hạch toán tách bạch nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và nhiệm vụ chính trị, quốc phòng, an ninh, nhiệm vụ không</i></p>	<p>Bộ Tài chính tiếp thu và lược bỏ quy định này.</p>

Nội dung	Tiếp thu/Giải trình
<p>vì mục tiêu lợi nhuận” là chưa chính xác. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn lược bỏ Điều 8 dự thảo Nghị quyết.</p> <p>đ) Điều 9 dự thảo Nghị quyết quy định tăng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng nhà nước: “Ngân hàng thương mại Nhà nước được tăng vốn điều lệ từ nguồn ngân sách Nhà nước; từ lợi nhuận còn lại sau thuế và sau trích lập các quỹ; từ các quỹ và từ các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để nâng cao năng lực tài chính, tỷ lệ an toàn vốn và hiệu quả hoạt động”. Quy định này không mới so với Luật số 68/2025/QH15, cụ thể: Điều 11 Luật số 68/2025/QH15 đã quy định nguồn vốn, tài sản để đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp gồm: ngân sách nhà nước; tài sản công; quỹ đầu tư phát triển; quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; lợi nhuận sau thuế được để lại để tăng vốn điều lệ; cổ tức được chia bằng cổ phiếu; thặng dư vốn cổ phần; các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của Chính phủ; đồng thời đã được quy định cụ thể tại Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc lược bỏ Điều 9 dự thảo Nghị quyết do không có giá trị gia tăng, quy định mới so với luật hiện hành.</p>	
<p>2.6. Liên quan đến Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo</p> <p>a) Khoản 1 Điều 7 dự thảo Nghị quyết quy định doanh nghiệp nhà nước được chủ động sử dụng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp. Tại Bản so sánh dự thảo Nghị quyết có nêu quy định tại khoản 2, 3 Điều 66 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 nhưng chưa thuyết minh rõ những nội dung nào mới, chưa có, khác với quy định Luật số 93/2025/QH15 cần trình Quốc hội quyết định; việc thực hiện quy định hiện hành tại Luật số 93/2025/QH15 có vướng mắc, hạn chế gì liên quan đến thể chế hóa điểm 2.4.b Mục III.2 Nghị quyết số 79-NQ/TW. Đề nghị cơ</p>	<p>Bộ Tài chính đã tiếp thu và lược bỏ nội dung này do chưa thể hiện được tính mới, đột phá.</p>

Nội dung	Tiếp thu/Giải trình
<p>quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý bảo đảm chỉ quy định những nội dung “đặc thù”, khác quy định của luật hiện hành hoặc chưa có luật điều chỉnh; báo cáo rõ trong Tờ trình Chính phủ.</p> <p>b) Điểm a khoản 1 Điều 7 dự thảo Nghị quyết quy định doanh nghiệp nhà nước được chủ động sử dụng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để: “Đầu tư máy móc, thiết bị, phòng thí nghiệm, trung tâm dữ liệu phục vụ trực tiếp đổi mới dây chuyền sản xuất và chuyển đổi số; chi cho các hoạt động đổi mới sáng tạo phi truyền thống (mua bản quyền phần mềm, thuê chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước theo giá thị trường); chi học bổng, đào tạo ngắn hạn và dài hạn tại các trung tâm công nghệ hàng đầu thế giới, không bắt buộc gắn với đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học”. Luật số 93/2025/QH15 quy định doanh nghiệp nhà nước được dùng Quỹ để thuê chuyên gia trong nước, nước ngoài và chi trả theo mức kinh phí thỏa thuận khi triển khai nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho mục tiêu giải mã công nghệ để phát triển công nghệ chiến lược, mua bí quyết công nghệ (điểm a khoản 1 Điều 31) và giải mã công nghệ, mua bí quyết công nghệ đối với các dự án trọng điểm, dự án phát triển công nghệ chiến lược (điểm a khoản 2 Điều 31). Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ cơ chế quy định trong dự thảo Nghị quyết so với quy định của Luật số 93/2025/QH15, nội dung “đặc thù”, khác với quy định của Luật số 93/2025/QH15 thì cần thuyết minh bảo đảm hợp lý, khả thi.</p> <p>Khoản 2 Điều 66 Luật số 93/2025/QH15 quy định doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp được sử dụng Quỹ để “hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo”, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu làm rõ hơn phạm vi “chi học bổng, đào tạo ngắn hạn và dài hạn tại các trung tâm công nghệ hàng đầu thế giới, không bắt buộc gắn với đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học” để tránh lạm dụng, trực</p>	

Nội dung	Tiếp thu/Giải trình
<p>lợi chính sách.</p> <p>c) Điểm c khoản 1 Điều 7 dự thảo Nghị quyết quy định quy định doanh nghiệp nhà nước được chủ động sử dụng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để: “<i>Phối hợp với Nhà nước (thông qua Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia - NAFOSTED) thực hiện cơ chế đồng tài trợ đối với các dự án công nghệ xanh, công nghệ có quy mô lớn và tính lan tỏa cao</i>”. Điều 64 Luật số 93/2025/QH15 quy định cả Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia và Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia nhưng dự thảo Nghị quyết (điểm c khoản 1 Điều 7) chỉ đề cập đến cả Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia là thu hẹp hơn phạm vi và có thể chưa bảo đảm đầy đủ, thống nhất. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý cho thống nhất, đầy đủ và chi quy định nội dung mới, khác với Luật số 93/2025/QH15 (nếu cần thiết).</p> <p>d) Điểm e khoản 1 Điều 7 dự thảo Nghị quyết quy định quy định doanh nghiệp nhà nước được chủ động sử dụng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để: “<i>Góp vốn hình thành, tham gia góp vốn hoặc liên kết thành lập quỹ đầu tư mạo hiểm...; loại trừ trách nhiệm đối với rủi ro mang tính khách quan trong trường hợp đã thực hiện đầy đủ quy trình ra quyết định, quản trị rủi ro, công khai, minh bạch và không có hành vi vi phạm pháp luật</i>”. Quy định: “<i>loại trừ trách nhiệm đối với rủi ro mang tính khách quan trong trường hợp đã thực hiện đầy đủ quy trình ra quyết định, quản trị rủi ro, công khai, minh bạch và không có hành vi vi phạm pháp luật</i>” không mới hơn (thậm chí không cụ thể bằng) quy định của Luật số 93/2025/QH15 (khoản 6 Điều 66), đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc lược bỏ.</p> <p>đ) Điểm a khoản 2 Điều 7 dự thảo Nghị quyết quy định: “<i>Các kết quả</i></p>	

Nội dung	Tiếp thu/Giải trình
<p><i> nghiên cứu sử dụng ngân sách Nhà nước (hoặc quỹ khoa học và công nghệ của doanh nghiệp Nhà nước) được giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng cho doanh nghiệp Nhà nước chủ trì, trừ các trường hợp liên quan đến quốc phòng, an ninh”. Khoản 2 Điều 25 Luật số 93/2025/QH15 đã quy định về các trường hợp tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được Nhà nước tự động giao quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu phần kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tương ứng với kinh phí từ ngân sách nhà nước, không phải thực hiện thủ tục giao quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu và không phải bồi hoàn chi phí cho Nhà nước. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo lược bỏ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 dự thảo Nghị quyết.</i></p> <p>e) Điểm c khoản 2 Điều 7 dự thảo Nghị quyết quy định: “<i>Được sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ để thực hiện các thương vụ mua lại cổ phần của các công ty công nghệ (đặc biệt là startup) có sở hữu bằng độc quyền sáng chế phù hợp với lĩnh vực cốt lõi của doanh nghiệp”</i>. Điểm d khoản 1 Điều 66 Luật số 93/2025/QH15 quy định: “<i>Thực hiện mua, sáp nhập, đầu tư hoặc cùng đầu tư vào dự án khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp chỉ được sử dụng tối đa 5% thu nhập tính thuế hằng năm cho nội dung quy định tại điểm này</i>”; tuy nhiên, dự thảo Nghị quyết không có giới hạn 5% như Luật số 93/2025/QH15, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo rõ ràng, thuyết phục cơ sở, lý do đề xuất bỏ giới hạn so với Luật số 93/2025/QH15 để Chính phủ xem xét, quyết định, bảo đảm an toàn, tránh thất thoát vốn, tài sản của doanh nghiệp nhà nước.</p>	
<p>2.7. Liên quan đến các Luật về thuế</p> <p>Khoản 3 Điều 7 dự thảo Nghị quyết quy định: “<i>Chính phủ quy định</i></p>	<p>Bộ Tài chính tiếp thu và lược bỏ quy định này.</p>

Nội dung	Tiếp thu/Giải trình
<p><i>chi tiết tiết d khoản 2 Điều này</i>”; điểm d khoản 2 Điều 7 dự thảo Nghị quyết quy định: “<i>Được miễn/giảm thuế nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng cho các máy móc, thiết bị, linh kiện là một phần không thể tách rời của hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc thương vụ mua bán và sáp nhập</i>”. Tuy nhiên, khoản 21 Điều 6 Luật Thuế giá trị gia tăng quy định: “<i>Chuyển giao công nghệ theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ; chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ; sản phẩm phần mềm và dịch vụ phần mềm theo quy định của pháp luật</i>” thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng; khoản 13 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu quy định: “<i>Nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để sản xuất của dự án đầu tư thuộc danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ được miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 năm, kể từ khi bắt đầu sản xuất</i>”. Do đó, quy định tại điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 7 dự thảo Nghị quyết là không cần thiết, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo lược bỏ quy định này.</p>	
<p>2.8. Liên quan đến Luật Các tổ chức tín dụng</p> <p>a) Điểm b khoản 3 Điều 6 dự thảo Nghị quyết quy định: “<i>Các tổ chức tín dụng trong nước được miễn áp dụng quy định về tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với chủ đầu tư, chủ đầu tư và người có liên quan theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng</i>”. Quy định nêu trên khác với Điều 136 Luật Các tổ chức tín dụng. Điều 136 Luật Các tổ chức tín dụng đã quy định cụ thể tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó của ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và quy định: “<i>Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng</i></p>	<p>Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tài chính lược bỏ nội dung này do chưa có đầy đủ thông tin để đánh giá tác động.</p>

Nội dung	Tiếp thu/Giải trình
<p>không được vượt quá 15% vốn tự có của tổ chức tín dụng phi ngân hàng; tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó không được vượt quá 25% vốn tự có của tổ chức tín dụng phi ngân hàng”) (khoản 2 Điều 136). Khoản 7 Điều 136 Luật Các tổ chức tín dụng cũng quy định “Trường hợp đặc biệt để thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội mà khả năng hợp vốn của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chưa đáp ứng được nhu cầu của một khách hàng thì Thủ tướng Chính phủ quyết định mức cấp tín dụng tối đa trong trường hợp tổng mức dư nợ cấp tín dụng vượt quá giới hạn quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này đối với từng trường hợp cụ thể”. Như vậy, Luật Các tổ chức tín dụng đã quy định cơ chế để xử lý xem xét theo trường hợp đặc biệt cần cho phép tổng mức dư nợ cấp tín dụng vượt quá giới hạn; do đó, cần nhắc có thực sự cần thiết quy định mở như dự thảo Nghị quyết. Về nguyên tắc, Quốc hội có thẩm quyền ban hành nghị quyết đề thí điểm một số chính sách khác với Luật. Tuy nhiên, việc miễn áp dụng quy định về giới hạn cấp tín dụng tại dự thảo Nghị quyết cần làm rõ cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn, đánh giá kỹ tác động, bảo đảm an toàn, lành mạnh của hệ thống các tổ chức tín dụng. Đồng thời cơ quan chủ trì soạn thảo cần phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và đối tượng chịu sự tác động của dự thảo Nghị quyết (nhất là các tổ chức tín dụng) hoàn thiện quy định nêu trên.</p> <p>b) Việc xây dựng cơ chế tạo cơ sở pháp lý nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp nhà nước từ các tổ chức tín dụng (bao gồm các tổ chức tín dụng có vốn nhà nước nói chung và ngân hàng thương mại nói riêng) cần bảo đảm nguyên tắc cạnh tranh, các yêu cầu về bảo đảm tỷ lệ an toàn mà các tổ chức tín dụng phải tuân thủ theo pháp luật về các tổ chức tín dụng (Điều 138 Luật Các tổ chức tín dụng và quy định pháp luật có liên quan); các yêu cầu theo thông lệ quốc tế mà Việt Nam là thành viên; bảo đảm tính an toàn hệ thống</p>	

Nội dung	Tiếp thu/Giải trình
<p>các tổ chức tín dụng, hạn chế khả năng phát sinh rủi ro; bảo đảm tính khả thi (ví dụ: các tổ chức tín dụng trong nước có thể tự xác nhận được điều kiện “<i>dự án trọng điểm quốc gia, dự án đầu tư ở nước ngoài do cấp có thẩm quyền giao ngoài kế hoạch của doanh nghiệp</i>” hay không?).</p>	
<p>2.9. Liên quan đến pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập</p> <p>Nội dung quy định tại Điều 10 dự thảo Nghị quyết cơ bản là vấn đề thuộc thẩm quyền của Chính phủ (hiện quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 283/2025/NĐ-CP; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP; Nghị định số 150/2020/NĐ-CP ngày 25/12/2020 của Chính phủ về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần) nên cần nhắc không đưa vào dự thảo Nghị quyết. Cụ thể:</p> <p>a) Quy định: “<i>Các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư được tự chủ về tổ chức bộ máy, tiền lương và các khoản thù lao, đãi ngộ khác, tuyển dụng và sử dụng nhân sự theo kết quả hoạt động như doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ</i>” tại khoản 3 Điều 10 dự thảo Nghị quyết thuộc thẩm quyền của Chính phủ đã được quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo không quy định trong dự thảo Nghị quyết.</p> <p>b) Khoản 5 Điều 10 dự thảo Nghị quyết quy định: “<i>Không tổ chức</i></p>	<p>Bộ Tài chính tiếp thu và lược bỏ các quy định này do thuộc thẩm quyền của Chính phủ.</p>

Nội dung	Tiếp thu/Giải trình
<p><i>Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập</i>". Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 283/2025/NĐ-CP quy định: "a) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư phải thành lập Hội đồng quản lý để quyết định những vấn đề quan trọng của đơn vị; b) Căn cứ vào điều kiện cụ thể, yêu cầu quản lý và quy định của pháp luật chuyên ngành, trường hợp cần thiết, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định việc thành lập Hội đồng quản lý đối với các đơn vị sự nghiệp công lập không thuộc quy định tại điểm a khoản 1 Điều này"; Nghị định số 120/2020/NĐ-CP chỉ yêu cầu thành lập Hội đồng quản lý ở đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (và giao quyền quyết định cho các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). Do đó, quy định nêu trên tại khoản 5 Điều 10 dự thảo Nghị quyết là không cần thiết và không thuộc thẩm quyền của Quốc hội, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc lược bỏ cho thống nhất, phù hợp.</p> <p>c) Ngoài ra, khoản 1 Điều 10 dự thảo Nghị quyết quy định về nguyên tắc sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập có nhiều quy định mang tính chi đạo, chung chung, không có tính quy phạm pháp luật. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý cho phù hợp.</p>	
<p>3. Về tính thống nhất trong chínhS dự thảo Nghị quyết</p> <p>a) Như ý kiến nêu tại điểm 2.1.a Mục I.2 Báo cáo thẩm định này, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý bảo đảm thống nhất về phạm vi điều chỉnh với nội dung của dự thảo Nghị quyết; tách bạch phạm vi điều chỉnh với đối tượng áp dụng và quy định đầy đủ đối tượng áp dụng.</p>	<p>Bộ Tài chính đã tiếp thu và chỉnh lý nội dung tại dự thảo Nghị quyết.</p>

Nội dung	Tiếp thu/Giải trình
<p>b) Khoản 1 Điều 11 dự thảo Nghị quyết quy định: “<i>Chính phủ, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, chính quyền địa phương cấp tỉnh theo thẩm quyền quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng và tổ chức thực hiện Nghị quyết này bảo đảm điều kiện tiếp cận, thực hiện cơ chế, chính sách thuận lợi, khả thi, hiệu quả</i>”. Tuy nhiên, dự thảo Nghị quyết không có nội dung quy định liên quan đến Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Do đó, nội dung quy định giao nhiệm vụ cho Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại khoản 1 Điều 11 dự thảo Nghị quyết chưa bảo đảm tính gắn kết, thống nhất với nội dung Dự thảo nghị quyết. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý cho thống nhất, phù hợp.</p>	
<p>IV. VỀ TÍNH TƯƠNG THÍCH VỚI ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN MÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM LÀ THÀNH VIÊN; BẢO ĐẢM YÊU CẦU VỀ QUỐC PHÒNG, AN NINH; NGUỒN TÀI CHÍNH, NGUỒN NHÂN LỰC</p> <p>1. Về tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên</p> <p>Hội đồng thẩm định (trong đó có đại diện Bộ Ngoại giao) nhận thấy, nội dung dự thảo Nghị quyết không trái với các cam kết quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục phối hợp với Bộ Ngoại giao rà soát, bổ sung đánh giá để đảm bảo nội dung dự thảo Nghị quyết không trái với các điều ước quốc tế có liên quan, khẳng định nội dung này tại Tờ trình Chính phủ.</p>	<p>Bộ Tài chính đã nghiên cứu, rà soát để đảm bảo nội dung dự thảo Nghị quyết không trái với các điều ước quốc tế có liên quan; đồng thời, khẳng định nội dung này tại Tờ trình Chính phủ.</p>

Nội dung	Tiếp thu/Giải trình
<p>2. Về bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh</p> <p>Tại dự thảo Tờ trình, cơ quan chủ trì soạn thảo chưa báo cáo nội dung về bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh trong dự thảo Nghị quyết. Hội đồng thẩm định (trong đó có đại diện Bộ Quốc phòng, Bộ Công an) chưa phát hiện dự thảo Nghị quyết có nội dung không bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tiếp tục rà soát, bổ sung nội dung đánh giá về bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh tại Tờ trình Chính phủ.</p>	<p>Bộ Tài chính đã nghiên cứu, rà soát để đảm bảo nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp với yêu cầu về quốc phòng, an ninh.</p>
<p>3. Về nguồn tài chính, nguồn nhân lực</p> <p>Tại dự thảo Tờ trình Chính phủ, cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo: <i>“Về cơ bản, việc thi hành Nghị quyết về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế nhà nước không làm phát sinh nguồn nhân lực và tài chính mới để thực hiện... Trong đó, giải pháp tăng vốn điều lệ cho các doanh nghiệp nhà nước mạnh, quy mô lớn, có vai trò dẫn dắt trong các lĩnh vực then chốt, chiến lược của nền kinh tế hoặc chính sách bảo đảm đủ vốn, hỗ trợ lãi suất và cung cấp đủ tín dụng đối với dự án trọng điểm quốc gia, dự án đầu tư ở nước ngoài do cấp có thẩm quyền giao ngoài kế hoạch của doanh nghiệp có thể làm phát sinh thêm nguồn lực ngân sách”</i> (Mục VII.1). Nội dung đánh giá nêu trên chưa bảo đảm rõ ràng, đầy đủ, khả thi. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung đánh giá nguồn lực triển khai Nghị quyết đầy đủ, khách quan, toàn diện, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định (ví dụ: nguồn thu của ngân sách nhà nước ảnh hưởng như thế nào khi sử dụng toàn bộ nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn để tăng vốn điều lệ cho doanh nghiệp tại điểm a khoản 1 Điều 6 dự thảo Nghị quyết?...).</p>	<p>Về nội dung này, Bộ Tài chính báo cáo và làm rõ tác động tới nguồn lực tài chính như sau: Việc thi hành Nghị quyết về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển KTNN không làm phát sinh nguồn nhân lực và tài chính mới để thực hiện các thủ tục hành chính (TTHC).</p>

Nội dung	Tiếp thu/Giải trình
<p>V. VỀ SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, VIỆC PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP, VIỆC ỨNG DỤNG, THỨC ĐẨY PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYÊN ĐỔI SỐ, VIỆC BẢO ĐẢM BÌNH ĐẲNG GIỚI, CHÍNH SÁCH DÂN TỘC</p> <p>1. Về sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính</p> <p>Tại dự thảo Tờ trình, cơ quan chủ trì soạn thảo chưa báo cáo nội dung liên quan đến thủ tục hành chính, nhất là việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính. Hội đồng thẩm định chưa phát hiện nội dung dự thảo Nghị quyết làm phát sinh thủ tục hành chính. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát nội dung dự thảo Nghị quyết để đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 5 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, khoản 2 Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 48/2013/NĐ-CP và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP, bảo đảm thể chế hóa yêu cầu tại Nghị quyết số 79-NQ/TW², Nghị quyết số 158/2024/QH15 ngày 12/11/2024 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025; Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026 và Công điện số 22/CD-TTg ngày 09/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm về cắt giảm thủ tục hành chính, cải</p>	<p>Các cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển KTNN quy định tại dự thảo Nghị quyết không làm phát sinh các TTHC.</p>

² “*Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền đi đôi với kiểm tra, giám sát; tăng cường công khai, minh bạch, tự chủ, tự chịu trách nhiệm và đề cao trách nhiệm giải trình; chú trọng phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong quản lý, hoạt động và nâng cao hiệu quả của kinh tế nhà nước*”; “*Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền, nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, hạch toán kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực vật chất của Nhà nước gắn với trách nhiệm giải trình; giảm thiểu can thiệp hành chính trực tiếp, giảm chi phí tuân thủ; áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro và chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm*”.

Nội dung	Tiếp thu/Giải trình
thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.	
<p>2. Về việc phân quyền, phân cấp</p> <p>Tại dự thảo Tờ trình, cơ quan chủ trì soạn thảo chưa báo cáo nội dung về phân quyền, phân cấp trong dự thảo Nghị quyết. Theo ý kiến của đại diện Bộ Nội vụ tại cuộc họp Hội đồng thẩm định thì dự thảo Nghị quyết có nội dung chưa bảo đảm chủ trương về phân cấp (ví dụ: các nội dung thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương nhưng lại đưa vào dự thảo Nghị quyết, thuộc thẩm quyền của Quốc hội). Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp với Bộ Nội vụ đánh giá kỹ về việc phân quyền, phân cấp tại dự thảo Nghị quyết, đảm bảo phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước có liên quan đến phân quyền, phân cấp theo hướng phân quyền, phân cấp tối đa; phù hợp với các nguyên tắc quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương và bổ sung đánh giá tại Tờ trình Chính phủ.</p>	Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tài chính báo cáo và làm rõ như sau: Các quy định tại dự thảo Nghị quyết phù hợp với quy định pháp luật liên quan đến phân quyền, phân cấp.
<p>3. Về việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</p> <p>Cơ quan chủ trì soạn thảo chưa báo cáo nội dung về ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong dự thảo Tờ trình. Tại cuộc họp Hội đồng thẩm định, đại diện Bộ Khoa học và Công nghệ không có ý kiến cụ thể về việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong nội dung dự thảo Nghị quyết. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ rà soát, bổ sung nội dung đánh giá về ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại Tờ trình Chính phủ.</p>	Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tài chính báo cáo và làm rõ như sau: Các quy định tại dự thảo Nghị quyết phù hợp với quy định về phát triển KHCN, ĐMST và CDS.

Nội dung	Tiếp thu/Giải trình
<p>4. Về việc bảo đảm bình đẳng giới, chính sách dân tộc</p> <p>Dự thảo Tờ trình chưa đánh giá về việc bảo đảm bình đẳng giới, chính sách dân tộc. Hội đồng thẩm định chưa phát hiện nội dung ảnh hưởng tới bảo đảm bình đẳng giới, chính sách dân tộc. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp với Bộ Dân tộc và Tôn giáo tiếp tục rà soát và đánh giá về sự phù hợp của dự thảo Nghị quyết với yêu cầu bảo đảm bình đẳng giới, chính sách dân tộc (nếu có) và khẳng định nội dung này tại Tờ trình Chính phủ.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tài chính báo cáo và làm rõ như sau: Không làm phát sinh tác động về giới và không phát sinh tác động tới chính sách dân tộc.</p>
<p>VI. VỀ NGÔN NGỮ, THỂ THỨC, KỸ THUẬT TRÌNH BÀY VĂN BẢN VÀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC SOẠN THẢO NGHỊ QUYẾT</p> <p>1. Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản</p> <p>Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý nội dung dự thảo Nghị quyết bảo đảm chính xác, rõ ràng, dễ hiểu và thống nhất, tuân thủ quy định tại Điều 7 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP; trong đó, còn nhiều lỗi kỹ thuật như: tại phần căn cứ ban hành dự thảo Nghị quyết, đề nghị bỏ “<i>Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật...</i>”; đề nghị chỉnh lý “<i>Nhà nước</i>” tại dự thảo Nghị quyết thành “<i>nhà nước</i>”; chỉnh lý “<i>Nhà nước.s</i>” thành “<i>nhà nước</i>”, chỉnh lý “<i>tài nguyên thiên</i>” thành “<i>tài nguyên thiên nhiên</i>” tại khoản 1 Điều 1; tên Điều 2 đề nghị chỉnh lý “<i>doasnh</i>” thành “<i>doanh</i>”; đề nghị chỉnh lý “<i>tài sản trí tuệ, bản quyền công nghệ</i>” tại điểm đ khoản 2 Điều 7 thành “<i>quyền sở hữu trí tuệ</i>” để thống nhất với Luật Sở hữu trí tuệ; đề nghị chỉnh lý “<i>tiết đ</i>” thành “<i>điểm đ</i>” tại khoản 3 Điều 7 dự thảo Nghị quyết...</p>	<p>Bộ Tài chính đã tiếp thu và chỉnh sửa các lỗi kỹ thuật trình bày, ngôn ngữ và thể thức văn bản tại dự thảo Nghị quyết.</p>

Nội dung	Tiếp thu/Giải trình
<p>2. Về trình tự, thủ tục soạn thảo Nghị quyết</p> <p>Như ý kiến đã nêu tại Mục I.1 Báo cáo thẩm định này, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình, làm rõ sự cần thiết phải xây dựng, trình Quốc hội xem xét, ban hành Nghị quyết ngay tại thời điểm kỳ họp Quốc hội đang diễn ra để giải quyết ngay vấn đề cấp bách, vướng mắc, bất cập phát sinh từ thực tiễn, bảo đảm đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15. Trong trường hợp đó, việc xây dựng dự án Nghị quyết có thể được áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn (Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định vấn đề này).</p>	<p>Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Tài chính giải trình, làm rõ sự cần thiết phải xây dựng, trình Quốc hội xem xét, ban hành Nghị quyết ngay tại thời điểm kỳ họp Quốc hội đang diễn ra để giải quyết ngay vấn đề cấp bách, vướng mắc, bất cập phát sinh từ thực tiễn, bảo đảm đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 như sau:</p> <p>a) Đối với dự trữ quốc gia:</p> <p>Nghị quyết số 79-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước ban hành ngày 06/01/2026 (sau thời điểm ban hành Luật Dự trữ quốc gia năm 2025 ngày 15/12/2025) đã định lượng cụ thể mức dự trữ quốc gia đến năm 2030 đạt tối thiểu 1% GDP, năm 2045 đạt 2% GDP. Do vậy để đảm bảo triển khai được mục tiêu của Nghị quyết số 79-NQ/TW, Nhà nước hình thành, quản lý, sử dụng DTQG không chỉ đáp ứng mục tiêu xuất cấp hàng DTQG trong tình huống đột xuất, cấp bách mà còn thực hiện dự trữ chiến lược, là trụ đỡ quan trọng trong nền kinh tế, nhất là trong bối cảnh phải đạt mục tiêu chiến lược tăng trưởng hai con số, bảo đảm an ninh, quốc phòng, an ninh kinh tế, an ninh tài chính, an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an sinh xã hội. Do đó, bên cạnh việc kết hợp mô hình dự trữ chiến lược của Nhà nước, doanh nghiệp và kết hợp Nhà nước với doanh nghiệp thì cần phải ưu tiên ngân sách bố trí cho dự trữ quốc gia trong việc mua tăng hàng dự trữ quốc gia, dự trữ chiến lược và đầu tư xây dựng kho dự trữ quốc gia, bao gồm cả việc xây dựng các kho dự trữ chiến lược về xăng, dầu, dầu thô theo quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ</p>

Nội dung	Tiếp thu/Giải trình
	<p>quốc gia và hệ thống kho dự trữ quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>(ii) Các doanh nghiệp nhà nước là các doanh nghiệp giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm ổn định vĩ mô, định hướng chiến lược phát triển, giữ vững quốc phòng, an ninh; là lực lượng nòng cốt có tác động lớn đến an ninh kinh tế; nguồn lực quan trọng để Nhà nước chi phối, can thiệp kịp thời đáp ứng các yêu cầu đột xuất, cấp bách phát sinh.</p> <p>Chiến lược dự trữ quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đang xây dựng hệ thống dự trữ chiến lược quốc gia theo mô hình nhiều tầng, trong đó dự trữ quốc gia do Nhà nước quản lý giữ vai trò nòng cốt; kết hợp với dự trữ lưu thông của doanh nghiệp và năng lực sản xuất của nền kinh tế. Nguồn lực dự phòng từ khu vực doanh nghiệp (đặc biệt là doanh nghiệp Nhà nước) và xã hội tham gia hệ thống dự trữ chiến lược quốc gia cũng là một trong những nguồn lực quan trọng.</p> <p>Hiện nay pháp luật chưa có quy định cụ thể về cơ chế, nguồn vốn để các doanh nghiệp nhà nước tham gia thực hiện dự trữ chiến lược để thực hiện tự chủ chiến lược, phát triển ổn định nền kinh tế. Do đó, cần có quy định, cơ chế để các DNNN sử dụng phần lợi nhuận sau thuế được để lại tham gia dự trữ chiến lược theo phân công của Chính phủ.</p> <p>(iii) Việc dự trữ các mặt hàng chiến lược về công nghệ cao, đặc thù là cần thiết để phòng trường hợp biến động của thế giới, đặc biệt trong bối cảnh thế giới bất ổn như hiện nay. Tuy nhiên, việc</p>

Nội dung	Tiếp thu/Giải trình
	<p>dự trữ các mặt hàng này cũng tiềm ẩn rủi ro do sự thay đổi nhanh chóng của khoa học, công nghệ thế giới nên sau một thời gian dự trữ không đáp ứng yêu cầu về dự trữ chiến lược trong khi các chủ thể thực hiện dự trữ đã thực hiện đầy đủ các quy trình, đúng quy định của pháp luật. Cơ chế miễn trừ này cũng chưa được quy định tại Luật Dự trữ quốc gia.</p> <p>Các quyết định điều tiết thị trường đều căn cứ dựa trên bối cảnh, tình hình thực tế, mang tính dự báo nên có thể có xác suất nhất định. Vì vậy, cần thiết phải có cơ chế bảo vệ nguồn cán bộ trong hoạt động dự trữ quốc gia nhưng cơ chế này chưa được thể chế hóa tại Luật Dự trữ quốc gia. Do vậy, cần thiết bổ sung vào Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ sẽ có hướng dẫn chi tiết, cụ thể sau khi Quốc hội thông qua Nghị quyết.</p> <p>b) Đối với DNNN:</p> <p>Trong bối cảnh nền kinh tế phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng hai con số và phát triển bền vững, đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô và an sinh xã hội, yêu cầu phát huy vai trò của DNNN càng trở nên cấp bách. Nếu không có cơ chế đặc thù đủ mạnh thì khu vực DNNN khó có thể tạo ra động lực tăng trưởng mới và có thể hạn chế việc phát huy vai trò dẫn dắt, mức độ lan tỏa của khu vực DNNN đối với sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân.</p>
<p>Khi đó, hồ sơ dự án Nghị quyết gửi thẩm định (bao gồm: Công văn đề nghị thẩm định; dự thảo Tờ trình; dự thảo Nghị quyết; Báo cáo rà soát chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế có liên quan; Bản so sánh; Bản tổng hợp ý kiến góp ý) đã bảo đảm đầy đủ theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 51 Luật số 78/2025/QH15,</p>	<p>Bộ Tài chính đã rà soát và hoàn thiện hồ sơ dự án Nghị quyết.</p>

Nội dung	Tiếp thu/Giải trình
<p>được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 187/2025/QH15. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục hoàn thiện hồ sơ dự án Nghị quyết như sau:</p> <p>a) Đối với dự thảo Tờ trình, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện dự thảo Tờ trình theo ý kiến nêu tại Báo cáo thẩm định này, tập trung làm rõ tính “đặc thù”, “đặc biệt” của các nội dung trong dự thảo Nghị quyết và cơ sở đề xuất các nội dung này; hoàn thiện dự thảo Tờ trình theo đúng Mẫu số 2 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP và lưu ý bổ sung nội dung: “<i>nêu rõ: nội dung sửa đổi, hoàn thiện; nội dung bổ sung; nội dung lược bỏ; nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; nội dung phân quyền, phân cấp; vấn đề còn ý kiến khác nhau cần xin ý kiến cấp có thẩm quyền và kiến nghị phương án giải quyết</i>” theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này;</p>	
<p>b) Về Bản so sánh dự thảo Nghị quyết, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện bổ sung Bản so sánh, thuyết minh dự thảo văn bản theo đúng Mẫu số 12 Phụ lục IV Nghị định số 187/2025/NĐ-CP và nêu rõ lý do đề xuất quy định tại dự thảo Nghị quyết bảo đảm đầy đủ, chi tiết, rõ ràng (Bảng so sánh dự thảo Nghị quyết hiện nay rất sơ sài; nhiều nội dung không chính xác, không đúng thẩm quyền của Quốc hội như phân tích trong Báo cáo thẩm định này);</p>	Bộ Tài chính đã rà soát và hoàn thiện Bản so sánh.
<p>c) Hoàn thiện Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo theo đúng Mẫu số 07 Phụ lục IV Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;</p>	Bộ Tài chính đã rà soát và hoàn thiện Báo cáo rà soát.
<p>d) Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục phối hợp, lấy ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, tổ chức có liên quan, chuyên gia, người làm thực tiễn, hoàn thiện Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý; trên cơ sở tiếp thu, giải trình đầy đủ, hợp lý các ý kiến góp ý</p>	

Nội dung	Tiếp thu/Giải trình
<p>cũng như ý kiến tại cuộc họp Hội đồng thẩm định ngày 07/4/2026, hoàn thiện hồ sơ dự án Nghị quyết.</p>	
<p>VII. VỀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ KHÁC</p> <p>1. Đề nghị rà soát nội dung dự thảo Nghị quyết để giao Chính phủ quy định chi tiết từng nội dung cần thiết, đảm bảo tính khả thi (khoản 1 Điều 12 dự thảo Nghị quyết quy định: “<i>Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày được Quốc hội thông qua</i>” nhưng chưa rõ việc chuẩn bị, xây dựng văn bản quy định chi tiết của Chính phủ như thế nào, có bảo đảm có hiệu lực cùng với thời điểm có hiệu lực của Nghị quyết theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật hay không?); bảo đảm quy định chính xác và đầy đủ các trường hợp có thể phát sinh trong thực tiễn tại điều khoản chuyên tiếp, hạn chế tối đa vướng mắc pháp lý khi thi hành.</p>	<p>Bộ Tài chính đã tiếp thu và chỉnh sửa tại dự thảo Nghị quyết. Cụ thể dự thảo quy định như sau: <i>Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày</i></p>
<p>2. Tại cuộc họp Hội đồng thẩm định, đại diện các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước (Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng quốc gia Việt Nam, Tập đoàn công nghiệp Viễn thông Quân đội; Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước...) đã có ý kiến nêu nhiều vấn đề vướng mắc, bất cập liên quan đến hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước nhưng chưa được xử lý trong dự thảo Nghị quyết. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp chặt chẽ với các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước để nghiên cứu, đề xuất trong dự thảo Nghị quyết phù hợp với phạm vi điều chỉnh, đúng thẩm quyền của Quốc hội.</p>	<p>Bộ Tài chính nhận được văn bản số 3523/CNVTQĐ-PC ngày 03/4/2026 của Tập đoàn công nghiệp Viễn thông Quân đội (Viettel), Văn bản số 458/ĐTKDV-KHTH ngày 02/4/2026 của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC). Bộ Tài chính đã nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc và giải trình chi tiết những nội dung chưa tiếp thu.</p>
<p>3. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát toàn bộ dự thảo Nghị quyết để bổ sung quy định về cơ chế “hậu kiểm”, tránh lạm dụng (nếu có) và bảo đảm chống lãng phí, tiêu cực theo yêu cầu, chi đạo tại Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 01/4/2026.</p>	<p>Bộ Tài chính đã rà soát và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết.</p>

Nội dung	Tiếp thu/Giải trình
<p>VIII. KẾT LUẬN</p> <p>Căn cứ hồ sơ gửi thẩm định và ý kiến phát biểu tại cuộc họp Hội đồng thẩm định³, hồ sơ dự án Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế nhà nước chưa đủ điều kiện trình Chính phủ do còn nhiều vấn đề cần tiếp tục được rà soát, chỉnh lý, hoàn thiện (như nêu trong Báo cáo thẩm định). Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến nêu tại Báo cáo thẩm định này (và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Hội đồng thẩm định, các ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân) để hoàn thiện hồ sơ dự án Nghị quyết; trong đó cần tập trung hoàn thiện một số nội dung sau đây (sau đó gửi lại Bộ Tư pháp hồ sơ dự án Nghị quyết (sau hoàn thiện) để thẩm định theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật):</p> <p>(i) Rà soát, chỉnh lý phạm vi điều chỉnh bảo đảm đầy đủ, thống nhất, phù hợp với phạm vi Nghị quyết số 79/NQ-TW và thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết; chỉnh lý đối tượng áp dụng bảo đảm rõ ràng, chính xác;</p> <p>(ii) Hoàn thiện nội dung dự thảo Nghị quyết để bảo đảm chi đưa vào dự thảo Nghị quyết những nội dung cơ chế đặc biệt thuộc thẩm quyền của Quốc hội; không quy định lại những nội dung đã có tại các văn bản quy phạm pháp luật khác; làm rõ mối quan hệ giữa dự thảo Nghị quyết với các Luật có liên quan (đã nêu ở Mục III.2 Báo cáo thẩm định này);</p> <p>(iii) Tiếp tục rà soát, xử lý đúng, đầy đủ những vấn đề cấp bách, có vướng mắc, bất cập phát sinh từ thực tiễn liên quan đến phát triển kinh tế nhà nước thuộc thẩm quyền của Quốc hội, nhất là những vấn đề có liên quan</p>	<p>Bộ Tài chính đã tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và hoàn thiện hồ sơ dự án Nghị quyết.</p>

³ Chủ tịch Hội đồng thẩm định đã xin ý kiến biểu quyết (bằng hình thức giơ tay), kết quả: **100%** thành viên Hội đồng thẩm định dự họp cho rằng hồ sơ dự án Nghị quyết chưa đủ điều kiện trình Chính phủ (không thành viên Hội đồng thẩm định nào có ý kiến khác).

Nội dung	Tiếp thu/Giải trình
<p>đến các doanh nghiệp nhà nước đã được nêu trong Nghị quyết số 79-NQ/TW để trình Quốc hội quyết định ngay tại kỳ họp thứ nhất đang diễn ra. Đối với các vấn đề chưa xử lý trong dự thảo Nghị quyết nhằm thể chế hóa đầy đủ Nghị quyết số 79-NQ/TW (thuộc phạm vi thẩm quyền của Chính phủ hoặc sẽ được thể chế hóa trong văn bản khác thuộc thẩm quyền của Quốc hội) thì phải báo cáo rõ;</p> <p>(iv) Hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết bảo đảm đúng, đầy đủ theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.</p>	